

Số 106

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Câu chuyện
Rahula...

Tr. 31

*Khoảng lặng
cho tâm hồn*

Tr. 08

**Nội tâm
tĩnh lặng**

Tr. 16





TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

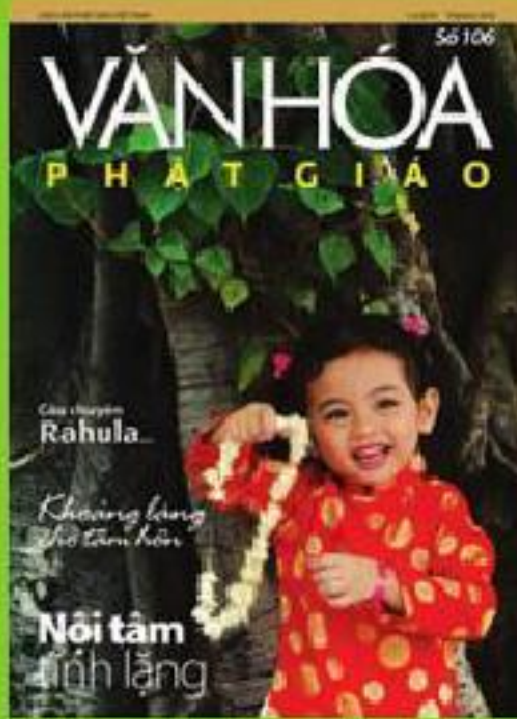
Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương

Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

VPĐD: 215-217 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp.HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Ngon gió thứ tư (Nguyễn Cẩn)	3
Sương mai	5
Chuỗi hạt bồ đề và văn hóa Phật giáo Việt Nam (Thích Chơn Thiện)	6
Khoảng lặng cho tâm hồn (Mặc Phong Giang)	8
Nét đẹp văn hóa (Lưu Dũng Xuất)	10
Phản nộ mất khôn (Hải Hậu)	12
Để tránh những quyết định dựa trên lòng tham (John Pollack)	14
Nội tâm tĩnh lặng (Viên Minh)	16
Vai trò của đạo Phật trong xã hội hiện nay (Huỳnh Ngọc Chiến)	19
Chùa xưa (Hương Tâm Hoàng Thị)	24
Những giá trị sống cho tuổi trẻ (Nguyễn Thế Đăng)	26
Chuyện lòng tin (Tấn Nghĩa)	28
Câu chuyện Rahula và trách nhiệm đối với tuổi trẻ (Thái Kim Lan)	31
Về chiếc Lá điều bông ấy (Hà Thúc Hoan)	34
Kinh tế học và tinh thần học phương Đông (Hạo Nhiên)	37
Thầy Chơn Không (Trà Kim Long)	40
Trái tim trong sáng ngời bút tinh đời (Dương Hiền Nga)	42
Giác hồn (Cung Tích Biền)	44
Đêm trăng phố núi hát với nhau (Bằng Dương)	45
Thơ	48
Chuyện kể về một chiếc thuyền bỏ không (Lê Thị Chân Tú)	50
Đượm tình trong tiếng ban mai (Trần Văn Hạc)	54
Hồn đảo (Thanh Hà)	56
Lại về	58
Lời cảm ơn cuộc sống	60
Món chay: Bánh mì xíu (Hoàng Anh - Phú Xuân)	61

Bìa 1: Em đến chùa. Ảnh: Thế Phong

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Với người con Phật, mùa Phật đản là cả một mùa vui. Vừa qua, chúng ta đã chứng kiến Tuần văn hóa Phật giáo ở TP. Huế và Triển lãm Mỹ thuật Phật giáo lần III ở TP.HCM bên cạnh vô số hoạt động mừng Phật đản trên cả nước. Những ngày tung bừng mừng Khánh đản Đức Phật Thích Ca đã qua nhưng dư âm mùa Phật đản vẫn còn rộn trong lòng người con Phật để sách tấn chúng ta sống đúng theo chánh pháp. Do đó, trong Văn Hóa Phật Giáo số này chúng tôi tiếp tục đăng một số bài liên hệ đến mùa Phật đản.

Nhân đây, VHPG xin có đôi lời tâm sự chân thành gửi đến quý độc giả, các thân hữu và ân nhân.

Văn Hóa Phật Giáo là tạp chí duy nhất do Giáo hội Phật giáo Việt Nam đứng tên chủ quản; tuy nhiên, suốt gần sáu năm qua, tờ báo vẫn phải tự thân nỗ lực để tồn tại trong những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua. Những năm đầu có mặt, với mong muốn đem lại cho quý độc giả một sản phẩm tinh thần tinh tế và thanh nhã, VHPG đã phải chấp nhận lỗ hàng tháng tới 4, 5 chục triệu. Trước tình hình đó, toàn bộ nhân viên tòa soạn đã tự nguyện không nhận thù lao hoặc chỉ nhận một mức thù lao tối thiểu, đồng thời tìm mọi cách cắt giảm những chi phí chưa thật sự cần thiết cộng với sự giúp đỡ thiết thực của một số ân nhân và thân hữu, nhờ thế đến đầu năm Kỷ Sửu 2009, tạp chí đã có thể đạt được sự quân bình thu chi. Thế nhưng đến ngày 1/5/2009, do cước phí gửi báo trong nước qua đường bưu điện tăng bất ngờ từ 1.800đ/tờ lên đến 4.500đ/tờ, VHPG lại phải chịu một giai đoạn lao đao. Gần đây, kể từ ngày 16/4/2010, giá cước gửi báo đi nước ngoài đang từ 45.000đ/tờ lại đột ngột tăng đến tối đa là 66.000đ/tờ. Khoản tăng giá cước này tất nhiên chỉ VHPG phải gánh chịu, vì chúng tôi đã nhận tiền đặt báo dài hạn của độc giả ở nước ngoài cả năm, không thể điều chỉnh giá. Cũng xin nói thêm, báo gửi ra nước ngoài, chúng tôi cũng chỉ tính với độc giả theo giá 12.000đ/tờ cộng với tiền cước gửi báo tương ứng đến từng quốc gia. Hiện nay, số lượng báo gửi đi nước ngoài không phải là ít nên sự khó khăn của chúng tôi hẳn là nhiều.

Trong khi đó, chúng ta cũng thấy gần đây Phật giáo đang phát triển tốt đẹp, hoạt động Phật giáo được xã hội chú ý. Rất nhiều Phật sự như xây chùa, tô tượng, đúc chuông, lễ lạt... rất tốn kém vẫn có nhiều vị hăng tâm hăng sản đóng góp bảo trợ. Riêng VHPG, mặc dù đã có những đóng góp thiết thực cho việc chuyển tải giáo lý đạo Phật, văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc, được các giới độc giả đón đọc, lại chưa nhận được một sự giúp đỡ đáng kể nào.

Trước hoàn cảnh éo le này, chúng tôi đành phải kêu gọi toàn thể quý độc giả, các thân hữu và ân nhân tiếp tục quan tâm giúp đỡ chúng tôi bằng cách, (1) thường xuyên đóng góp ý kiến để tờ báo ngày càng phong phú hơn về nội dung và trang nhã hơn về hình thức; (2) tiếp tục quảng bá cho tờ báo để ngày càng mở rộng số lượng phát hành trong nước; (3) tăng cường việc mua báo tặng bạn bè, thân hữu và các giới cần được tiếp cận với văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc mà chưa đủ điều kiện tiếp cận; và (4) giúp đỡ tài chánh cho tạp chí dưới nhiều hình thức... Dù sự giúp đỡ của quý vị đối với tờ báo được thể hiện bằng hình thức nào, chúng tôi đều trân trọng và xin được chân thành cảm ơn.

Tuy những khó khăn vẫn tiếp tục tác động đến sự tồn tại của VHPG, chúng tôi xin khẳng định với quý độc giả, thân hữu và ân nhân rằng con đường mà VHPG đã chọn sẽ được chúng tôi tiếp tục và VHPG vẫn cố gắng để có mặt bất chấp mọi gian khổ.

Xin chân thành kính chúc quý độc giả nhiều an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Ngọn gió thứ tư

NGUYỄN CÁN

Từ đi tìm kỷ lục

Một vị giáo sư từ nước ngoài về thăm quê hương, ngạc nhiên phát biểu: "Vi công việc, tôi phải đi khá nhiều nước trên thế giới và chưa thấy ở đâu người ta lại 'mê' được UNESCO công nhận như ở Việt Nam" (TS Nguyễn Văn Huy).

Đã từ lâu đi đến đâu người ta cũng nghe cụm từ "di sản", nếu không ở cấp thế giới thì cũng cấp quốc gia. Đã xây ra một số chuyện khôi hài như chuyện Khu Di tích đền Hùng bị chính Hội đồng Di sản Quốc gia bác bỏ hồ sơ xin UNESCO công nhận vì thiếu nhiều tiêu chuẩn. Cuối cùng Hội đồng cũng phải nhún nhường vì áp lực (?) nên đành phải đưa *hát xoan ghẹo* vào danh sách đề nghị UNESCO xét công nhận di sản văn hóa phi vật thể (!). Có vẻ như thú vui "làm hồ sơ xin công nhận" đang trở thành một phong trào, nhà nhà *làm lễ hội*, người người *lập thành tích*... trong khi nếu hỏi rằng những người *làm lễ hội lập thành tích* đó có giáo dục hay tuyên truyền cho người dân ý thức về nghĩa vụ gìn giữ di sản chưa thì e rằng... câu hỏi ấy còn bỏ ngỏ. Hãy cứ xem cách người ta xử lý khu Hoàng thành Thăng Long thì rõ. Người ta còn ghi nhận rằng nhân Đại lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long, rất nhiều kỷ lục được đưa ra: từ cặp bánh chưng kỷ lục *sau đó bị mốc* và bánh giầy khổng lồ *sau đó thiu* đến chai rượu *khủng* dâng Quốc tổ để được công nhận kỷ lục Việt Nam



mà thực chất chỉ là một trò PR.

Nhận định về tình trạng 'mê' kỷ lục này, khi trả lời trên báo Tuổi Trẻ, nhà văn Nguyễn Ngọc đã nói: "Tình trạng đó thật sự là một tấn 'bi hài kịch'. Nó thậm chí còn có thể kéo những người đứng đắn ra xa khỏi các hoạt động văn hóa vốn dĩ rất đáng được coi trọng, chỉ vì nó được nhắc đến quá nhiều bằng các danh hiệu và các kỷ lục đến mức phản cảm. Nó cào bằng các giá trị và đến một lúc sẽ khiến lớp trẻ không còn biết tin vào thang giá trị nào."

Từ đầu thế kỷ 20, Phan Chu Trinh đã nhiều lần chỉ ra và phê phán căn bệnh này. Thật đáng tiếc là căn bệnh này lại không được chữa trị kiên trì bằng giáo dục mà ngày càng nặng hơn và có nhiều biến tướng trầm trọng hơn, do nền giáo dục quá chú trọng thành tích trong suốt nhiều thập kỷ qua (báo Tuổi Trẻ 26 tháng 4, 2010).

Đến chuộng hư danh

Nhận xét của Nguyễn Ngọc cũng là nỗi lo của nhiều người về căn bệnh chạy theo thành tích bất chấp những giá trị thực trong xã hội hiện nay. Khởi đầu là từ giáo dục. Một thế hệ học sinh lớn lên, quay quắt với đủ thứ chỉ tiêu thi đua vô nghĩa sẽ không thể miễn nhiễm với thói chuộng hư danh được. Người ta đã từng nghe qua những chỉ tiêu như "tiến sĩ hóa Ủy ban Nhân dân" hay 20.000 tiến sĩ vào năm 2015... dù hiện nay ai ai cũng đều biết hệ thống giáo dục và việc đánh giá các văn bằng đang có nhiều lỗ hổng đến thế nào, đến mức có người còn gọi nghiên cứu sinh bậc cao học là học sinh cấp 5; hoặc người ta thấy thi tiểu học hiện nay còn gay go cực nhọc hơn nhiều so với việc lấy bằng tiến sĩ (!). Nhà văn Ngô Tự Lập có lần viết:

"Tôi suýt nổi giận khi ông bạn và đối tác người Malaysia - một người lấy vợ Việt Nam, đại diện tại Việt Nam của rất nhiều trường đại học nước ngoài - tuyên bố: 'The Vietnamese have a cheating culture'. Trong ngữ cảnh cụ thể lúc đó, câu nói của ông chỉ có nghĩa là 'Sinh viên Việt Nam có một nền văn hóa đạo văn', mặc dù người ta cũng có thể hiểu là 'Người Việt Nam có nền văn hóa lừa đảo'. Nhưng nghĩ kỹ lại, tôi thấy nhận xét của ông ta, dù hơi nặng, cũng không phải là hoàn toàn không có cơ sở."

Cơ sở ấy là gì? Là tình trạng sao chép luận văn tốt nghiệp trên internet, sao chép của nhau, của sinh viên các khóa trước... Người ta đã công khai chào bán luận văn trên mạng... và còn nhận lời viết hộ. Điều tệ hại nhất là các em không có thói quen trích dẫn, nghĩa là không hề chú thích nguồn. Có em còn ngụy thơ 'dịch' từ những bài viết bằng tiếng Anh trên mạng đem nộp, khi bị phê bình đã hồn nhiên trả lời 'Dịch đã là đồ công sức lao động rồi, còn hơn lấy của các bạn khóa trước'.

Đáng buồn là tình trạng chuộng hư danh bất chấp thủ đoạn đã khiến cả những bậc thầy của các em cũng 'nhúng chàm'. Có vị thuê người dịch rồi đứng tên 'hiệu đính', 'chủ biên' hay 'đồng tác giả'. Nhưng cách làm mà ai cũng biết là lấy giáo trình hay sách nước ngoài, dịch ra rồi

biến thành công trình khoa học của mình.

Báo chí gần đây lùm xùm vụ giáo trình Tài chính quốc tế của PGS TS Phan Thị Cúc xuất bản năm 2008 bị PGS TS Trần Ngọc Thơ tố cáo là sao chép giáo trình do ông và TS Nguyễn Ngọc Định biên soạn, xuất bản 1996. Đến lượt mình, ông Thơ, sau khi phê phán "tình trạng" tham nhũng học thuật "trong giới giáo sư và sinh viên đại học" đã phải trả lời công luận vì chính ông cũng đã bị nghi ngờ "đạo" lại cuốn "International Financial Management" của GS Jeff Madura thuộc Trường Đại học Florida Atlantic (Mỹ). Ông chỉ trả lời rằng do có tới 5 người biên soạn nên không kê hết nguồn tài liệu tham khảo. "Do quá lâu rồi nên không nhớ có trích dịch cuốn sách của GS Madura hay không... Nếu quả thực đúng như vậy thì sẽ bổ sung vào lần sau (???)". (báo Thanh Niên thứ Năm, 6 tháng 5, 2010).

Liệu việc "đạo" từ luận án cuối khóa, bài làm trong lớp rồi đến đạo nhạc, đạo phim... có trở thành "văn hóa" hay chưa thì có lẽ cũng chưa ai dám kết luận nhưng rõ ràng những hiện tượng thực ra là bất thường ấy ngày càng phổ biến và điều tệ nhất là người ta thấy nó... bình thường (!).

Ngon gió độc thứ tư

Có người nêu vấn đề nếu chai rượu dâng lên Quốc tổ thực sự phát xuất từ thành tâm thì cần gì phải rầm rộ loan tin, phát sóng, hãy xem như một nén nhang, một hành hoa thì liệu đơn vị hay cá nhân ấy có còn muốn "dâng" nữa không? Hãy nhớ ngọn đèn của bà lão nghèo dâng lên Phật. Khi tâm thành, thì con người sẽ tỏa sáng trong trời đất. Cuộc sống không chỉ có vĩ nhân, kỷ lục mà cần những giá trị thực...

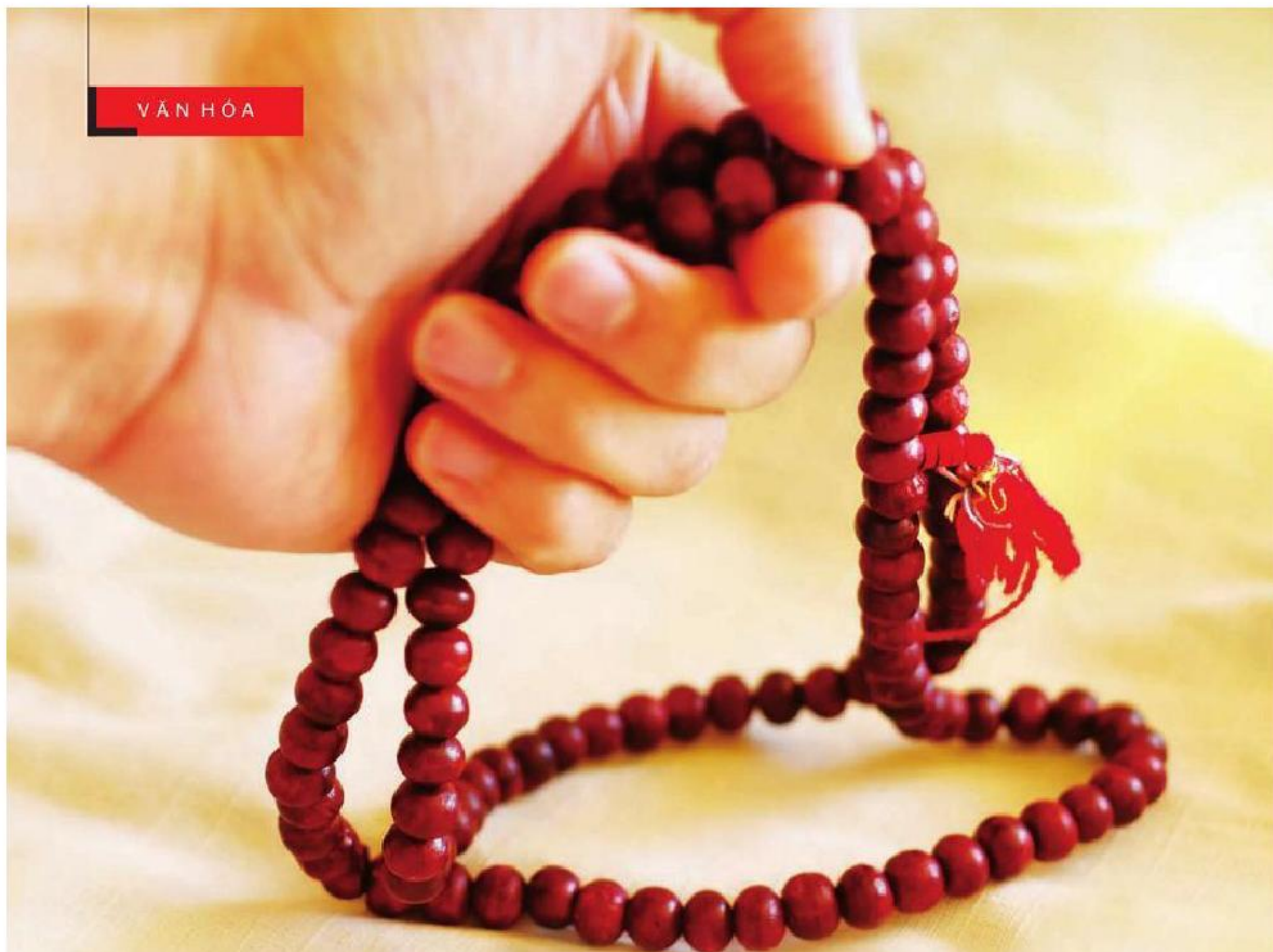
Phật pháp gọi việc chuộng hư danh như thế là "ngon gió thứ tư" trong tám ngọn gió độc (bát phong): lợi, ái, hỷ, dự, xung, cơ, khổ và lạc. Trong đó, "dự" là ngon gió dễ khiến chúng ta mê muội vì khi nghe xung tưng, mình sẽ vong thân trong những giá trị mà mình nghĩ mình có hoặc quan trọng hơn, mình muốn người khác nghĩ rằng mình có. GS Phạm Công Thiện còn cảnh báo rằng cho dù chúng ta tu bao nhiêu năm không biết, nếu trước phút lâm chung, khi nghe thiên hạ ca ngợi mà tâm ta động thì công phu chẳng còn gì!

Đã đến lúc mọi người phải bình tĩnh và can đảm nhìn vào sự thực, xây dựng những chuẩn mực mới cho giá trị con người và đất nước. Điều cần thiết không phải là những danh xưng "di tích" hay "di sản phi vật thể" mà là nếp sống giản dị, trung thực và chan chứa tình người. Thử hỏi có ý nghĩa gì khi chung quanh những di sản, người ta "buôn thần bán thánh", mưu đồ xây dựng địa vị cá nhân hay gọi nhau bằng những chức danh rỗng tuếch...

Văn hóa luôn hướng đến chữ Chân trước khi là Thiện, là Mỹ. Vì thế mà "hãy mở mắt ra và nhìn lại...". ■

*Chúng ta sẽ tu tập tâm từ bi
giải thoát, làm cho sung mãn,
làm thành cỗ xe, làm thành
căn cứ địa, an trú, tích lũy và
khéo thực hiện*

*(Kinh Tương ưng bộ -
Tương ưng thí dụ)*



Chuỗi hạt bồ-đề

và văn hóa Phật giáo Việt Nam

THÍCH CHƠN THIÊN

Chuỗi hạt bồ-đề không chỉ là vật bất ly thân của một tu sĩ Phật giáo Việt Nam, mà còn là vật bất ly thân của văn hóa Việt Nam chứng nào nỗi khổ đau ở đời chưa vơi cạn. Lăn hạt là vượt qua sông mê biển ái thoát nỗi thống khổ trầm luân sinh diệt.

Dẫn nhập

Các nhà sư Việt Nam và các cư sĩ Việt Nam thường có chuỗi hạt bồ đề ở vòng cổ, vòng tay, và thường lăn hạt trong các thời công phu của họ. Tập quán này đã có từ lâu xa ở Việt Nam, vốn bắt nguồn từ tông phái Tịnh độ thờ Bồ-tát Phổ Hiền làm sơ tổ, được khai lập từ Trung Quốc phổ biến từ đời Tấn, Ngụy, Đường, rồi truyền qua Việt Nam, Nhật Bản. Tông phái này dựa vào giáo lý kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà – một vị sư Ấn dịch kinh Vô Lượng Thọ từ thế kỷ thứ II Tây lịch; pháp sư Cưu Ma La Thập dịch kinh A Di Đà vào thế kỷ thứ IV Tây lịch.

Trước mỗi lần lần hạt, Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam thường đọc bài kệ:

"Ái hà thiên xích lãg
Khổ hải vạn trùng ba
Dục thoát luân hồi khổ
Táo cấp niệm Di-đà"
(Sông ái nghìn sóng xao
Biển khổ vạn ba đào
Muốn thoát khổ trầm luân
Gấp gáp niệm Di-đà).

Vậy lần hạt là vượt qua sông mê biển ái thoát nổi thống khổ trầm luân sinh diệt. Vượt qua được là *ái diệt*, chân lý thứ ba trong *Tứ Thánh đế*, bài pháp đầu tiên mà Đức Thích Tôn đã thuyết giảng tại vườn Lộc Uyển (Varanasi: - Ba-la-nại) cho năm người anh em Tôn giả Kiều-trần-như, năm người vốn đồng tu khổ hạnh với Đức Phật. Cụ thể ý nghĩa của 18 hạt bồ đề, 36 hạt bồ đề, và 108 hạt bồ đề (của xâu chuỗi nhỏ và xâu chuỗi lớn) là gì?

18 dòng ái, 36 dòng ái và 108 dòng ái

Tăng Chi Bộ kinh, tập II (PTS, London, 1989, p.1-2) ghi:

"Thế nào là 18 tư duy bị ám ảnh bởi ái liên hệ đến nội tâm? Nay các Tỷ-kheo, khi nào có tư tưởng 'ta có mặt' thì sẽ có những tư tưởng 'ta có mặt trong đời này', 'ta có mặt như vậy', 'ta có mặt khác như vậy', 'ta không thường hằng', 'ta thường hằng', 'ta phải có mặt không?', 'ta phải có mặt trên đời này', 'ta phải có mặt như vậy', 'ta phải có mặt khác như vậy', 'mong rằng ta có mặt', 'mong rằng ta có mặt trên đời này', 'mong rằng ta có mặt như vậy', 'mong rằng ta có mặt khác như vậy', 'ta sẽ có mặt', 'ta sẽ có mặt trên đời này', 'ta sẽ có mặt như vậy', 'ta sẽ có mặt khác như vậy'."

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là 18 tư duy bị ám ảnh bởi ái liên hệ đến ngoại cảnh?

Khi nào có tư tưởng 'do cái này, ta có mặt', thì sẽ có các tư tưởng: 'do cái này, ta có mặt trên đời này'... (tương tự như trên)".

Tư duy hữu ngã, tư duy chuyên chở ý niệm về 'tôi', quấn chặt vào lòng khát ái (dục ái, hữu ái, vô hữu ái) và mở ra 18 dòng ái liên hệ đến nội tâm, và 18 dòng ái liên hệ đến ngoại cảnh.

Quá khứ có 36 dòng ái, hiện tại có 36 dòng ái, và vị lai cũng có 36 dòng ái, tất cả là 108 dòng ái buộc chặt lấy tâm thức con người với vô vàn trói buộc, khổ sầu, bi lụy, theo dòng chảy Duyên khởi của vạn hữu (do ái mà có thù, hữu, sinh, lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não). Đây là sự thật mà Đức Phật Thích Ca đã giác ngộ dưới cội bồ đề hơn 26 thế kỷ qua và đã giới thiệu với đời đạo Phật, tôn giáo của toàn cầu. Lần hạt, thực chất là tự nhắc nhở mình về sự trói buộc của 36 dòng ái ấy, là hạ quyết tâm làm chủ tâm thức đi ra khỏi sự ràng buộc ấy, là hưng khởi sự giác tỉnh rằng: trọn gói vô minh, ái, thù là từ tư tưởng về sự có mặt của *cái tôi* rất gần gũi mà rất phiền não ấy: *Cái tôi và sự chấp chặt cái tôi, sự ái luyến cái tôi* là cội nguồn của mọi rối rắm, bí ẩn ở đời này. Tại đây,

chuỗi hạt bồ đề hiện ra như là sứ giả đem lại an bình cho nội tâm và ngoại giới, phải chăng?

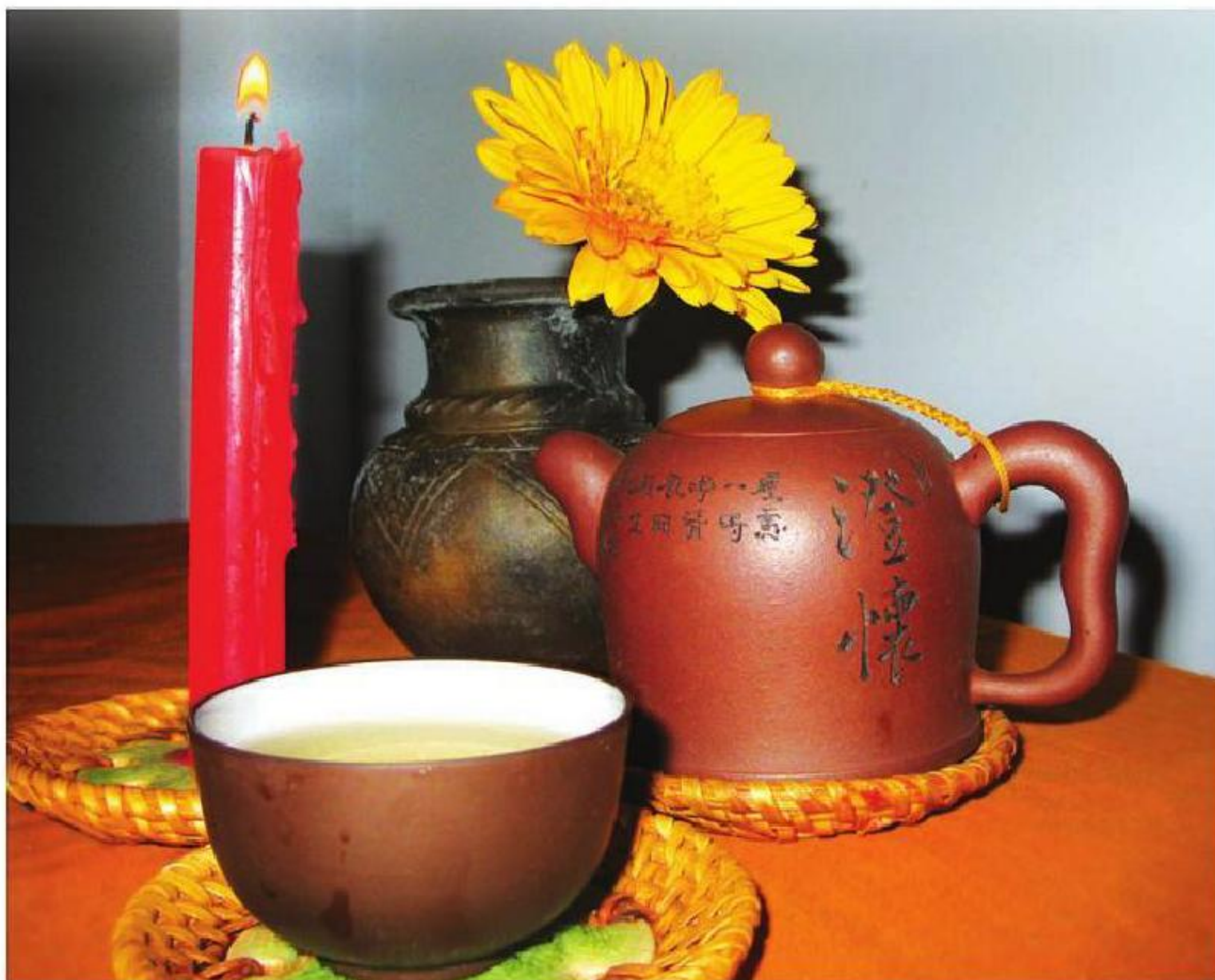
Chuỗi hạt bồ đề và văn hóa

Văn hóa cổ đại xưa nhất của nhân loại, theo tài liệu lịch sử có thể ghi nhận được, là văn hóa Ấn Độ từ thế kỷ thứ XVI, XV trước Tây lịch kỷ nguyên. Nền văn hóa này hợp nhất từ hai dòng chảy: một của nhóm cộng đồng Dravidian (từ vùng Ấn Hà), định cư, tụng ca các thần sông, thần nước, thần cây, thần bò...; một của dân di trú Aryan (xâm lược), từ thế kỷ thứ XVI đến XIII trước Tây lịch, tụng ca thiên nhiên với nhiều tư tưởng về mãnh lực của thiên nhiên. Bấy giờ tư tưởng vẫn chưa phân đôi rạch ròi giữa con người và vũ trụ. Dần dần triết lý phát triển hướng vào trọng tâm "cái tôi", hướng sâu vào nhị nguyên (Dualism) của thời kỳ Upanishad, hay hậu Veda (Vệ-đà): tư duy trở nên "logic" hơn, minh biệt hơn – đầu nguồn chớm nở của các tư duy khoa học – đi vào tìm hiểu ngọn nguồn của con người vật lý, sinh lý, tâm lý; cái tôi ngày càng được tô đậm, và chỗ đứng của "đấng sáng thế" được tạo dựng vững chắc trong niềm tin hữu ngã của nhân loại kéo dài mãi tận đến bây giờ. Nền văn hóa đó gọi là nền văn hóa hữu ngã, hay nền văn hóa của "cái tôi", sáng tạo phẩm của tư duy nhị nguyên – tư duy nhị nguyên chỉ vận hành được nếu chấp nhận (mà không còn là giả định nữa) hản nhiên rằng: mỗi hiện hữu có "cái tôi" của nó (có tự ngã bất biến) – để con người có thể diễn đạt, đối thoại, truyền đạt.

Phật giáo, đứng riêng rẽ một mình, phát hiện rằng ý niệm về một cái tôi hiện hữu là vô minh dẫn đến sầu, bi, khổ, ưu, não cho thế gian, như lời dạy của Đức Phật trích dẫn ở trên. Phát hiện này mở ra một dòng văn hóa Phật giáo chan hòa vào thực tại, đã đến và được chấp nhận, ở Việt Nam từ thế kỷ I, II Tây lịch, và phát triển mạnh từ thời kỳ Tiền Lê, qua thời Lý, thời Trần (400 năm), luôn nhấn mạnh việc giải phóng con người ra khỏi mọi nỗi khổ đau để sống an lạc, hạnh phúc trong từng cảm nhận. Theo đó, dòng đời là dòng biến chứng trôi chảy, khác đi trong từng sát-na (mỗi sát-na theo tâm lý học Phật giáo Theravada là 1/16 của giây), càng chấp chặt cái tôi bất biến thì càng rối rắm – cả tư duy và xã hội – càng vị kỷ, và càng bốc cháy các dục vọng, các tâm lý tham lam, hận thù, si mê, ganh ghét, đố kỵ..., mà càng chuốc lấy phiền não, sầu bi. Theo đó, tâm lý sẽ phát triển tình người, tình yêu thiên nhiên, lòng vị tha, vô ngã và vô úy đem đến cho đời sự thanh bình nội tâm và ngoại cảnh.

Chuỗi hạt bồ đề, vì thế là một biểu tượng của văn hóa Phật giáo, là di sản văn hóa mà nhân loại (một số đông) đang tụng ca và Liên Hiệp Quốc năm 1999 đã tụng ca. Nó không phải chỉ là vật bất ly thân của một tu sĩ Phật giáo Việt Nam, mà còn là vật bất ly thân của văn hóa Việt Nam chừng nào nỗi khổ đau ở đời chưa vơi cạn.

Trích báo *Đại Biểu Nhân Dân* số ra ngày 26/04/2010 ■



Khoảng lặng cho tâm hồn

Bài và ảnh: MẠC PHONG GIANG

Dòng thời gian trôi mãi, mọi vật biến chuyển không ngừng tạo nên sự sống nhộn nhịp. Vì không thể tách rời khỏi thế giới này, con người luôn bị chi phối bởi thời gian và không gian. Để không đắm chìm trong vòng xoáy của xã hội, tôi đã làm quen với trà như tìm đến một người bạn để được tâm sự, sẻ chia. Có lẽ khác với những người chỉ đến trà quán để thưởng thức và có cơ hội thả hồn vào không gian tĩnh lặng trong một góc quán hay để gặp gỡ bạn bè, trao đổi công việc..., ở trà quán, tôi cảm nhận không gian hài hòa qua sự trưng

bày sắp xếp rất nghệ thuật của người chủ quán. Một nơi chốn như thế luôn là khoảng lặng cần thiết trong tâm hồn mọi người, cho nên khi đến trà quán ta có thể tự chọn cho mình một góc trời riêng. Nhưng mỗi khi muốn thưởng thức một ly trà hay cần một không gian cho chính mình thì phải đến quán sao? Từ ý nghĩ đó, tôi đã thiết lập một bàn trà nhỏ thật đơn giản trong phòng, với những dụng cụ cần thiết như: bộ ấm trà bằng đất, nén, cành hoa tươi, lư xông trầm và một chút âm thanh của dòng nhạc Kitaro hay Zen.

Từ khi thiết lập bàn trà trong phòng, nơi đó đã trở

thành một khoảng lặng trong tâm hồn tôi. Mỗi sáng thức dậy, tôi thường pha một ấm, tuy là uống trà nhưng đây cũng là lúc tôi chiêm nghiệm về chính mình, về người thân và về mọi vật chung quanh. Trong suốt quá trình từ lúc chuẩn bị cho đến khi thưởng thức, mọi động tác đều được tôi thực hiện trong chánh niệm để không ảnh hưởng đến bất kỳ ai ở các phòng bên cạnh. Ngồi thẳng lưng, theo dõi hơi thở vào-ra và ý thức sự sống đang thật sự hiện hữu, tôi chấp tay thắm cảm ơn đất trời đã ban tặng cho con người chén trà tinh khiết. Cách thực tập này giúp tôi thấy được rằng quá trình trồng và sản xuất cây trà rất công phu tỉ mỉ, tốn nhiều công sức, và việc sản xuất ra ấm trà bằng đất cũng thật gian nan. Lòng tôi tràn ngập sự biết ơn! Văn duy trì ý thức, tôi nâng chén trà lên và nhấp từng ngụm để thưởng thức trọn vẹn hương trà, trong khi khói trầm la đà như tô đậm thêm cho không gian buổi sớm vốn trầm lắng càng trở nên trầm lắng lạ thường.

Không phải khi đã có trà ngon, ấm tốt, nước tự nhiên... thì ta có thể có được một chén trà như mong muốn. Để pha được một chén trà ngon không phải là ta cứ bỏ trà vào ấm rồi rót nước sôi vào là xong. Pha được một ấm trà ngon, theo tôi nghĩ, đó là cả một quá trình công phu luyện tập, không những người pha trà phải biết nghệ thuật mà phải cần một chút thư thái trong tâm hồn mới có thể tạo ra một chén trà đầy đạo vị. Vì vậy, lúc nào pha trà dù cho mình hay mời người khác tôi đều quan niệm mình đang tập pha. Cho nên khi nào làm công việc đó tôi rất trân quý khoảng không gian có được cho chính mình và thắm biết ơn người đang có mặt để dùng thử chén trà của tôi.

Vòng xoáy của thời gian và công việc đã đưa nhiều người ra khỏi quỹ đạo sống tự nhiên. Họ đã và đang bị đời sống vật chất bít lấp, cho nên không có cơ hội để nhìn lại mình và có lẽ cũng không dám đối diện với chính mình. Với không ít người, họ có thể chấp nhận bất kỳ hình thức khổ nhọc nào, duy chỉ đừng bảo họ phải ngồi yên: họ chịu không nổi cái khung cảnh vắng lặng hay cảm thấy sợ hãi khi phải đối diện với con người thật của chính mình. Tâm thức con người thường chạy theo ngoại cảnh, lúc nào cũng rong ruổi, dễ gì mà bảo nó ngồi yên được! Cho nên gượng ép nó dừng lại mọi suy tư để quán chiếu tự thân, quán chiếu sự sống... là một cực hình quá mức. Tôi đã quen với khoảnh khắc một mình bên tách trà, ánh nến lung linh, khói trầm lắng dâng hòa cùng tiếng nhạc du dương trầm bổng; không gian này đã giúp tôi cảm thông hơn với mọi người và tôi cảm nhận như nghe được lời thốt thức trong trái tim mình. Đôi khi tôi cũng muốn sẻ chia cái giá trị của vài mươi phút uống trà, tĩnh tâm... nhưng ít có người tiếp nhận được vì họ không tin rằng sự sống chỉ có mặt trong giờ phút hiện tại.

Tim hiếu về nguồn gốc và sự phát triển của trà, tôi đã xem qua mấy quyển sách: *Trà kinh* (Lục Vũ), *Trà kinh*

(Vũ Thế Ngọc), *Trà đạo, Trà luận* (Nguyễn Bá Hoàn) và một số bài báo viết về trà khác. Đọc mấy quyển sách này rất thú vị, vì nhờ thế mà tôi biết rõ hơn về cây trà với những lợi ích về sức khỏe cũng như về kinh tế... qua đó tôi cũng được biết cổ nhân đã trồng và thưởng trà như thế nào, cùng nhiều kiến thức bổ ích khác. Nhưng rồi tôi nhận ra rằng sách báo chỉ trình bày kiến thức và kinh nghiệm của người viết chứ qua đó, người đọc không thể tìm được kinh nghiệm cho mình. Muốn có kinh nghiệm thật sự, ta phải tự thực nghiệm trên từng chén trà. Pha được ba ấm trà khác nhau có mùi vị và màu sắc như nhau là cả một thành quả nhờ vào công phu lâu ngày.

Trà có nguồn gốc từ người Á Đông, một tài sản vô giá mà trong quá khứ đã từng là nguyên nhân gây chiến của nhiều quốc gia. Gặp nhau, mời nhau một chén trà, đã trở thành nét văn hóa đặc thù của người Châu Á. Đến với trà là lúc tôi trở về nhận diện sự sống như một thời công phu đích thực, giây phút này không gì có thể thay thế được. Một ngày mà chỉ dành vài mươi phút cho mình thì quả là quá ít nhưng có được cũng đã là quý lắm rồi. Cho nên dù có bận rộn tôi cũng cố gắng pha một chén trà để mà trầm tư, để mà quay về với tự thân như một khoảng lặng cho tâm hồn. Chúng ta không thể làm việc nếu cơ thể thiếu năng lượng và tinh thần suy nhược.

Sự sống không bao giờ dừng lại vì khi nó dừng được thì tất cả mọi vật cũng không còn tồn tại. Nhưng con người thì cần có điểm dừng, dừng ở đây là dừng lại sự tham đắm, lo lắng, buồn khổ... thiết lập ý thức để nhận chân sự hiện hữu giữa ta và mọi vật chung quanh. Tâm ta không thể bình an khi những lo lắng, hận thù đang trấn ngự; chỉ cần dừng lại mọi suy tư tính toán để cho tâm thức được nghỉ ngơi bên chén trà, hương trầm, hoa, nến... ta sẽ cảm thấy sự thư thái trong tâm hồn. Một chén trà, nếu mua ở quán thì giá không là bao nhưng với một chén trà mà ta tự pha chế bằng tinh thần thoải mái thì giá trị không phải nhỏ. Mỗi động tác pha chế sẽ toát lên được con người thật của mình thông qua hương, vị của chén trà. Nếu cho rằng việc pha trà là đơn giản thì không sai hoặc nghĩ rằng việc pha trà không phải là chuyện dễ cũng đúng. Đầu hẳn là cho trà vào ấm và châm nước sôi vào là xong! Nhưng cách pha trà lại không ngoài những động tác đó. Cho nên sự tinh tế của người pha trà và ý vị của đạo không ngoài chỗ này.

Uống trà giúp tôi điềm tĩnh hơn, biết đợi chờ để cho độ sôi của nước phù hợp với trà, như trong cuộc sống, cần nhất là biết thời biết lúc. Trong khi xã hội đang cuốn cuộn như sóng biển dâng trào, hơn bao giờ hết chúng ta cần thiết lập một góc bình an trong phòng để mình có nhiều cơ hội tạo một khoảng lặng cho tâm hồn. Một chén trà rất đời bình dị nhưng bên trong nó lại ẩn chứa cả một kho tàng vô giá của sự hiện hữu mẫu nhiệm. ■

TUẦN VĂN HÓA PHẬT GIÁO 2010 TẠI HUẾ



Ảnh: Pháp Trí

Nét đẹp văn hóa

LƯU DŨNG XUẤT

Với chủ đề “Kính mừng Đại lễ Phật đản Phật lịch 2554” và “Hướng về Đại lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long-Hà Nội”, Ban Trị sự Tỉnh Giáo hội Phật giáo Thừa Thiên-Huế đã tổ chức thành công Tuần văn hóa Phật giáo 2010. Diễn ra trong không gian của Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán, số 15A đường Lê Lợi, TP.Huế, bảy ngày của Tuần văn hóa Phật giáo 2010 cũng có nhiều điểm nhấn mang lại cho người tham dự những ấn tượng khó phai.

Trước hết là sự có mặt của Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam và phu nhân trong buổi lễ khai mạc vào sáng ngày Chủ nhật 16/5. Không những chỉ có mặt, ngài Đại sứ còn là người giới thiệu bộ phim *Quái đàm* (Kwaidan) do đạo diễn Kobayashi Masaki dàn dựng vào năm 1964 dựa trên những câu chuyện ma quái của Nhật Bản được Lafcadio Hearn sưu tầm và biên soạn lại. Buổi chiếu phim diễn ra một tiếng đồng hồ sau khi bắt đầu lễ khai mạc. Bên cạnh đó, ngay trong buổi sáng hôm ấy, phòng triển lãm “Cổ vật Thăng Long” cũng mở cửa đón khách.

Đề tài thuyết trình vào chiều ngày đầu tiên “Khai quật hoàng thành Thăng Long: Ý nghĩa, ảnh hưởng, dấu ấn của Phật giáo đối với Hoàng thành Thăng Long” do Giáo sư Phan Huy Lê phụ trách rất tương hợp với nội dung cổ vật được trưng bày, nên đã khơi gợi nhiều câu hỏi từ phía thính giả. Giáo sư Phan Huy Lê tự hào khi nhắc lại chuyện các chuyên gia nước ngoài thắc mắc tại sao người Việt Nam lại khiêm tốn chỉ xin đăng ký di sản văn hóa thế giới một diện tích rất nhỏ, thì ông đã phải giải thích rằng tuy bé nhưng “bé hạt tiêu”, rằng Hoàng thành Thăng Long chứa đựng di sản khổng lồ. Trong phần thảo luận, cử tọa đã có những câu hỏi đặt thẳng vấn đề năng lực của những người làm công tác khai quật hoàng thành Thăng Long, gián tiếp nhắc nhở trách nhiệm bảo quản cổ vật trong quá trình tác nghiệp.

Hoạt động của ngày hôm sau, thứ Hai 17/5, cũng khá sôi nổi, vì đề tài thuyết trình lúc 15g00 “Của tin truyền lại đã ngàn năm” do nhà nghiên cứu Trần Đình Sơn phụ trách, ngoài giá trị khái lược những nét đặc sắc của văn

hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc thông qua những cổ vật đã được phát hiện, còn có sức thu hút nhờ sự hiện diện của những cổ vật được trưng bày mang tính minh họa cao nhất khi chúng được giải thích bởi chính chủ nhân cổ vật. Lại nữa, dấu ấn của Phật giáo tuy vẫn lộ rõ trong hình ảnh của những cổ vật, nhưng vẫn cần có sự 'phiên dịch' của bậc thức giả thì người thường ngoạn mới thấy hết sự thú vị của đường nét hay hoa văn; vì thế, cuộc thuyết trình của Trần Đình Sơn đã thu hút đông đảo chư tôn đức, Tăng Ni và các giới đồng bào xứ Huế. Buổi tọa đàm diễn ra bắt đầu lúc 19g00 do Giáo sư Thái Kim Lan chủ trì có chủ đề "Phật giáo với tuổi trẻ" cũng thu hút được một lượng bạn trẻ tham gia đông đảo. Sự khéo léo của những người trên bàn chủ tọa đã tạo điều kiện cho giới trẻ thẳng thắn đặt những câu hỏi về trách nhiệm của thế hệ đi trước trong việc xóa bỏ khoảng cách thế hệ (generation gap), trong việc lấp đi khoảng trống tâm linh ở giới trẻ, trong việc giải quyết nạn bạo lực học đường... Cũng có nhiều bạn trẻ mạnh dạn góp ý chia sẻ về hướng đi của mình sau khi đã tiếp cận Phật giáo, cho thấy những người trẻ khi đến với Phật giáo đã có được định hướng tốt cho cuộc đời của họ, mặt khác làm rõ trách nhiệm của những người trao truyền giáo lý Phật-đà là phải nhanh chóng tìm ra được những cách thích hợp để giới thiệu đạo Phật với lớp người trẻ trong thời đại số hóa ngày nay. Phải chăng trên tinh thần đó mà Giáo sư Thái Kim Lan nói tới việc hãy đến với Phật giáo bằng tâm hồn của người nghệ sĩ sáng tạo đời sống?

Một buổi thuyết trình cũng gây ấn tượng là buổi thuyết trình của doanh nhân Tạ Thị Ngọc Thảo được tổ chức vào lúc 15g00 ngày thứ Tư 19/5. Với chủ đề "Văn hóa Phật giáo trong kinh doanh", nhà doanh nghiệp tự xưng là "trẻ" này đã nêu lên một loạt những tư duy mới mẻ để *chỉ dẫn* nhà chùa làm kinh tế, chị còn đề nghị về một *hệ thống nhà trẻ cho người già*. Chị cho rằng ngày nay người trẻ cần nhiều thời gian hơn, cho nên, người trẻ sẽ sẵn sàng bỏ ra vài ba trăm ngàn mỗi tháng đưa bố mẹ của họ đến các "nhà trẻ" để các vị này tìm kiếm niềm vui tuổi già! (*sic*). Chị cũng nhấn mạnh đến việc nhà kinh doanh phải có động cơ tích cực, có tâm, biết đề cao tính nhân văn, sự trắc ẩn và tình thương để hoạt động kinh doanh của họ có thể mang lại lợi ích cho nhân loại! (*sic*).

Bộ phim "Người đưa tiễn" (*Okuribito*) do đạo diễn Yojiro Tokita dàn dựng năm 2008 và đoạt giải phim nước ngoài hay nhất ở Liên hoan phim Oscar 2009 đã được trình chiếu vào lúc 19g00 cùng ngày, thu hút trên 500 khán giả.

Vào 19g00 ngày thứ Năm 20/5, Nguyễn Duy, nhà thơ xứ Thanh, cũng đã tạo được sự đồng thuận của công chúng yêu thơ xứ Huế với buổi đọc thơ và nói chuyện thơ có chủ đề "Đời trong bóng Phật, Phật trong cõi đời". Mở đầu buổi nói chuyện bằng việc trích đọc những câu thơ nổi tiếng trong bài "Cư trần lạc đạo phú" của vị vua Phật Trần Nhân Tông, Nguyễn Duy đã dẫn dắt người nghe vào thế giới thơ đầy cảm xúc của ông với những lời lẽ ca ngợi

hòa bình và nói lên tình yêu quê hương đất nước lồng trong những hình ảnh mang dấu ấn đạo Phật. Để viết nên những câu thơ hàm súc như thế, chắc hẳn gần đây Nguyễn Duy đã dành nhiều thời gian đọc kinh Phật.

Điểm nhấn kết thúc Tuần văn hóa Phật giáo 2010 ở Huế năm nay là đêm hòa nhạc do các nhạc sĩ thuộc Học viện Âm nhạc Huế thực hiện. Chương trình được biên tập bởi nhạc sĩ Đặng Ngọc Phú Hòa, phần hòa âm phối khí do nhạc sĩ Trương Ngọc Chiến đảm trách và được chỉ huy bởi nhạc sĩ Tố Nguyên. Với quan niệm *nếu người nghệ sĩ hiểu được cách thể hiện thì dòng nhạc Tây phương không khác âm nhạc Đông phương*, Đặng Ngọc Phú Hòa đã dàn dựng một đêm nhạc đầy đạo vị.

Cũng không thể bỏ quên những hoạt động bên lề của Tuần văn hóa Phật giáo 2010 ở Huế. Trước hết phải nói đến không gian ẩm thực chay được thiết trí trên đường đi bộ Nguyễn Đình Chiểu, đoạn từ Trung tâm Liễu Quán đến bến Hề, giáp đường Phạm Hồng Thái. Chương trình giới thiệu văn hóa ẩm thực chay xứ Huế do Ni bộ Bắc tông phối hợp với Ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử Thừa Thiên Huế thực hiện. Trong thời gian diễn ra Tuần văn hóa Phật giáo 2010 ở Huế, được biết không gian ẩm thực chay đã tạo được một doanh số gần cả trăm triệu đồng cho thấy sức thu hút của chương trình này. Ngoài ra, trong ngày khai mạc, các phóng viên của *Vietnamnet* cũng đã tạo cơ phỏng vấn ngài Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam. Bài phỏng vấn được truyền trên mạng *Vietnamnet* cho thấy ngài Đại sứ bị thu hút bởi nhiều yếu tố văn hóa Việt Nam, trong đó có yếu tố các cộng đồng thiểu số ở Việt Nam vẫn giữ được những nét văn hóa rất riêng và yếu tố có sự hiện diện mạnh mẽ của các hoạt động tôn giáo và tín ngưỡng trên đất nước Việt Nam. Ngài Đại sứ cũng cho biết thật ra người Nhật ngày nay không mấy hiểu biết về đạo Phật. Ông cũng chia sẻ rằng ngày xưa cha mẹ ông thường mời các nhà sư đến nhà làm lễ trong một hai giờ rồi trả tiền cho họ, điều mà ngày nay không còn xảy ra. Ông cũng quan tâm đến việc quảng bá văn hóa Nhật qua việc giới thiệu thêm nhiều phim ảnh Nhật Bản với công chúng Việt Nam. Ông cho rằng công chúng Việt hiểu văn hóa Hàn và văn hóa Trung Hoa hơn hiểu văn hóa Nhật Bản chỉ vì họ đã được thưởng thức rất nhiều phim ảnh Hàn Quốc và phim ảnh Trung Hoa, điều mà người Nhật chưa làm được.

Tuần văn hóa Phật giáo 2010 ở Huế đã kết thúc thành công và để lại trong lòng người tham dự nhiều dấu ấn, tất nhiên cũng có những dấu ấn tích cực và cũng có những dấu ấn tiêu cực. Đã được tổ chức hai lần ở Huế và một lần ở Nha Trang, mặc dù vào các thời điểm khác nhau, hình thức hoạt động này nếu khéo duy trì cũng có thể trở thành một nét sinh hoạt truyền thống. Nên chăng người ta hãy nghĩ đến việc tổ chức Tuần văn hóa Phật giáo vào một thời điểm nhất định trong năm, chẳng hạn trước dịp Phật đản như lần này? Và còn nên nghĩ đến những gì nữa... ■



Phẫn nộ

mất khôn

HẢI HẬU

Phẫn nộ - sự phản ứng bùng vỡ của tâm sân hận giận dữ - phát sinh do tâm lý bất mãn bức phiền bị kích động. Nó là hệ quả của sự tích tập các tư duy ác bất thiện như dục, sân, hại đi đôi với tập quán chấp ngã hay tâm lý xem trọng cái tôi. *Kinh Pháp Cú* mô tả nguồn cơn của lòng hiểm hận dẫn xuất từ sự ám ảnh của cái tôi khiến cho tâm sân hận hay lòng thù hận được ấp ủ đi đến tăng trưởng, không hề nguôi ngoai:

*"Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi.
Ai ôm hiểm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi".*

Đức Phật thấy rõ hậu quả xấu xa nguy hại của tâm sân hận phẫn nộ. Ngài nói cho chúng ta biết, khi người nào bị sân hận chi phối thì tâm mất tự chủ, trở thành mù lòa, không còn sáng suốt; nghĩ đến hại mình, hại người, hại

cả hai; không như thật rõ biết lợi mình, lợi người, lợi cả hai; rơi vào các hành vi ác bất thiện về thân, về lời, về ý¹. Người ấy có tính khí thất thường và có những biểu hiện không hiền hòa, không đẹp mắt như dễ phẫn nộ, náo hại nhiều, tuy bị nói ít, liền nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sùng sộ, gây hấn, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn². Do tâm lý rối loạn bất an và tính khí thất thường như vậy nên người phẫn nộ tự chuốc lấy nhiều bất hạnh khổ đau, rơi vào ý đồ đen tối của kẻ đối địch, như sắc diện trở nên xấu xí, ăn không ngon, ngủ không yên, không đạt được lợi ích hạnh phúc, mất mát tài sản, tổn hại danh tiếng, thân bằng quyến thuộc xa lánh, bị sanh vào cõi dữ sau khi chết. Những lời Phật dạy sau đây³ nhắc nhở mọi người chúng ta về sự đại đột và nguy hại của tâm sân hận phẫn nộ:

"Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp này được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phẫn

nộ, đàn bà hay đàn ông. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này trở thành xấu xí!" Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có dung sắc. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phần nộ, bị phần nộ chinh phục, bị phần nộ chi phối, dẫu cho người ấy khéo tắm rửa, khéo chải chuốt, tóc râu khéo sửa soạn, mặc toàn đồ trắng rồi người ấy cũng trở thành xấu xí, vì bị phần nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ nhất, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này ngủ một cách khổ sở!" Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình ngủ một cách an lành. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phần nộ, bị phần nộ chinh phục, bị phần nộ chi phối, dẫu có nằm trên ghế dài, nệm trải bằng len, chăn len trắng, chăn len thêu, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khảm với lông che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ. Tuy vậy, họ vẫn ngủ một cách khổ sở, vì bị phần nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ hai, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có lợi ích!" Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được lợi ích. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phần nộ, bị phần nộ chinh phục, bị phần nộ chi phối, thâm hoạch điều bất lợi, lại nghĩ rằng: "Ta được lợi ích", thâm hoạch điều lợi ích, lại nghĩ rằng: "Ta không được lợi ích". Những pháp này được nắm giữ khiến người khác trở thành thù địch, đưa đến không hạnh phúc, đau khổ lâu dài, vì bị phần nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ ba, được người thù ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có tài sản!" Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được tài sản. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phần nộ, bị phần nộ chinh phục, bị phần nộ chi phối, những tài sản của họ thâm hoạch do sự phần chấn tinh cần, cất chứa do sức mạnh của cánh tay, chống chọi do những giọt mồ hôi, đúng pháp, thâm hoạch hợp pháp. Các tài sản ấy được nhà vua cho chỗ về ngân khố nhà vua, vì bị phần nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ tư, được người thù ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có danh tiếng!" Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch

không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được danh tiếng. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phần nộ, bị phần nộ chinh phục, bị phần nộ chi phối, nếu có được danh tiếng gì nhờ không phóng dật thâm hoạch được, danh tiếng ấy lánh xa họ, vì bị phần nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ năm, được người thù ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có bạn bè!" Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được bạn bè. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phần nộ, bị phần nộ chinh phục, bị phần nộ chi phối, nếu người đó có những bạn bè thân hữu, bà con huyết thống gì, họ sẽ xa lánh, từ bỏ người đó, vì người đó bị phần nộ chinh phục. Đây là pháp thứ sáu, được người thù ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này! Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phần nộ, bị phần nộ chinh phục, bị phần nộ chi phối, người đó làm ác hạnh với thân, người đó nói lời ác hạnh với lời, người đó nghĩ đến điều ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung, người đó sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đây là pháp thứ bảy, được người thù ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Kinh Phật lưu ý mọi người về ý đồ xấu xa đen tối của ác ma (kẻ ác ý hay tâm lý xấu ác) muốn quấy phá đánh bại những người hiền lành để lôi kéo người ấy về phe nhóm của mình. Vũ khí mà ác ma thường dùng để quấy rối làm hại người hiền lành là dùng lời lẽ thách thức chọc tức khiến người ấy nổi giận đi đến phần nộ. Khi nào người ấy trở nên giận dữ phần nộ thì ác ma đắc thắng, vì nó đã khiến người ấy tự rơi vào sập bẫy đen tối của nó. Trái lại, khi nào người ấy không phản ứng giận dữ thì nó xấu hổ, sụt vai, cúi đầu, câm miệng, thất vọng bỏ đi. Nhờ học tu theo lời Phật dạy, thấy rõ sự nguy hại của tâm sân hận phần nộ, nên các học trò đệ tử của Phật không rơi vào ý đồ đen tối xấu xa của ác ma, không làm theo ý ác ma muốn. Họ không giận dữ phần nộ.

Chú thích:

Kính Channa, Tăng Chi Bộ.

Kính Mālīka, Tăng Chi Bộ.

Kính Sân hận, Tăng Chi Bộ. ■



ĐỂ TRÁNH NHỮNG QUYẾT ĐỊNH DỰA TRÊN **lòng tham**

JOHN POLLACK

Ở hầu hết các nước phương Tây, sự tách rời giáo hội ra khỏi các hoạt động của nhà nước đã trở thành nguyên tắc cốt lõi, cho nên thật là hợp lý khi các doanh nghiệp ở những quốc gia này luôn luôn đứng

ngoài tôn giáo, nhất là khi nhân viên và khách hàng của họ thường có những niềm tin về tâm linh khác nhau. Thế nhưng, một doanh nghiệp ở Port City đã áp dụng những nguyên tắc Phật giáo để định hướng cho cách quản lý của họ.

Evolving Solutions Inc., một doanh nghiệp chuyên cung cấp các giải pháp để giúp các công ty khác thực hiện việc kinh doanh trực tuyến và quảng bá thương hiệu trên mạng, đang hoạt động theo những giá trị được cổ vũ bởi Phật giáo, chẳng hạn làm việc một cách chu đáo và không gây hại. Thực ra, công ty không quan tâm lắm tới việc đẩy mạnh và tôn vinh triết lý Phật giáo cho bằng việc làm thế nào để công ty trở thành một công-dân-doanh-nghiệp tốt hơn. "Chúng tôi không đi sâu vào Phật giáo, nhưng chúng tôi thích một số nguyên lý Phật giáo và muốn làm thế nào để các nguyên lý ấy được đặt vào nơi làm việc", Chris Nadeau, người đứng đầu công ty nói, "Chúng tôi bảo đảm rằng những việc chúng tôi làm không chỉ đơn thuần dựa trên lợi nhuận. Chúng tôi muốn xây dựng những điều sẽ giúp đỡ cho các doanh nghiệp và mọi cá nhân". Nadeau đã tiếp nhận ý tưởng đó từ một quyển sách mà ông đã đọc, quyển *Kinh doanh và Đức Phật*, tác phẩm của Lloyd Field, một chuyên gia trong lãnh vực đào tạo các nhà quản trị doanh nghiệp có trụ sở đặt tại Waterloo bang Ontario và Tucson bang Arizona.

Field cho biết khi viết nên tác phẩm "*Kinh doanh và Đức Phật*", ông hy vọng rằng quyển sách có thể hướng dẫn các công ty từ bỏ lòng tham mà vẫn có thể tồn tại trong kinh doanh, điều mà Nadeau cũng ấp ủ. Field nói, "Việc kinh doanh luôn luôn gắn liền với các khu vực tài chánh. Thời biểu là bắt buộc. Điều duy nhất được quan tâm là việc đem lại lợi nhuận, điểm mấu chốt của hoạt động kinh doanh. Con người, kẻ tạo ra sản phẩm, trở nên không có giá trị gì hơn những loại bất động sản trong tiến trình kinh doanh. Việc tăng lương chỉ được coi là một loại phí tổn chứ không phải là chi phí điều hành một tài sản và không được coi như một khoản đầu tư vào con người, trong khi chính con người mới là nhân tố tạo nên những cải tiến". Field cho rằng sự thành công của một công ty không nên chỉ được tính toán trên số tiền mà công ty ấy kiếm được hay trên trị giá cổ phiếu công ty. "Tạo ra lợi nhuận là điều cần thiết để duy trì doanh nghiệp", ông nói, "nhưng bên cạnh đó, công ty có thể để riêng ra một số tiền nhằm tạo nên một xã hội tốt đẹp hơn, bất kể xã hội đó là một cộng đồng, là bản thân công ty hay là khu vực kỹ nghệ mà công ty ấy là một bộ phận". Field cho biết, trong khi một số công ty lớn, đặc biệt là các công ty ở California, cũng có áp dụng nguyên lý Phật giáo trong kinh doanh theo cách này hay cách khác nhưng chính những công ty nhỏ đã làm cho nguyên lý này có tác dụng.

Đó cũng chính là quan điểm của nhóm bốn người tại Evolving Solutions.

"Điều đó khiến cho chúng tôi được hưởng thụ nhiều hơn từ công việc", Nadeau nói, "Nếu toàn bộ việc suy nghĩ và lập kế hoạch tương lai để luôn luôn tạo ra tiền là ưu tiên một của bạn thì công việc của bạn sẽ khá là căng thẳng". Thay vào đó, Nadeau cho biết mình và các

cộng sự chú tâm vào việc hàng ngày đều đưa ra những quyết định tốt đẹp nhất có thể có được với hy vọng họ sẽ được biết đến về những thiện hạnh của họ.

Trong khi các công ty lớn ít có khả năng linh hoạt trong việc theo đuổi các con số như là mục tiêu ban đầu của họ, Field cho rằng họ cũng có thể áp dụng những nguyên lý kinh doanh Phật giáo vào thái độ của họ đối với nhân viên ngay cả trong việc tăng trợ cấp cho nhân viên, đầu tư vào việc huấn luyện nâng cao hay bố trí lại nhân sự thích hợp với tài năng của từng người. "Cung cách điển hình đang được theo đuổi hiện nay là chúng ta chỉ đào tạo nhân viên về các kỹ năng công nghệ rồi sau đó chúng ta sử dụng kiến thức mà các nhân viên ấy có; và bao lâu các nhân viên ấy còn sử dụng những kiến thức ấy thì chúng ta vẫn thấy hạnh phúc", Field nói thêm. "Nhưng các doanh nghiệp không nhận thức được rằng trong khi họ sử dụng tài năng của nhân viên thì người nhân viên ấy vẫn tiếp tục phát triển".

Nếu người sử dụng lao động tiếp tục đầu tư vào việc đào tạo nâng cao cho nhân viên và tiếp tục đào tạo người nhân viên đã được đào tạo, thì người nhân viên ấy có thể trở thành một tài sản quan trọng hơn và người ấy có nhiều khả năng ở lại làm việc lâu dài với công ty. Mặt khác, đôi khi công ty có thể cải thiện cảm giác hài lòng của nhân viên về công việc của họ và làm cho họ gắn bó với công ty hơn bằng cách chỉ cần thể hiện lòng tin tưởng đối với họ. Field cho rằng thông thường một nhân viên quản lý có thể có ảnh hưởng đến một phần của một hoạt động kinh doanh có thể mang lại lợi nhuận hàng triệu đô la mỗi năm, nhưng bất kỳ khi nào người ấy cần chi tiêu một khoản tiền chừng một ngàn đô la, người ấy luôn cần tới bốn năm chữ ký. Đó là điều mà Field cho rằng các công ty cần xem xét lại. Ông cũng nhận thấy một số công ty chẳng cần suy nghĩ nhiều khi chi một khoản vài chục ngàn đô la để mua một thứ máy móc nào đó, nhưng lại đắn đo khi muốn chi khoảng một ngàn đô để thưởng nhân viên. Field đặt vấn đề và tự trả lời, "Câu hỏi là tại sao vậy? Vì việc mua một thiết bị sản xuất được các doanh nghiệp coi là có thêm một tích sản, trong khi việc thưởng một ngàn đô lại được kể là một chi phí".

Vốn là một Phật tử, Field kết luận, "Đau khổ là điều mà mọi người đều có kinh nghiệm và cách tốt nhất để đối phó với đau khổ là đừng tự gắn bó vào nguyên nhân gây đau khổ". Áp dụng vào môi trường kinh doanh, Field cho rằng việc sử dụng một khoản tiền để giữ cho mọi nhân viên được hạnh phúc sẽ mang lại phúc lợi cho tất cả những gì có liên quan, vì khi đó nhân viên sẽ có nhiều khả năng ở lại với công ty, nghĩa là công ty không phải trả thêm tiền để tuyển dụng và đào tạo người mới.

Lâm Hạnh Nhiên dịch

Nguồn: *Telegraph-Journal* ■

Nội tâm tĩnh lặng

VIÊN MINH

Bạn đã mỏi mòn tìm kiếm thú vui bên ngoài, sao không lặng lẽ trở về cảm nhận niềm an lạc sẵn có bên trong? An lạc đó luôn luôn hiện hữu, chỉ cần trở lại là thấy, nhưng bạn đã bỏ rơi vào quên lãng vì mãi lặn xằng tìm kiếm viễn vông. Tuy nhiên, khi được an lạc, bạn chớ khởi tâm chiếm hữu lâu dài, vì lập tức bạn rơi vào cái bẫy của bản ngã, thời gian, và đau khổ. Chẳng khác nào bấy lâu bạn tìm cách sở hữu những lạc thú trần gian! Biết bao giờ mới chấm dứt được khát vọng của kẻ mong cầu cái hữu hạn, mà bỏ quên cái vượt khỏi thời gian?

Thế giới loài người thuộc về cõi Dục, vì hầu hết sinh hoạt đời sống của chúng ta dựa trên mối tương hệ giữa giác quan với ngoại cảnh. Mối tương hệ này phát sinh cảm giác, cảm xúc, tư tưởng, kinh nghiệm, kiến thức, và tất cả những phản ứng tâm-sinh-vật lý. Nói chung là bản năng, tình cảm và lý trí, mà phần lớn diễn ra trong vô thức nhiều hơn có ý thức. Do đó, những tích lũy nội kết này ngày càng đa dạng, phong phú, nhưng cũng làm cho kho chứa vô thức của chúng ta trở nên quá phức tạp đến độ khó có thể thăm dò.

Phần lớn chúng ta hành động, nói năng, suy nghĩ một cách vô thức. Và lắm khi tưởng chừng như chúng ta hành động có ý thức, chủ động và quyết đoán, nhưng thật ra chúng ta hành động chỉ như một con rối đang bị sai khiến bởi những xung động vô thức. Có thể chúng ta biết mình làm gì nhưng chỉ là cái biết mơ hồ, móng muôi, phát xuất từ vô minh, thất giác mà hậu quả là chúng ta đã gây ra nhiều khổ đau phiền muộn cho mình và người. Loại ý thức này thực ra chỉ là mặt nổi rất nhỏ so với mặt chìm rộng lớn của vô thức, cũng giống như phần trên mặt nước của một tảng băng so với phần chìm dưới nước. Hướng chỉ ý thức thường là chủ quan, bị giới hạn bởi ý niệm, kiến thức, quan niệm, thành kiến v.v. nên khó mà thấy biết trung thực. Chỉ khi nào tánh biết thoát khỏi những sự ngăn che này may ra ý thức mới được hoàn toàn thanh tịnh, trong sáng.

Tâm phát ra tư tưởng, tư tưởng tạo ra xung lực thúc đẩy hành động. Khi nội tâm không thanh tịnh trong sáng thì hành động của chúng ta sẽ bị dẫn dắt bởi những khuynh hướng tâm lý không lành mạnh. Bị thúc đẩy bởi những xung lực đó, chúng ta sẽ hành động như một robot đã được lập trình.

Kết quả là hành động lăng xăng sẽ làm tiêu tán năng lực. Lực bị phân tán làm cho tư tưởng xáo trộn. Tư tưởng bất an khiến nội tâm dao động, bối rối, phân vân, nghi hoặc. Một nội tâm như vậy không thể nào thanh tịnh trong sáng được. Làm sao tâm đầy tham, sân, phóng túng, thụ động, dao động, căng thẳng và bất an có thể chú tâm vào một công việc nào để hoàn thành hữu hiệu?

Vì vậy, tĩnh tại không chỉ cần yếu cho thực hành thiền định mà trong bất kỳ lãnh vực hoạt động nào; dù thuộc phương diện tay chân hay trí óc. Thiếu định tĩnh hay chú tâm chúng ta không thể lái xe an toàn hay lý luận, tư duy... nhất quán và có hiệu quả được.

Khi các giác quan hướng ra bên ngoài và bị chi phối bởi ngoại cảnh, thì tâm chúng ta sẽ bị khuấy động bởi những thái độ phản ứng như ưa, ghét, vọng động, lười chán, nghi ngờ. Đó là những trở ngại khiến nội tâm xáo động.

Nhưng đôi lúc chính sự cố gắng ổn định tâm lại gây ra những trở ngại cho tâm. Vì cố gắng này có thể phát xuất từ lòng tham, đó là trở ngại thứ nhất. Ý muốn ổn định tâm đối lập với tâm bất an sinh ra bất mãn hay

sân hận: trở ngại thứ hai. Sự mâu thuẫn này làm tăng thêm bất an và dao động, đó là trở ngại thứ ba. Rồi nỗ lực trấn an tình trạng dao động này làm cho tâm mệt mỏi, hôn trầm, đó là trở ngại thứ tư. Kết quả là tâm bạn thường bị phân vân lưỡng lự, làm sao có thể an bình tĩnh lặng được?

Vậy tĩnh lặng là gì? Đó là trạng thái khi tâm thoát khỏi những trở ngại làm cho tâm xáo trộn. Nói cách khác, những trở ngại sẽ tự biến mất khi tâm hội đủ những yếu tố tĩnh lặng:

1. Tâm thoát khỏi trạng thái thờ ơ, thụ động, lười chán, buồn ngủ có thể dễ dàng hướng đến bất kỳ đối tượng nào, nếu cần, một cách chính xác.

2. Tâm thoát khỏi tình trạng phân vân hay lưỡng lự có thể đủ tự tin để ổn định trên đối tượng đã được xem xét kỹ lưỡng.

3. Tâm thoát khỏi sự căng thẳng, bức bối, nóng nảy hay sân hận sẽ lập tức cảm thấy hoan hỷ với chính nó hay bất cứ đối tượng thiện nào.

4. Tâm thoát khỏi sự dao động, phóng tâm, tán loạn với những suy nghĩ miên man về quá khứ, vị lai, sẽ tự cảm thấy an lạc và vừa lòng với bất kỳ hoàn cảnh nào.

5. Tâm thoát khỏi trạng thái ham muốn giác quan có thể hoàn toàn *an chỉ nhất tâm* bên trong, không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ đối tượng nào bên ngoài.

Tuy nhiên, có nhiều mức độ và chủng loại tĩnh lặng khác nhau:

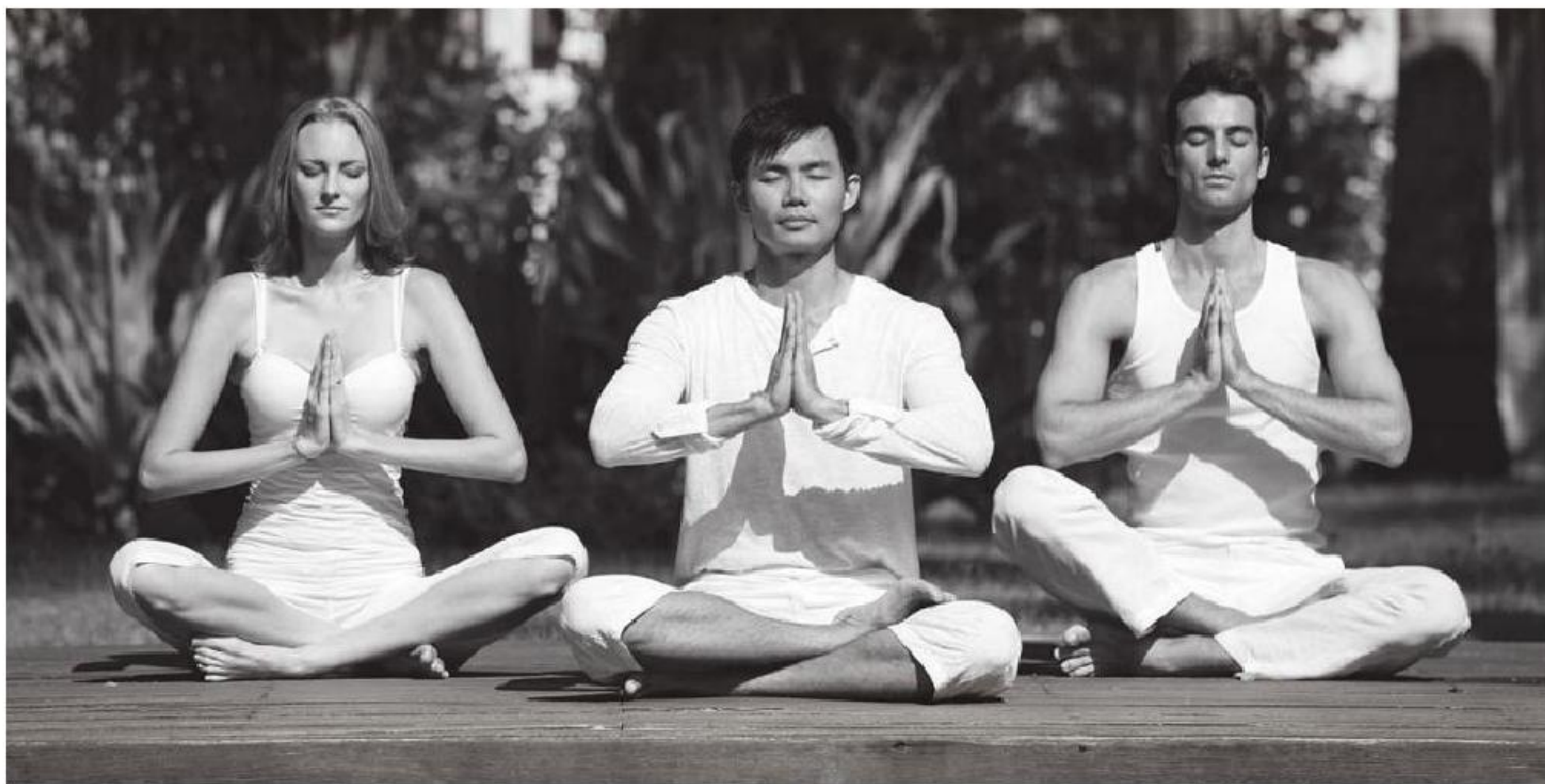
Về phương diện tính chất, có ba loại tâm tĩnh lặng:

- *Tĩnh lặng sát-na (Sát-na định)*: Đó là sự chú tâm nhanh hơn tia chớp vừa đủ để bắt kịp một đối tượng luôn biến đổi nhanh chóng. Loại định này sẵn có một cách tự nhiên nhưng khi thiếu chú tâm hoặc chú tâm thái quá thì nó biến mất. Nó chớp tắt như ánh sáng con đom đóm tương ứng với tiến trình sinh diệt của một hiện tượng. Tuy nó nhanh như chớp mắt nhưng vẫn có ưu điểm đặc thù của nó mà chúng ta không thể tìm thấy trong các loại tĩnh lặng khác.

- *Tĩnh lặng tùy nghi (Tùy thời định)*: Đây là sự trầm tĩnh nhờ chánh niệm trong mọi lúc, mọi nơi. Chúng ta cũng có thể gọi nó là *sự bình lặng tại đây và bây giờ*, vì trong khi làm một việc gì: ngồi, đi hay rửa mặt, tâm không lang thang nơi khác mà chỉ trọn vẹn với diễn trình của hành động. Loại định này thoát nhìn dường như không kiên cố, nhưng thực ra đó mới chính là định vô ngại, cho dù hoàn cảnh nào.

- *Tĩnh lặng nhất tâm (An chỉ định)*: Đây là trạng thái tập trung khi tâm xa lìa ngoại cảnh và an trú trên một đối tượng cố định duy nhất bên trong.

Trong thiền định, khi các yếu tố định chưa đủ vững chắc để tâm đạt được các bậc thiền cao hơn, nhưng đủ để nội tâm trầm tĩnh, ổn định, và an bình, thì trạng thái tâm này được gọi là *cận định (upacāra samādhi)*, vẫn còn thuộc về tâm Dục giới. Khi các yếu tố thiền định đã đủ



vững chắc khiến tâm có thể chứng đắc các bậc thiền Hữu sắc và Vô sắc thì mới được gọi là *an chỉ định*.

Cận định lẫn an chỉ định đều phải tùy thuộc vào một số điều kiện. Nghĩa là phải có một đề mục nhất định, một phương pháp có kỹ thuật, một trú xứ yên tĩnh thích hợp, một sự cố gắng tập trung, một sự cách ly ngoại cảnh và phải trải qua một thời gian mới đạt được.

Định an chỉ mang lại nhiều hỷ lạc và có thể phát triển thần lực, tuy nhiên đó không phải là định đặc thù của Phật giáo, mà còn phổ thông trong các tôn giáo khác. Định này chỉ giới hạn trong phạm vi thiền hữu sắc và vô sắc, chưa hẳn là điều kiện tất yếu phát sinh trí tuệ, như được đề cập trong Bát chánh đạo. Ngược lại, nó có thể trở thành chướng ngại cho trí tuệ khi động cơ cố gắng rèn luyện là lòng khao khát mong cầu sở đắc an lạc và siêu năng. Điều này đưa đến hậu quả:

- Dính mắc trong khuôn mẫu, thời gian và sở đắc.
- Phát triển bản ngã, tự cao và ngã mạn.
- Tướng mạnh trong định sẽ ngăn ngại trí tuệ tỉnh giác.
- Dễ phát sinh tà kiến: Trong 62 tà kiến phần lớn phát xuất từ những người đắc định sắc giới, vô sắc giới này.

Trong ba loại tâm tĩnh lặng này, *tĩnh lặng sát-na*, và *tĩnh lặng tùy nghi* không thể thiếu trong hành trình giác ngộ giải thoát. Đó mới chính là định năng sinh tuệ, trong Phật giáo. Còn định an chỉ trong thiền hữu sắc và vô sắc có thể có chánh định, có thể có tà định, nên không phải là điều kiện tất yếu cho sự giác ngộ.

Giống như người quen lái xe trên đường giao thông thưa thớt sẽ khó đi qua chỗ xe cộ đông đúc. Ngược lại, tài xế quen lái xe ở chỗ giao thông đông đúc sẽ dễ dàng đi qua chỗ giao thông thưa vắng. Cũng vậy, hành giả định an chỉ khó thích nghi với hoàn cảnh động bên ngoài nên khó đạt được sự tĩnh lặng tùy nghi. Trong khi đó, người có thể tùy nghi tĩnh lặng sẽ dễ dàng đạt được định an chỉ trong môi trường yên tĩnh. Như vậy,

rõ ràng không phải định an chỉ mà là định tùy thời mới có khả năng hỗ trợ cho trí tuệ thấy rõ thực tánh của các pháp. Đó là lý do tại sao Đức Phật không khuyến khích định an chỉ mặc dù tất cả pháp môn tu tập của Phật giáo đều thiết lập trên nền tảng giới-định-tuệ.

Tuy nhiên, với người tâm dễ tán loạn, dễ nóng giận, nhiều tham ái, hoặc quá lệ thuộc vào sở đắc tương lai thì tốt hơn nên thực tập những đề mục thiền định sau đây để phục hồi bản chất tự nhiên của sát-na định và tùy thời định:

- *Đối với người tâm dễ bị tán loạn* bởi sự hấp dẫn, sự quyến rũ, sự chi phối của ngoại cảnh hay thiếu tự tin thì đề mục niệm Phật có thể giúp họ giảm bớt thất niệm, vọng niệm, tạp niệm để tâm có thể an trú nhất niệm thanh tịnh, nhất niệm không phải là trạng thái định nhất tâm nhưng tốt hơn cả nhất tâm an chỉ, vì chỉ tạo không gian rộng lặng cho mặt trời trí tuệ chiếu soi, chứ không bị vướng mắc trong yếu tố tướng và nhất tâm quá mạnh của định an chỉ làm cản trở sự trong sáng của trí tuệ.

- *Đối với người tâm dễ nóng giận* bởi lo lắng, sợ hãi, bất bình, không nhẫn nại thì *đề mục tâm tử* có thể giúp họ ngăn ngừa sự bức xúc, nóng nảy, giận dữ để tâm được *lắng dịu, hiền từ, mát mẻ*. Với những đức tính này, tâm dễ quán chiếu trong sáng và trung thực hơn.

- *Đối với người tâm nhiều tham ái* nhất là khoái cảm xác thân hay vật thực thì *đề mục niệm bất tịnh* có thể giúp giảm bớt sự dính mắc, ham mê, khao khát để tâm được dễ dàng *buông xả, tự do và ổn định*. Khi đã thoát khỏi tham ái, tâm liền phục hồi tính chất định tuệ sẵn có của nó một cách dễ dàng.

- *Đối với người tâm quá lệ thuộc vào sở đắc tương lai*, thường tu tập vì ước ao đạt được một trạng thái lý tưởng mai sau thì *đề mục niệm sự chết* sẽ giúp họ trở về đối mặt với thực tại và tìm thấy ý nghĩa đích thực của nó. ■

Vai trò của **ĐẠO PHẬT** **trong xã hội hiện nay**

HUYNH NGOC CHIẾN

Sự băng hoại đạo đức và sự phá sản về các giá trị tinh thần trong xã hội chúng ta hiện nay đang gióng lên những hồi chuông báo động. Xã hội chúng ta đang đứng trước những cơn địa chấn tinh thần khiến toàn thể tòa lâu đài đạo lý của cha ông bị lung lay dữ dội. Bức tranh truyền thống đạo lý tốt đẹp bao đời đã loang lổ quá nhiều. Luân thường bị đảo lộn, giếng mối bị xới tung. Từ gia đình đến học đường, từ cá nhân đến xã hội, đâu đâu cũng có thể thấy những mảng xám đen về đạo đức. Bạo lực, giết chóc, tệ nạn xã hội diễn ra hằng ngày như cơm bữa. Con người đâm ra dửng dưng trước mọi biến cố. Những tin tức đáng kinh hãi về vấn đề đạo lý đăng

tải trên báo cũng chỉ được đọc với thái độ hững hờ, như tin móc túi hay giật dụa. Mấy chục năm qua, đời sống vật chất tuy có được nâng cao, nhưng chưa xót thay khi đời sống tinh thần lại ngày càng xuống dốc. Ngay cả giáo dục và y tế - hai môi trường được xem như là sự phản ánh lương tri của mọi xã hội trong mọi thời đại - cũng diễn ra cảnh bạo lực, thậm chí còn bị biến thành một thương trường suy đồi về đạo đức. Trí tuệ và mạng sống con người - những thứ được xem là cực kỳ cao quý - cũng trở thành những món hàng kinh doanh, được mua bán bằng tiền, thậm chí được trao đổi bằng cả thân xác. Người người đều hối hả chạy theo cuộc sống vật chất, dùng mọi thủ đoạn để chiếm





hữu, để hưởng thụ, để tranh danh đoạt lợi, biến cuộc đời thành một bãi chiến trường theo kiểu đấu tranh để sinh tồn. Mọi giá trị tinh thần, mọi tiêu chuẩn đạo lý, mọi thước đo nhân phẩm trong cuộc sống dường như đều được quy thành vật chất, và giá trị con người được tính tỷ lệ thuận theo độ dày của những xấp giấy bạc.

Đằng sau sự hào nhoáng giả tạo, quá đời giả tạo của một xã hội chỉ biết chú tâm vào tiêu dùng và hưởng thụ, là cảnh sa mạc hoang lương của đời sống tinh thần và đạo lý. Chưa bao giờ sinh hoạt tinh thần và đời sống văn hóa lại xuống thấp đến thế. Khoảng mười năm trở lại đây, đi đâu chúng ta cũng dễ dàng thấy khẩu hiệu "văn hóa" ở khắp mọi nơi. *Gia đình văn hóa, tổ dân phố văn hóa, xóm văn hóa, thôn văn hóa, làng văn hóa, bưu điện văn hóa, công viên văn hóa...* Chữ "văn hóa" đã bị lạm dụng đến mức chúng ta có thể dễ dàng cảm nhận được đời sống văn hóa của chúng ta đã có vấn đề trầm trọng, như một người đau răng thì chỉ luôn nghĩ đến cái răng đau. Chưa bao giờ tính ích kỷ cá nhân, sự dửng dưng vô cảm, sự tham lam chiếm hữu và hưởng thụ, sự dối trá lọc lừa, sự tàn bạo nhẫn tâm và sự trơ tráo lại tràn lan trong xã hội chúng ta nhiều đến thế, chưa bao giờ tình người lại thiếu vắng đến thế. Cuộc sống thực dụng, quá đời thực dụng, đã khiến tiếng những đồng tiền rơi xúng xoảng át đi tiếng nói của lương tri. Thủ đoạn lọc lừa cùng sự trơ tráo đã trở thành tấm giấy thông hành trong cuộc sống, khiến ai nấy đều co cụm lại để tìm chỗ trú an toàn, và nhìn chung quanh với đôi mắt ngờ vực, đầy ác cảm.

Mọi nỗ lực văn hóa theo kiểu khẩu hiệu hoặc phong trào đều như muối bỏ bể, vì chỉ giải quyết được phần ngọn chứ không phải phần gốc, giống như để làm nguội một nồi nước đang sôi trên bếp, thay vì tắt lửa, chúng ta chỉ biết tắt bật châm thêm nước. Châm nước xong, nồi nước có thể dịu lại một lúc nhưng rồi sẽ tiếp tục sôi. Căn nguyên sâu xa, theo thiên ý, là do xã hội chúng ta hiện nay đang thiếu một sự định hướng tinh thần chân chính. Có một giai đoạn chúng ta đã quá vội vã và hăng hái một cách xốc nổi trong việc đập đổ những giá trị văn hóa và tâm linh truyền thống để thay thế vào đó bằng những giá trị được cho là mới mẻ. Chúng ta xóa bỏ những cái "bất biến" để chỉ chạy theo những thứ "tùy duyên". Chúng ta nghĩ rằng có thể xây dựng được một xã hội hoàn toàn mới bằng niềm tin tất thắng đầy cảm tính ngây thơ, bằng những lý luận chắc nịch tưởng chừng không thể lay chuyển nổi. Chúng ta dự đoán đà tiến hóa của lịch sử chỉ thuận bằng lý luận theo kiểu lập trình trong máy tính, để rồi khi cơn thủy triều thời gian nhanh chóng cuốn sạch đi những gì ta khổ công tạo dựng và cố gắng níu kéo bằng mọi cách, ta mới thấy rằng cuộc sống vẫn cứ âm thầm trôi theo một chiều khác hẳn với những bài bản trong lý thuyết. Khi cơn thủy triều thời gian rút xuống, dưới đáy, ẩn hiện trong những lớp phù sa, cuộc sống lại hiện ra những giá trị mà ta ngỡ rằng có thể vất bỏ đi. Giờ đây chúng ta lại hối hả nhặt nhạnh những mảnh vụn đó để chấp vá lại, với ước mong tái tạo được hình

tượng ban đầu. Nhưng những hình tượng chấp vá đó chỉ còn là hình thức, mà đã đánh mất hoàn toàn phần tinh thần, là phần đem lại giá trị đích thực cho hình tượng đó. Xã hội chúng ta đang có nguy cơ đối diện với cái mà Thánh Gandhi gọi là “chân trời đen tối nhất”, hay một biến cố tương tự với cái mà triết gia Heidegger gọi là “sự tăm tối âm u trên cõi thế” (*die Verdüsterung der Welt*)², nhưng thực tế còn nguy hiểm hơn, khi bên cạnh sự suy đồi tinh thần thì “sự tăm tối âm u” đó lại kéo theo sự suy đồi của đạo lý.

Suốt một thời gian dài, chúng ta chưa hiểu đầy đủ về bản chất con người, nên chúng ta muốn vượt qua giai đoạn làm người để trở thành những anh hùng. Chúng ta tưởng có thể dùng lý trí để xoay chuyển càn khôn, đem lý luận để chuyển dời lịch sử. Những gì không hiểu được đều bị chúng ta phủ định sạch trơn, theo kiểu vua quan triều Nguyễn cho rằng cái đèn chúc ngược mà vẫn sáng chỉ là trò lừa bịp, hay cậu học trò cấp 2 cho rằng các phương trình vi phân chỉ là điều vô bổ. Sự tự mãn đã đẩy xã hội chúng ta rơi vào sự ấu trĩ, giống như một đứa bé, sau khi dùng nã cao su bắn chết được một con chim, bèn giương nã lên trời và tin rằng có thể bắn rụng cả vầng trăng. Với những quan điểm cực đoan về tôn giáo và mơ hồ về sự phát triển thực tế của cuộc sống, chúng ta vội vã phủ nhận những giá trị văn hóa tâm linh, vì cho rằng lòng kính tín siêu nhiên có thể trói buộc tâm thức con người trong sợ hãi, không cho con người tiến đến tự do. Chúng ta không hiểu rằng làm một con người chân chính khó hơn làm một thiên thần. Chừng nào con người còn là con người với tham-sân-si, thì sự sợ hãi từ lòng kính tín siêu nhiên đó là điều cần thiết giúp con người biết kiểm chế dục vọng để tự mình đi theo con đường đạo lý, giống như một cậu học trò nghịch ngợm không dám làm điều càn quấy trước vị thầy đức độ nhưng nghiêm khắc. Lịch sử nhân loại cho thấy lòng kính tín siêu nhiên, mặc dù lắm phen bị lạm dụng, vẫn góp phần điều hòa được những giềng mối đạo lý trong xã hội, giúp xã hội ổn định mà không cần đến sự ước thúc của pháp luật. Khi con người còn tin sợ vào một sức mạnh có khả năng thưởng phạt mà họ không thể tác động đến được thì họ cũng có chút ngần ngại khi làm điều ác. Ở xã hội Á Đông, hơn mấy ngàn năm qua, nhiều người dù không theo một tôn giáo nào thì vẫn tin vào ông Trời và sợ luật nhân quả. Ngay cả kẻ nắm toàn quyền sinh sát trong tay như các ông vua Trung Quốc thời phong kiến vẫn phải có Đấng Tối cao để sợ. Nhiều người không hiểu thâm ý của hai chữ “Thiên tử” nên vội vàng cho đó là lối thậm xưng đẩy huênh hoang của kẻ nắm quyền cai trị. Vua là kẻ nắm toàn quyền sinh sát trong tay, không có gì khiến “ông trời con” kia sợ hãi nữa. Mà khi không có gì để sợ hãi thì “ông trời con” kia sẽ biến thành thiên thần hoặc biến thành ác quỷ, mà chắc chắn đến 99,9% là biến thành ác quỷ, nên người xưa phải đặt ra khái niệm

“thiên tử” để khống chế vua. Mỗi khi có thiên tai bão lụt đẩy nhân dân vào cảnh khốn khó, các vị quan thường vin vào có đó, xem như là lời răn đe cảnh cáo của “ông bố vua” là ông Trời để can ngăn vua bớt hoang dâm, mà lo tu nhân tích đức. Vua vẫn phải có cái để sợ là ông Trời thì mới có thể tự kiểm chế được mình mà thành ông vua tốt. Khi con người luôn thấy mình là những kẻ anh hùng vĩ đại, muốn bắt lịch sử và vũ trụ phải cúi đầu, thì họ sẽ không sợ gì cả. Nhưng khi một xã hội không còn cái gì để sợ nữa, khi không còn một thế lực siêu nhiên nào có thể ước thúc hành vi con người được nữa thì xã hội đó sẽ có nguy cơ đối mặt với sự hỗn loạn và suy đồi. Một xã hội chỉ có thể sống an vui tự tại mà không cần đến sự kính tín siêu nhiên, khi nào xã hội đó gồm toàn những triết nhân thấu đạt được lẽ sinh tử huyền vi hay những bậc chân nhân giác ngộ.

Trừ những bậc chân sư giác ngộ hoặc những kẻ vĩ cuồng ấu trĩ, con người phần lớn vẫn là những sinh vật yếu đuối, về thể xác lẫn tinh thần. Khi bị quăng ném vào “cõi người ta”, con người thường thấy mình quá bé nhỏ nên đâm ra hoang mang giữa vũ trụ mịt mù, do đó họ vẫn luôn cần đến điểm tựa là một Đấng Siêu nhiên. Triết học hay tôn giáo ra đời cũng chỉ để giúp con người nguôi đi phần nào cái cảm thức hoang mang đó, trong việc tìm ra một chỗ “an thân lập mệnh”. Ngay cả những kẻ thời trai trẻ xông xáo trong đấu trường của lý trí, chỉ tin duy nhất vào khoa học, thì đến lúc cuối đời vẫn cần đến một đức tin. Lý trí dù mãnh liệt đến mấy cũng khó lòng giúp con người thoát được cảm thức hoang mang trước hư vô, khi cận kề cái chết, hoặc khi đối mặt với những vấn đề phi lý trong cuộc sống, mà ta không sao lý giải nổi. Đó là cơ duyên để chúng ta lắng nghe thế giới tâm linh lên tiếng. Chỉ khi nào mạch nguồn tâm linh sâu thẳm trong mỗi người được khai mở thì tâm thức người đó mới thực sự được nâng cao để nhận ra những giá trị chân chính của cuộc sống. Những giá trị đó không phải được tôn vinh bằng những danh từ sáo rỗng, mà phát khởi từ những gì sâu thẳm nhất trong ta, do đó nó mới có giá trị trường cửu. Khi nào chúng ta chỉ biết chạy theo những giá trị phù du của vật chất, xem đó là những giá trị tối thượng trong cuộc sống thì tâm trí chúng ta vẫn luôn hỗn loạn bởi khát vọng chiếm hữu và hưởng thụ. Và sự hỗn loạn trong tâm trí chúng ta phóng chiếu thành sự hỗn loạn trong xã hội. Do đó, sự hỗn loạn trong xã hội chỉ có thể chấm dứt khi sự hỗn loạn trong nội tâm mỗi người chấm dứt. Mà sự hỗn loạn trong nội tâm mỗi người chỉ có thể chấm dứt khi con người có được sự định hướng tinh thần chân chính. Để góp phần văn hóa sự suy đồi đạo đức trong xã hội hiện nay, có lẽ chúng ta phải cần đến một cái gì đó vượt lên trên lý trí: *tiếng nói của tôn giáo trong thế giới tâm linh*.

Chừng nào con người còn tồn tại trên trái đất, chừng nào những cảm thức về sự phi lý điều mang của cõi thế hay những cảm thức hoang mang về vũ trụ mịt

mừng còn nảy sinh, có nghĩa là những khắc khoải siêu hình còn tồn tại, thì ngày đó tiếng nói của tôn giáo vẫn còn vang lên trong thế giới tâm linh. *Mọi tôn giáo chân chính luôn nâng cao đời sống tâm linh cho con người, giúp con người hướng thiện và đem lại bình yên cho cõi thế. Nó chỉ trở nên suy đồi khi bị lạm dụng để biến thành một thế lực phục vụ cho thần quyền hoặc thế quyền.*

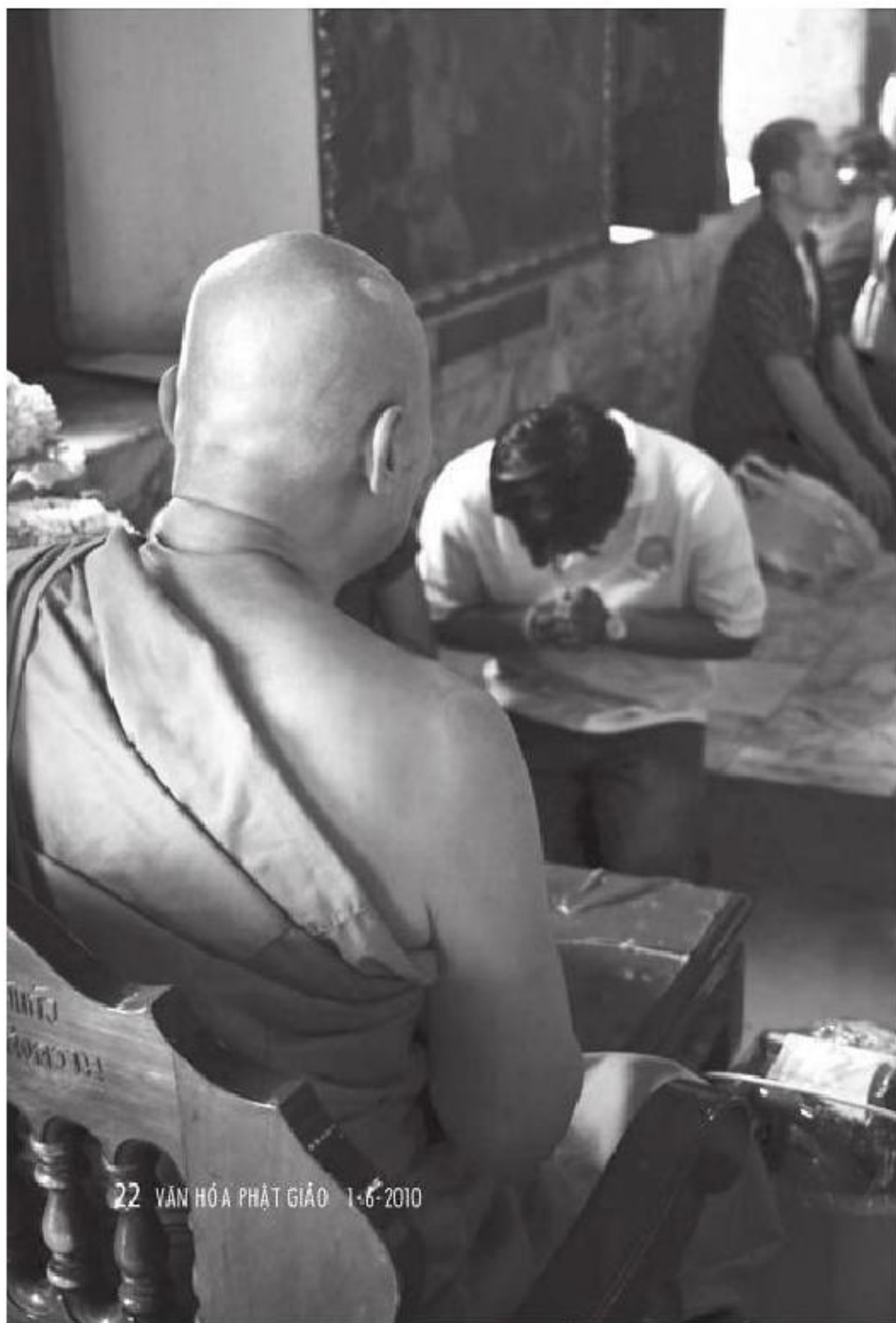
Để có thể cứu vãn nền đạo lý đang có nguy cơ đổ nát, phải chăng đã đến lúc xã hội chúng ta cần lắng nghe tiếng nói của tâm linh? Thế nhưng giữa thời đại mà khoa học được xem như chiếc đũa vạn năng để giải quyết nhiều nan đề cho nhân loại, thì liệu có một tôn giáo nào có thể giúp chúng ta kiến tạo một nhân sinh quan hay một thế giới quan khoa học mà vẫn đáp ứng được những khát vọng tâm linh cùng những yêu sách về đạo lý? Theo nhà vật lý thiên tài Einstein thì câu trả lời sẽ là Phật giáo³. Câu trả lời này đã gây ra nhiều tranh luận về nguồn gốc và nội dung của nó. Người viết đã đề cập đến vấn đề tế nhị này một lần⁴, nên ở đây chỉ xin nhấn mạnh một điểm: tại Việt Nam, Phật giáo gần như đã gắn liền với lịch sử dân tộc, giống như Thiên Chúa giáo với lịch sử các dân tộc Âu châu, như Hồi giáo

với lịch sử các nước khối Ả Rập hay vùng Trung Á, cho nên Phật pháp dễ dàng thấm thấu vào lòng người dân Việt. Do đó, đối với một xã hội và nền văn hóa đã bao đời chịu ảnh hưởng sâu đậm của Nho giáo và Phật giáo như nước ta thì nội dung câu nói của nhà bác học Einstein, bên cạnh ý nghĩa triết học, còn mang ý nghĩa thực tiễn.

Với vô lượng pháp môn, Phật pháp luôn đáp ứng được vô lượng căn cơ của chúng sinh tìm cầu giác ngộ. Thế giới Hoa Nghiêm đem lại cho con người một kiến trúc vũ trụ vĩ đại; tư tưởng Bát nhã đưa con người vào một thế giới siêu việt nhị biên; pháp môn Tịnh độ giúp mọi người tìm được an lạc tâm linh bằng cách niệm hồng danh chư Phật; Thiên tông đem lại một nhân quan bình đẳng giữa Sinh Tử với Niết Bàn; Tứ diệu đế và Bát chánh đạo chỉ ra chân tướng của cuộc sống, đồng thời vạch ra con đường để con người theo đó mà đi đến giải thoát; thuyết Thập nhị nhân duyên trình bày toàn bộ vũ trụ theo một cấu trúc toàn bích, trong đó mọi sự vật đều liên quan chặt chẽ với nhau theo luật nhân quả. Phật pháp đem đến cho nhân loại một cái nhìn *như thực* về bản chất vô thường của cuộc sống để con người có thể từ bỏ tham dục và mở rộng lòng ra với mọi người. Mỗi cá nhân như một viên gạch; muốn gắn kết tất cả các viên gạch đó lại với nhau để kiến tạo nên một ngôi nhà chung mang tên *Nhân Loại*, thì con người phải cần đến chất xi măng, đó là *tâm Đại Bi* của Phật pháp hoặc *lòng Bác Ái* của Chúa Jesus. Nhưng trước hết và trên hết, đạo Phật vạch ra chánh đạo để con người tìm về phần tối linh trong tự thân, đó là *Phật tính*. Trong vũ trụ không có gì là tối linh ngoài cái tối linh trong tâm ta. Giáo lý về Phật tính sẽ góp phần nâng cao tầm nhận thức để con người xác lập được một thế giới quan và một nhân sinh quan khoan dung, thấm nhuần hương vị giác ngộ và từ bi của đạo Phật. Chỉ những nền đạo lý xuất phát từ cội nguồn sâu thẳm của tâm linh mới có thể tác động sâu xa đến xã hội được.

Kể từ khi ánh sáng giác ngộ từ Tuệ trí siêu việt của Đức Phật bùng lên dưới gốc cây bồ đề cách đây hơn hai ngàn năm, cho đến nay nó vẫn tiếp tục tỏa sáng những chân trời tư tưởng và tâm linh của nhân loại. Tại những thời buổi điên đảo nhất hay tại những "*chân trời u ám nhất*" như hiện nay, thì ánh sáng đó lại càng cần thiết hơn nữa cho xã hội chúng ta, cho toàn nhân loại, để chúng ta có thể cảm nhận được - như lời Thánh Gandhi - "*niềm tin lại bùng lên sáng chói và cứu rỗi chúng ta*".

Hàng ngàn năm qua, tiếng chuông chùa trong bóng chiều hôm đã đồng vọng như một sức mạnh tâm linh bàng bạc trong lòng người dân Việt, thì bây giờ chúng ta còn cần nó vang vọng hơn nữa để cảnh tỉnh con người ra khỏi bến mê, để hướng thiện và cùng nhau xây dựng lại từ những muôn ngàn đổ vỡ. Nhưng vấn đề đặt ra là liệu có bậc long tượng nào trong Phật giáo hiện nay hội đủ tâm lực, trí lực và pháp lực trong việc



hoàng dương Chánh pháp để giúp điều đó trở thành hiện thực? Câu trả lời vẫn còn đang nằm ở phía trước.

Cuối cùng, bài viết xin được kết thúc bằng lời nói của bác sĩ P.Dahlke:

"Sự thô bạo hung ác được ướp hương hoa của nền văn minh chúng ta đặt nền tảng trên những nhận thức sai lầm về ý nghĩa cuộc sống, từ đó đã kéo theo sự đánh giá sai lầm về những giá trị của cuộc sống..."

Chính ở điểm này, giáo lý Đức Phật đã đến như một bậc đạo sư, một nhà giáo dục, một nhà cách mạng thay đổi các giá trị, tóm lại như là **phúc âm cho tư tưởng** và tạo ra một bước ngoặt mới cho "cuộc đấu tranh sinh tồn" mù quáng, mà tất cả chúng ta đều lệ thuộc vào như những kẻ điên cuồng".

Phật đàn 2554

Phần ghi chú:

1. Interview with Dr. John Mott, Young India, 1929 March 21.

2. "Sự suy đồi tinh thần trên quả đất này đã đi xa đến mức các dân tộc bị đe dọa đánh mất luôn cả sức mạnh tinh thần cuối cùng, sức mạnh giúp họ có thể nhận ra và đánh giá được sự suy đồi ấy (...). Sự khẳng định đơn giản này hoàn toàn không có liên quan gì với tính bi quan cũng như tính lạc quan theo khái niệm văn hóa, bởi vì sự tăm tối âm u của cõi thế, chư thần đã bỏ đi, quả đất bị tàn phá, con người kết bè nhóm, mọi thứ sáng tạo phiêu bồng đều bị ngờ vực hận thù, tất cả những điều ấy, trên toàn trái đất này, đã đạt mức tương xứng đến nỗi các phạm trù ấu trĩ như bi quan hoặc lạc quan đều trở nên lỗi bịch từ lâu". **Martin Heidegger**, *Einführung in die Metaphysik*, Vittorio Klostermann, GA40, 1983, tr.41).

3. "Tôn giáo trong tương lai phải là một tôn giáo mang tầm vóc vũ trụ. Tôn giáo đó phải vượt lên trên một Thượng đế được xây dựng theo hình ảnh con người, và tránh được giáo điều cùng thần học. Vì bao hàm được cả yếu tố tự nhiên và tinh thần, nó phải đặt nền tảng trên một cảm thức tôn giáo được phát khởi từ kinh nghiệm về vạn hữu như là một Thể Nhất Như đầy ý nghĩa, trong thế giới tự nhiên lẫn tinh thần. Đạo Phật đáp ứng được điều này. Nếu có một tôn giáo nào có thể đương đầu được với những yêu cầu của khoa học hiện đại thì đó sẽ là đạo Phật" (The religion of the future will be a cosmic religion. It would transcend a personal God and avoid dogmas and theology. Covering both the natural and the spiritual, it should be based on a religious sense, arising from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity. Buddhism answers this description. If there is any religion that would cope with modern scientific needs it would be Buddhism).

4. Xin xem "Điều quán sát trí: từ một góc nhìn", nguyệt san Văn Hóa Phật Giáo, số 65/2008.

5. P. Dahlke, *Đạo Phật và khoa học*, Huỳnh Ngọc Chiến dịch, NXB Phương Đông, 2009, tr.362-363. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2010

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng bảo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2010, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam	: 100 cuốn/kỳ
Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc	
Nhà sách Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 34 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Đại đức Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 20 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiến & Tâm Hoa (California - USA)	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
PT. Diệu Định	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng	: 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Đinh Thị Hoa Trâm	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh , Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Kim Anh	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn , Q. 7	: 1 cuốn/kỳ
PT. Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ

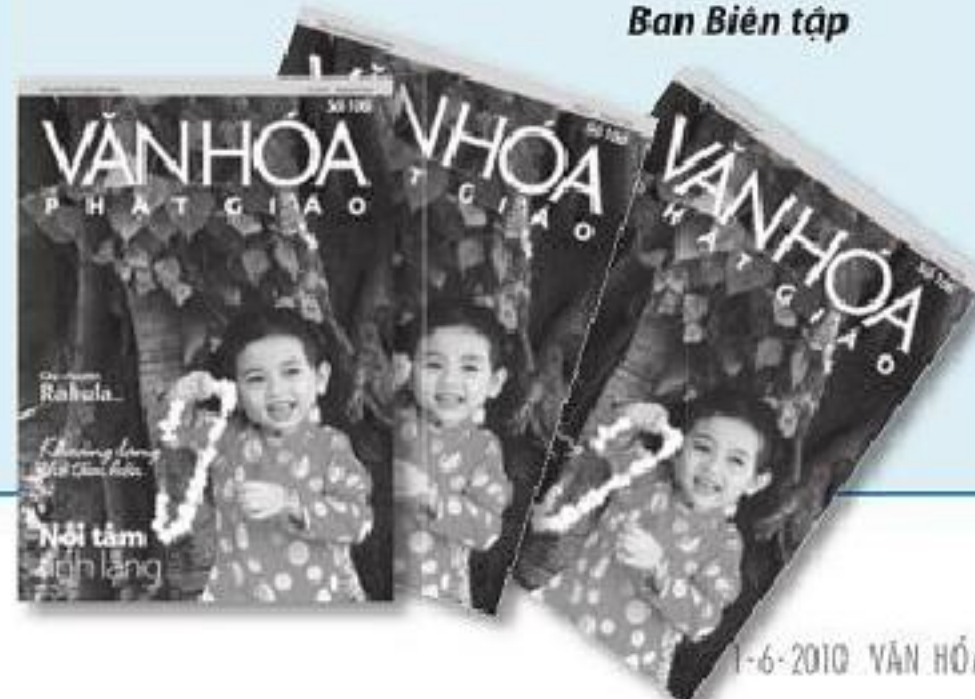
Tổng số bảo tặng kỳ này: **473 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng bảo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: **(08) 3 8484 335**

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập



Chùa Xưa

HƯƠNG TÂM HOÀNG THI

Ngày xưa còn nhỏ... Sáng sớm ngày Phật đản, mới hơn bốn giờ mẹ đã đánh thức hai chị em tôi dậy đi chùa. Năm ấy tôi mới học lớp ba còn chị Miên học lớp nhất, tương đương lớp năm bây giờ. Hai chị em xúng xính trong bộ đồng phục áo màu lam và váy ngắn màu xanh dương rời nhà đi bộ qua nhà bà Phủ Ch. ở đầu đường.

Trời vẫn còn tối lắm, vậy mà các đoàn sinh oanh vũ và thiếu niên, thiếu nữ cũng đồng phục Gia đình Phật tử đã đi đầy đường. Bà Phủ Ch. vốn có chồng làm tri phủ thời trước đã nấu sẵn một nồi ba mươi cháo đậu huyết bày kín mặt bàn đặt trước nhà để dành cho các em đoàn sinh và huynh trưởng Gia đình Phật tử điểm tâm. Bấy giờ bà mới ngoài ba mươi nên còn nét xuân sắc, dáng người tầm thước, có làn da trắng và nổi bật với sống mũi cao. Bà ấy cười nói lớn tiếng rất vui vẻ, luôn mồm mời chào các Phật tử dùng cháo, không ít nữa nằng lên lại đói bụng mà xiu. Bà cũng dặn các chị thiếu nữ nhớ đem theo chanh để phòng các em có người xiu vì say nắng. Năm giờ sáng, Phật tử thuộc các khuôn hội đã nô nức rủ nhau đi bộ lên chùa Từ Đàm.

Cái đuôi người nổi dài từ bên này cầu Tràng Tiền sang đến bên kia mà không dứt. Tôi với chị Miên cũng hòa theo dòng người đi mà không thấy mệt, chỉ thấy háo hức mong sớm đến được nơi mình sẽ đến. Phật đản là một ngày vui, một ngày hội lớn của các người con Phật. Vì thế mà Phật tử từ khắp nơi đổ về chùa Từ Đàm dự lễ, không kể còn có cả một dòng thác người đổ xô lên các chùa trên núi cao. Một ngày vui..., ngày đó, bao tính toán lo âu, bao phiền muộn đau khổ, bao ghét ghen tị hiềm... trôi tuột như con sông đổ ra biển. Mặt khác, niềm vui sướng được làm một người con Phật cứ như hạt mưa rơi thấm nhuần cây cỏ, tưới đẫm ruộng đồng. Ngày Phật đản sanh là ngày nở những đóa hoa sen tinh khiết dưới gót chân hoàng hậu Ma Da, ngày người ta tưởng nhớ đến Thái tử Tất Đạt Đa sơ sinh mới ra đời đã một tay chỉ trời một tay chỉ đất tuyên thuyết *Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn*, ngày đó

là ngày của tha thứ, của tình yêu thương, ngày nhắc nhở chúng sinh nhớ lời Đức Từ Phụ dạy hãy học lấy bài học đầu tiên là tình thương, bởi chỉ có Tình thương mới xóa bỏ được hận thù.

Chúng tôi lớn dần lên... Ngoài công việc nội trợ hàng ngày, mẹ tôi siêng đọc kinh hơn. Ba tôi vẫn ít nói và ham đọc sách; đọc sách là niềm đam mê của ông song không phải vì vậy mà ông bỏ qua dịp cúng dường hàng tháng. Mẹ tôi thích những mẩu chuyện Phật do Sư bà Thể Quán viết. Trải qua bao dâu bể, bóng dáng mẹ hiền luôn thường trú trong trái tim tôi như những cánh sen màu hồng mẹ tôi trồng trong cái bể trước nhà, ngay sau lưng cây hoàng mai. Hồi ấy, tuy đã lớn tuổi, mẹ tôi vẫn ra phố làm việc cho hãng buôn của cậu tôi, một hãng buôn lớn nhất thời đó có chi nhánh ở các thành phố lớn như Đà Nẵng, Sài Gòn. Ông cậu mà phố phường xung quanh gọi là mẹ Bửu. Nhờ làm thư ký cho mẹ Bửu mà mẹ tôi được gặp hai người bà vẫn kính trọng, đó là quý Sư bà Thể Quán và Cát Tường khi hai người về đặt tiền cọc mua máy cày giúp nông dân Quảng Trị. Tiền mua máy cày là do các Phật tử đóng góp. Một người mẹ truyền của Thích Nữ Thể Quán như mẹ tôi, ngẫu nhiên được gặp và tiếp chuyện với Sư bà, mẹ tôi mừng lắm. Cũng từ đó, mẹ tôi trở thành một Phật tử thân thiết của Hoàng Mai tịnh thất.

Khi đã là một thiếu nữ... Ngày lễ Phật đản, chúng tôi thức dậy lúc 4 giờ sáng; và vẫn hai chị em bấy giờ tha thướt trong chiếc áo dài lam, chúng tôi hòa cùng dòng người đến thẳng chùa Diệu Đế.

Bấy giờ, với chúng tôi, chào mừng lễ Phật đản là dịp để mỗi người có dịp trở về với chính mình, trở về chăm sóc hải đảo tự thân - như lời trong kinh dạy. Là dịp để vui chung niềm vui của mọi người. Là dịp để mở lòng ra cúng dường và nguyện theo bước chân của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni gieo rắc niềm tin tất yếu vào sự giải thoát tối hậu của loài người trước mọi trầm luân. Hàng tuần vào những buổi sinh hoạt sáng Chủ nhật hoặc trong những đêm dự lửa trại, chúng tôi luôn luôn có cảm giác kề cận Sư bà Hoàng Mai mặc dù có thể những lúc ấy không có



Tịnh thất Hoàng Mai, Huế. Ảnh: Pháp Trí

mặt Người. Sự dịu dàng, tế nhị và lòng từ bi của Sư bà là điều mà chúng tôi nhớ nhiều hơn cả. Đối với Người, ai bị nạn Người luôn hết lòng giúp đỡ. Sư bà vẫn nói, cái đức lớn nhất và khó nhất bên trong mỗi người chúng ta là hạnh bố thí. *"Không phải đợi đến khi người ta lên tiếng cầu xin giúp đỡ, mà chỉ cần thấy người khốn khổ cùng cực, ta nên đưa tay ra; nhưng sau đó, ta đừng nên nhớ đến chuyện ấy; như vậy đã là tu tập được rồi đó, các con ạ. Tu nghĩa là tập thương"*. Vâng, làm sao chúng tôi quên được Người với những lời lẽ giản dị mà hàm súc đó?

Rồi chúng tôi trưởng thành... Có một năm, tôi cùng vài người bạn đến thăm quý Sư cô ở tịnh thất Hoàng Mai. Không khí mùa xuân yên tĩnh gần như tuyệt đối ở nơi này làm cho những kẻ còn đang tuổi thanh xuân như chúng tôi thấy lòng mình êm dịu lại, thanh thản làm sao! Nơi đây xa phố, xa mọi tiếng ồn, xa khuất hẳn cảnh ngựa xe mỗi chiều chủ nhật. Nơi đây có nhiều mai. Chúng tôi dựng xe bên ngoài, chầm chậm bước vào giữa hai hàng mai vàng nở rộ, cảm nghe rất rõ hương vị của mùa xuân đang đến. Bước chân vào tịnh thất, chúng tôi tưởng chừng bao nhiêu cái u nhả, sự sạch sẽ tinh khiết cùng về hội tụ nơi này. Hoa mai là thứ hoa mùa xuân đẹp kiều sa. Gần như hoa sen, mai nở cho đến gần hết tháng Giêng trong khi các loài hoa khác, vạn thọ và cúc chống tàn. Sen nở trong đầm Tịnh Tâm ngát một mùi hương nhẹ nhàng, mai nở trong tịnh thất đẹp vẻ nửa dung dị nửa đài các. Mùa xuân đến càng đậm đà thêm với sự có mặt của những con người đạo hạnh. Lòng từ bi, trí huệ của hai người khiến mùa xuân ngọt ngào thêm và niềm vui được nhân đôi

lên trong những tâm hồn son trẻ, nói thật ra đang còn khao khát yêu đương.

Chiến tranh qua lâu rồi... Cuộc sống thời bao cấp khiến chúng tôi thừa thớt dần việc đến chùa vì đi dạy xa, vì bận nuôi con mọn, và thêm nữa, vì vô số những việc không tên. Cứ mỗi năm mùa Phật đản về, trong tiềm thức tôi, hình ảnh ngôi chùa hàng năm chị em tôi cùng ba mẹ đến thắp hương lễ Phật thường xuyên, nơi chúng tôi thành kính quỳ tụng kinh, nơi chúng tôi say sưa cất lên tiếng hát hát bài *Trăm hương* đốt ngày còn trẻ, lại trở nên sống động hơn bao giờ hết.

Gần đây... Trở lại tịnh thất Hoàng Mai, hai hàng mai dẫn vào chùa vẫn còn đó, nhưng Sư bà Diệu Không và Sư bà Thế Quán đã ra đi. Còn Sư bà Cát Tường sức khỏe đang như ngọn đèn trước gió. Lòng lại rộn lên với bao kỉ niệm êm đềm, nhớ những mẩu chuyện Thích Nữ Thế Quán viết ngày xưa với một giọng văn đặc biệt chỉ riêng Sư bà có. Tuổi đời già đi tôi mới kịp hiểu ra, hình như chưa bao giờ Sư bà biến mất trong tôi. Người luôn luôn ở trong tôi như những cánh hoa sen mùa hạ nở trong hồ Tịnh Tâm. Dù ngày xưa tốt đẹp đã qua, tuổi thanh xuân đã mất, Sư bà vẫn còn đó như một hình ảnh để nương tựa. Vạn vật biến đổi vô thường nhưng bóng dáng Sư bà trong lòng tôi, hay nói rộng ra, cái đến đài linh thiêng trong mỗi con người chúng ta, vẫn còn đó, để chúng ta trở về chăm sóc và nương tựa. Mỗi năm cứ đến mùa Phật đản, ngày hội tụ của tình thương và sự giải thoát, những người con Phật và những kẻ đi xa trở về lại có dịp quỳ dưới Phật đài lắng nghe tiếng chuông ngân, để cảm thấy lòng thanh tịnh đến vô cùng. ■

Những giá trị sống cho tuổi trẻ

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

“**L**ần đầu tiên Hội Khoa học Tâm lý Giáo dục Hà Nội và Sở Giáo dục – Đào tạo Hà Nội đã thống nhất chuẩn bị triển khai thí điểm chương trình giáo dục giá trị sống trong các trường tiểu học. Với quan điểm giá trị sống là gốc để tạo nên nhân cách cho học sinh từ các bậc học thấp, TS.Nguyễn Tùng Lâm, Chủ tịch Hội KHTLGD Hà Nội, cho rằng: “Giáo dục giá trị sống là giải pháp bền vững để giải quyết tình trạng nhức nhối như bạo lực, vi phạm pháp luật ở lứa tuổi học đường”.

“Dự kiến sẽ được [triển khai] thí điểm trong các trường mầm non, tiểu học là một chương trình giáo dục các giá trị sống của Tổ chức Living Values do một số nhà giáo dục tiên tiến trên thế giới nghiên cứu thành công từ năm 1995, được Ban Giáo dục của UNESCO và UNICEF bảo trợ” (Tin và bài của Trịnh Vĩnh Hà, báo Tuổi Trẻ 10/4/2010).

Bộ sách *Living Values* của Diane Tillman với sự hợp tác của nhiều nhà giáo dục trên thế giới đã được biên dịch ra tiếng Việt bởi các dịch giả Đỗ Ngọc Khanh, Ph.D; Thanh Tùng; và Minh Tươi do cơ sở Trí Việt – First News kết hợp với Nxb Tổng hợp TP.HCM xuất bản năm 2009.

“Chương trình giáo dục các giá trị sống được triển khai từ một dự án quốc tế bắt đầu vào năm 1995 do Đại học *Bhrama Kumaris* thực hiện để kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Liên Hiệp Quốc. Nhằm kêu gọi sự chia sẻ các giá trị cho một thế giới tốt đẹp hơn, dự án này tập trung vào 12 giá trị mang tính phổ quát. Chủ đề được lấy trong Lời mở đầu của Hiến chương Liên Hiệp Quốc, khẳng định lòng tin vào quyền cơ bản của con người, về phẩm cách và giá trị của mỗi người” (*Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, trang 20).

Mười hai giá trị sống được dạy và học theo thứ tự là: 1. Hòa bình, 2. Tôn

trọng, 3. Yêu thương, 4. Khoan dung, 5. Trung thực, 6. Khiêm tốn, 7. Hợp tác, 8. Hạnh phúc, 9. Trách nhiệm, 10. Giản dị, 11. Tự do, và 12. Đoàn kết.

Chúng ta hãy xem chương *Mục đích*, với những đề mục: Các giá trị trong mối liên hệ với bản thân; giá trị trong mối quan hệ với mọi người; Các giá trị trong mối liên hệ với xã hội và thế giới.

Mỗi giá trị được dạy theo 3 phần. Chúng ta lấy giá trị đầu tiên là Hòa bình:

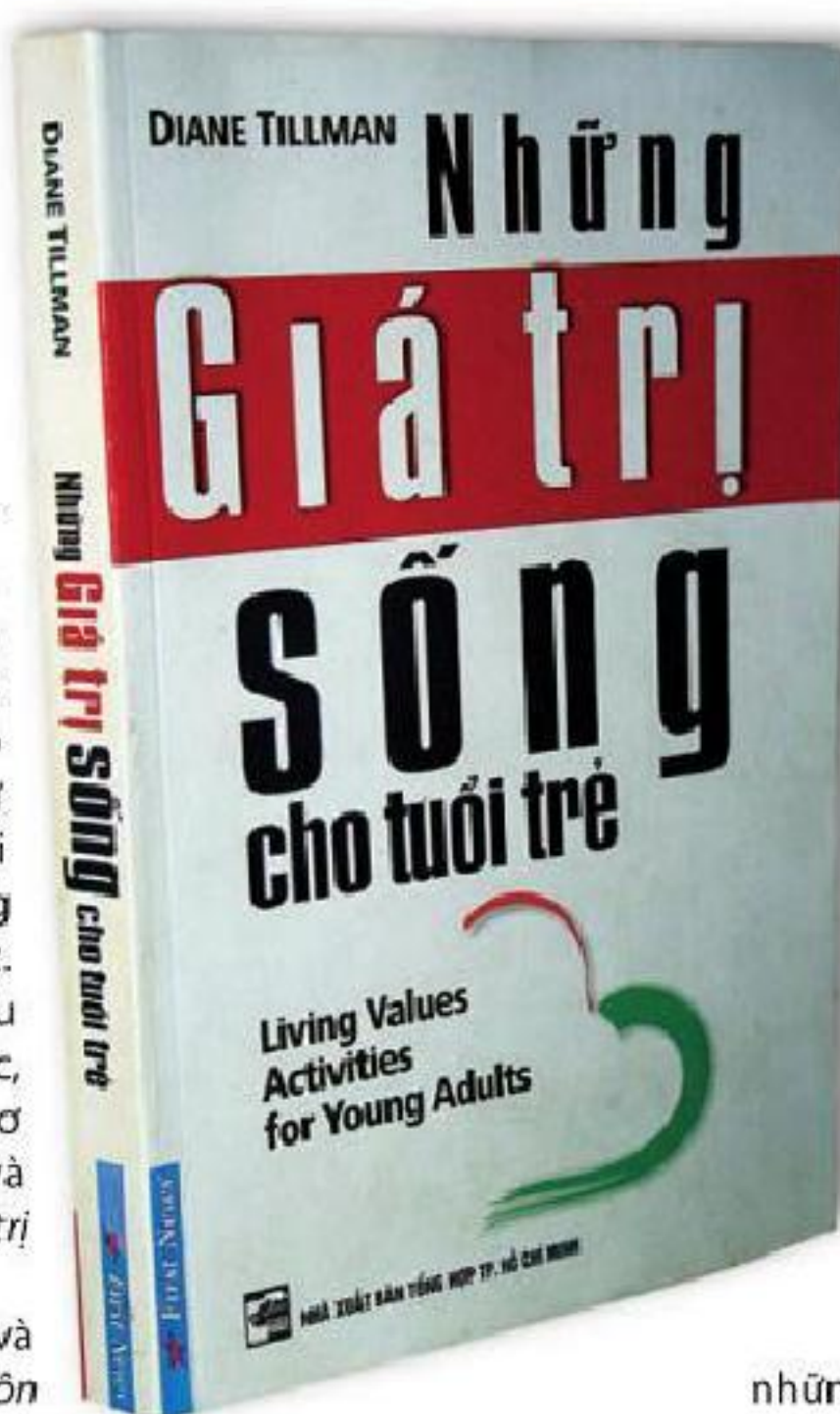
1. *Những điểm suy ngẫm về hòa bình.*

2. *Các bài học cơ bản về hòa bình.* Bài học 1: Các giá trị của tôi. Bài học 2: Hình dung về một thế giới hòa bình. Bài học 3: Sự đối lập giữa một thế giới hòa bình và một thế giới bất hòa. Bài học 4: Bình an và bất an. Bài học 5: Lời khuyên từ một thế giới hòa bình. Bài học 6: Tăng cảm giác bình an trong môi trường giáo dục.

Bài học 7: Bàn tay được sử dụng để làm gì? Bài học 8: Giải quyết bất hòa. Bài học 9: Giải quyết bất hòa. Bài học 10: Giải quyết bất hòa và lắng nghe. Bài học 11: Giải quyết bất hòa. Bài học 12: Phỏng vấn. Bài học 13: Hạt giống. Bài học 14: Tương phản và giải pháp. Bài học 15: Các thần tượng thời nay.

3. *Vận dụng vào các môn học:* Ngôn ngữ và Văn học; Lịch sử và Nghiên cứu xã hội; Khoa học; Nghệ thuật; Âm nhạc; Quản lý gia đình; Phát triển bản thân; Giáo dục thể chất và Nhảy múa.

Chúng ta không thể đi vào chi tiết nhưng có thể nói tổng quát là mọi thành tựu của khoa học về giáo dục hiện đại đã được áp dụng để cho người học có được những giá trị sống hay những đức tính của một con người



tốt đẹp trong xã hội. Những ý kiến hân hoan vui mừng của những người đã tham gia Chương trình Những giá trị cuộc sống ở Việt Nam, từ những sinh viên của nhiều khoa đến những giáo dục viên của 10 Trung tâm Cải thiện ma túy Ba Vì đã cho thấy hiệu lực của chương trình này (trang 415-417).

Ở đây, người viết xin có vài nhận xét:

1. Thế kỷ 20 của chúng ta là thế kỷ của sự bị đô hộ và chiến tranh. Vì thế chúng ta đã bị đứt đoạn với truyền thống văn hóa vốn từng đưa Việt Nam lên những đỉnh cao lịch sử. Khi có hòa bình thống nhất, chúng ta tập trung vào kinh tế để giải quyết đói nghèo trước mắt.

Chúng ta đã có một 'khoảng trống văn hóa', một bảng giá trị của con người áp dụng cho thời hiện đại. Những lộn xộn, thiếu trật tự, sự không an tâm trong đời sống hàng ngày là kết quả của sự thiếu vắng một bảng giá trị sống này.

Thế nên trong khi chưa xác định đâu là những giá trị sống của con người Việt Nam để hài hòa với những giá trị sống của con người thế giới theo Liên Hiệp Quốc để nghị, chúng ta hãy lấy những giá trị sống phổ quát và căn bản ấy làm cơ sở, và quá trình sống theo dòng lịch sử sẽ cho chúng ta một bảng giá trị sống với những nét đậm nhạt có bản sắc Việt Nam.

2. Thật ra những giá trị sống do Liên Hiệp Quốc đề nghị không xa lạ với người Việt Nam. Cứ xem những nhân vật lịch sử Việt Nam suốt hơn hai ngàn năm nay, chúng ta thấy những danh nhân của chúng ta đều có – hoặc một số, hoặc toàn bộ, hoặc có thể nhiều hơn nữa – những đức tính ấy. Chẳng hạn, nhân kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long, chúng ta thấy những nhân vật lập nên và duy trì đời Lý đã có những đức tính ấy, những giá trị sống ấy tuy có thể chưa được phát triển đến mức hoàn hảo và hài hòa.

Nói thế nghĩa là khi học tập những giá trị sống căn bản của Liên Hiệp Quốc, chúng ta phải triệt để vận dụng lịch sử Việt Nam, bởi vì trong lịch sử Việt Nam đã từng có những người hiện thực hóa những giá trị sống ấy trong đời sống xã hội.

3. Nói đến truyền thống Việt Nam, chúng ta không thể không nói đến cái xương sống của lịch sử Việt Nam, đó là Phật giáo. Phật giáo đã tạo ra cho lịch sử Việt Nam những danh nhân làm gương cho hậu thế. Phật giáo là dòng chủ lưu đã kết hợp với Nho, Lão – và sau này với Tây phương – đã tạo ra văn hóa Việt Nam, những giá trị sống Việt Nam.

Mười hai giá trị sống ở trên nếu được khai thác đến tận những chiều sâu nhất của tâm thức thì đó chính là một phần những đức tính của một vị Bồ-tát.

Chúng ta có thể thấy ngay rằng 12 giá trị sống của Liên Hiệp Quốc thiếu phần quan trọng là một trí huệ nhìn thấy được tính không thể độc lập tự thân, tính liên lập của từng con người và từng sự vật. Chính nhờ hiểu biết này mà con người bớt ích kỷ, kiêu căng, bớt

cá nhân chủ nghĩa, và cũng nhờ thế mà để có hòa bình, yêu thương, khoan dung, đoàn kết, khiêm tốn, giản dị...

Với Phật giáo, chúng ta có thể mở rộng và đào sâu những giá trị sống của Liên Hiệp Quốc. Chẳng hạn giá trị sống thứ ba của Liên Hiệp Quốc là yêu thương, mà Phật giáo gọi là từ bi. Giá trị sống 'yêu thương' mới chỉ là 'từ', chưa có 'bi'. Với Phật giáo, yêu thương không đứng một mình mà phải biểu lộ qua hành động, nghĩa là 'yêu thương và giúp đỡ' phải đi đôi với nhau, bổ túc cho nhau một cách biện chứng.

Chẳng hạn hòa bình, giá trị sống thứ nhất. Với sự góp sức của Phật giáo, hòa bình sẽ được thực hiện sâu xa hơn nhiều, bằng cách vượt qua tham sân si và đi vào tận bản tánh của tâm thức. Hòa bình không chỉ được thực hiện ở những tầng lớp bên ngoài của con người xã hội, mà ở những tầng sâu của tâm thức, nghĩa là những tầng sâu của nhân cách. Chính ở những tầng sâu này mới có thể có một cuộc "cách mạng con người" (chữ dùng của Krishnamurti). Phật giáo cũng thường nói: "Tâm bình thì thế giới bình".

Chẳng hạn giá trị sống thứ 12 'đoàn kết'. Nếu áp dụng những quan điểm và cách thực hành Phật giáo, con người không chỉ có đoàn kết ở mặt xã hội, mà còn đi sâu hơn thế nữa, "anh em như thể tay chân" (tục ngữ Việt Nam), đến chỗ "Tất cả là Một" (Phật giáo). Cái Một này, cái Bất Nhị này cũng chính là bản tánh của cá nhân, của người khác và của thế giới.

Quan điểm Phật giáo cho rằng Nhân đạo (đạo hay con đường làm người) chuẩn bị và là nền tảng của Phật đạo (đạo hay con đường làm Phật). Thế nên những giá trị sống của con đường làm người là nền tảng cho Phật đạo. Không có Nhân đạo thì sẽ không có Phật đạo. Ngược lại, chính Phật đạo đưa Nhân đạo đến chỗ hoàn thiện rốt ráo của nó, đến cứu cánh của nó: thành một con người toàn diện và toàn thiện, mà chúng ta gọi là một vị Phật.

4. Những giá trị sống ấy không chỉ được dạy ở trường, mà phải được trau dồi ở cả ba lĩnh vực giáo dục: gia đình, trường học, xã hội. Trong gia đình, cha mẹ cần biết để dạy con cái. Ngoài xã hội, mọi người cần biết để duy trì và phát triển một xã hội văn hóa và văn minh.

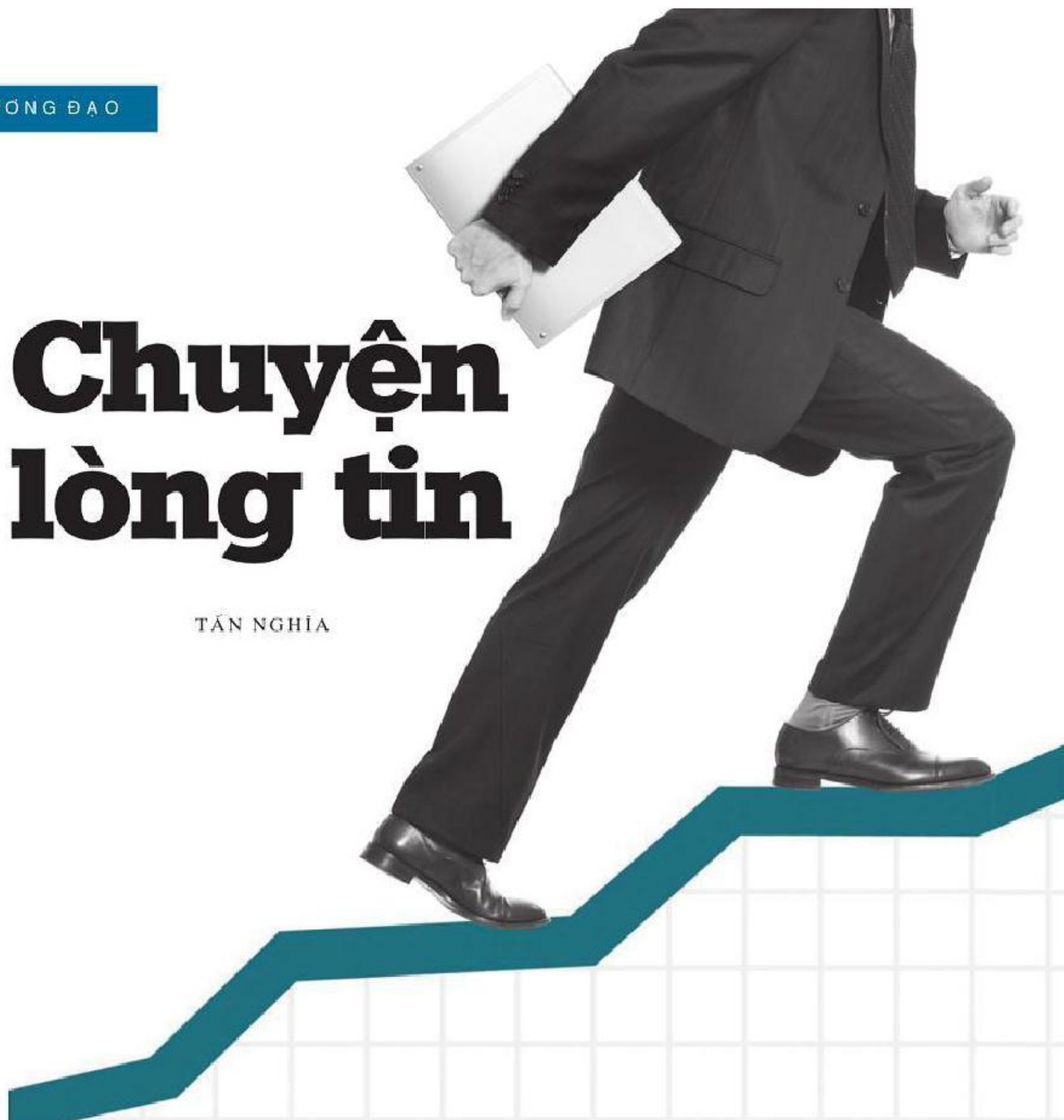
Gia đình Phật tử hay thanh thiếu niên Phật tử cần khai thác tận dụng bảng giá trị này và những phương pháp giáo dục khoa học này để tạo ra những thế hệ 'danh nhân' mới cho đất nước.

Chúng ta có thể bổ túc, phát huy thêm, nhất là áp dụng những cách thực hành đã tỏ ra có hiệu lực từ hàng ngàn năm nay của Phật giáo. Rõ ràng nếu làm được điều này chúng ta sẽ tạo ra được những thế hệ mới, rất Việt Nam mà cũng rất toàn cầu hóa, đóng góp không nhỏ vào đời sống văn hóa văn minh nhân loại.

Chúng ta hãy cầu nguyện cho điều đó, bởi vì theo người Việt Nam, "con hơn cha là nhà có phúc". ■

Chuyện lòng tin

TÂN NGHĨA



Jàtaka 1 kể lại chuyện hai người đi buôn qua sa mạc. Người chủ đoàn lữ hành thứ nhất đi qua sa mạc không có nước và gặp quý Dạ-xoa đang tìm cách ăn thịt những người này.

Nó hóa hiện một cỗ xe đẹp để với những con bò mộng trắng trẻo. Được hộ vệ với mười, mười hai phi nhân, tay cầm cung tên, khiên và binh khí. Nó trang sức với vòng hoa sen xanh và hoa súng trắng trên đầu với tóc ướt và áo ướt, ngồi trên cỗ xe ấy như một vị chúa tể, nó dẫn bước trên đường với bánh xe dính bùn. Còn đoàn tùy tùng đi trước và đi sau với tóc ướt, áo ướt, trang sức với vòng hoa sen xanh và hoa súng, với những bó hoa sen trắng, sen đỏ cầm tay, nhai những cọng sen, củ sen nhỏ giọt nước và bùn.

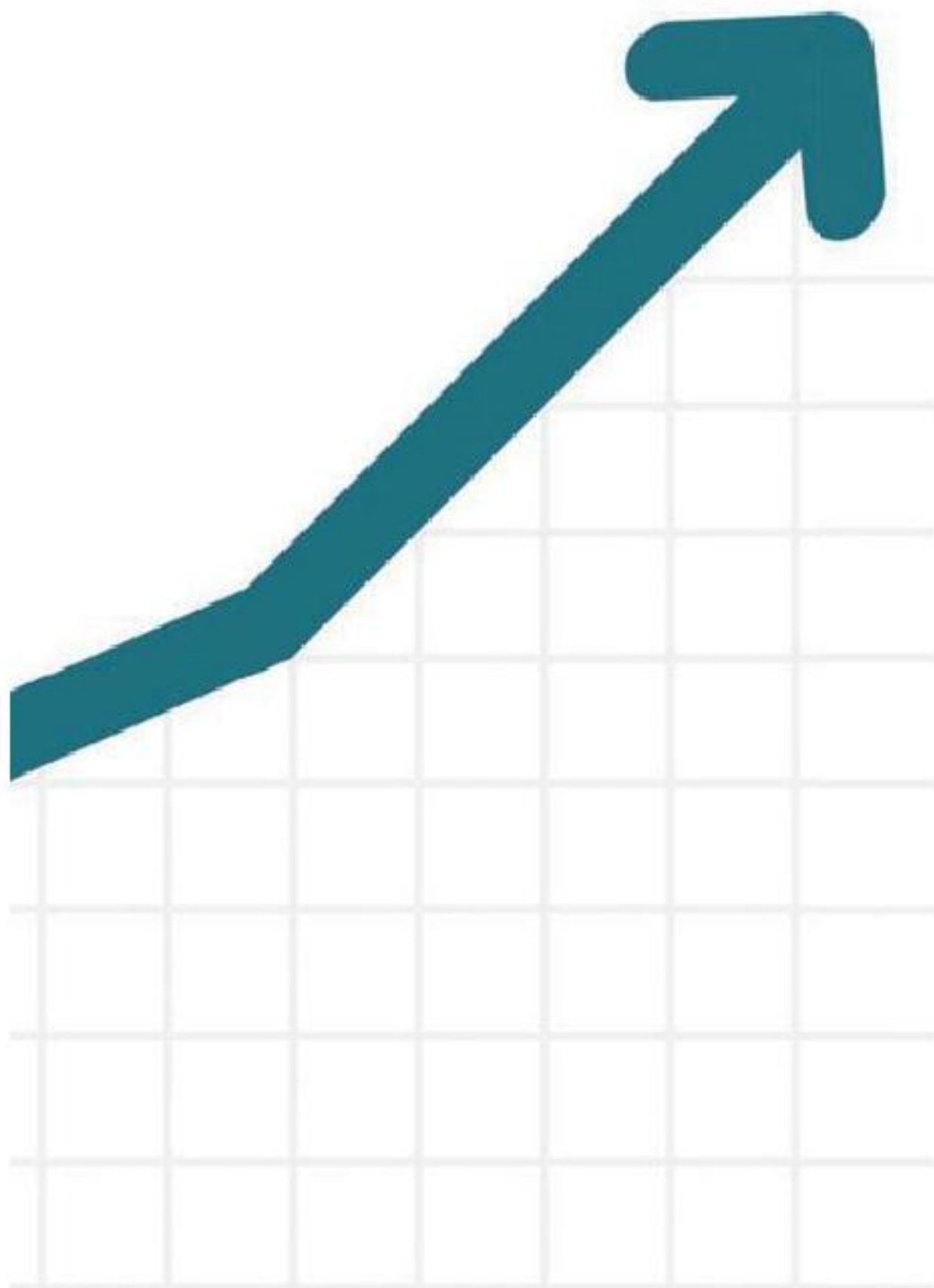
Người chủ đoàn lữ hành chào đón Dạ-xoa một cách thân tình:

- Thưa ông bạn, chúng tôi đi từ Ba-la-nại tới. Các ông trang sức với hoa sen xanh và hoa súng, tay cầm hoa sen trắng và đỏ... Vậy phải chăng trên đường các ông đi có mưa, có những hồ ao phủ đầy với hoa sen xanh?...
Quý Dạ-xoa nghe hỏi liền nói lớn:

- Này bạn, bạn nói gì vậy? Đằng kia đã hiện rõ đường lần sẫm của rừng xanh. Từ đó trở đi, toàn là rừng, không có gì ngoài nước. Luôn luôn trời mưa, ở đó các hồ đều ngập; khắp nơi có những ao nước đầy hoa sen.

Và Dạ-xoa xúi giục người chủ đoàn lữ hành đổ hết tất cả nước dự trữ. Nghe lời quý Dạ-xoa, người chủ đoàn lữ hành cho đập vỡ các ghè nước và tiếp tục lên đường. Họ đi mãi vào sa mạc mà chẳng thấy nước uống. Họ kiệt sức và bị Dạ-xoa ăn thịt tất cả.

Sau một tháng rưỡi, Bồ-tát khởi hành. Khi đến sa mạc,



vị ấy cho đổ đầy nước dự trữ và đánh trống hội họp đoàn người lại và nói như sau:

- Nếu không hỏi ta, thì một bùm nước cũng không được dùng. Có nhiều cây độc trong sa mạc, không một ai trong các chú được ăn lá, hoa, hay quả chưa ăn từ trước, mà không hỏi ta.

Sau khi chỉ dạy họ như vậy, Bồ-tát mới bắt đầu đi vào sa mạc. Khi đến giữa sa mạc, Dạ-xoa cũng hiện hình như trước, nhưng Bồ-tát suy nghĩ: "Nơi này không có nước và được gọi là sa mạc không có nước. Người này có con mắt đỏ, bộ dạng không sợ hãi, lại không có bóng chiếu. Không nghi ngờ gì nữa, người chủ đoàn lữ hành ngu si và trẻ tuổi đi trước bị nó xúi giục, đã đổ tất cả nước, nên đã kiệt sức và bị nó ăn thịt cùng cả đoàn tùy tùng. Nhưng nó không biết ta có tài trí và khéo dùng phương tiện".

Vì thế, Bồ-tát nói to với con quỷ:

- Ông hãy đi đi, chúng tôi là người lái buôn. Chưa thấy được nước khác, chúng tôi không đổ nước đã được dự trữ. Chỗ nào thấy nước, chúng tôi mới yên lòng đổ nước đi, làm nhẹ các cỗ xe.

Khi Dạ-xoa đã đi, đoàn người hỏi Bồ-tát:

- Thưa ông chủ, những người này chỉ cho thấy đằng kia là rừng xanh. Phía ngoài xa khu rừng ấy trời luôn luôn mưa. Họ đội trên đầu những vòng hoa sen xanh và hoa sủng; họ cầm những bó hoa sen đỏ và trắng; họ hái các củ sen và cọng sen; áo bị ướt, đầu bị ướt; họ đi với những giọt nước rơi chảy. Vậy chúng ta hãy đổ nước đi, khiến cho các cỗ xe được nhẹ, chúng ta đi mau hơn.

Bồ-tát nghe họ nói như vậy, liền cho dừng các cỗ xe, họp tất cả bọn người lại và hỏi:

- Trong các chú, có ai trước đây nghe nói rằng bãi sa mạc này có ao hay hồ không?

- Thưa ông chủ, không có ai nghe cả. Vì thế nơi này được gọi là sa mạc không có nước.

- Nay có một số người nói rằng xa hơn đây rừng xanh đằng kia, trời có mưa. Gió mưa có thể thổi xa được bao nhiêu?

- Thưa ông chủ, khoảng độ một dặm.

- Gió mưa có thể thổi đến chạm thân ai trong các chú không?

- Thưa ông chủ, không.

- Cách xa bao nhiêu, đầu mây có thể thấy được?

- Khoảng độ một dặm, thưa ông chủ.

- Có ai trong các chú thấy một đầu mây không?

- Thưa ông chủ, không có ai.

- Xa bao nhiêu, ánh chớp sáng có thể thấy được?

- Thưa ông chủ, khoảng bốn năm dặm.

- Có ai trong các chú thấy được ánh sáng chớp?

- Thưa ông chủ, không có ai.

- Tiếng sấm xa bao nhiêu có thể nghe được?

- Thưa ông chủ, khoảng hai ba dặm.

- Có ai nghe được tiếng sấm không?

- Thưa ông chủ, không có ai.

Bồ-tát không cho đổ nước và tiếp tục đi tới. Họ thấy năm trăm cỗ xe đầy hàng hóa, xương cốt của các con bò và đoàn người bất hạnh rải rác khắp mọi nơi. Ngài quăng bỏ các cỗ xe yếu ớt, lấy các cỗ xe vững mạnh, quăng bỏ các hàng hóa ít giá trị, chất lên hàng hóa có giá trị, đi đến chỗ đã định trước, và bán các hàng hóa với giá tiền bằng hai ba giá vốn.

(Tiền thân Apannaka, Jataka số 1)

Bài học lớn của câu chuyện là phải xem xét mọi việc dưới một cái nhìn khoa học và thực tiễn. Khi thấy quỷ Dạ-xoa, người chủ đoàn lữ hành trẻ tuổi tin vì tận mắt chứng kiến quỷ Dạ-xoa "trang sức với vòng hoa sen xanh và hoa sủng trắng trên đầu với tóc ướt và áo ướt" và đoàn tùy tùng "đi trước và đi sau với tóc ướt, áo ướt, trang sức với vòng hoa sen xanh và hoa sủng, với những bó hoa sen trắng, sen đỏ cầm tay, nhai những cọng sen, củ sen nhỏ

giọt nước và bùn”.

Người chủ đoàn lữ hành trẻ tuổi có một điều “mắt thấy tai nghe” là có một đoàn người vừa đi từ vùng có nhiều nước uống, nhiều mưa. Đoàn người này lại được dẫn dắt bởi một người (quỷ Dạ-xoa) trông rất sung sướng. Quỷ Dạ-xoa lại khẳng định rằng:

- *Này bạn, bạn nói gì vậy? Đẳng kia đã hiện rõ đường lần sấm của rừng xanh. Từ đó trở đi, toàn là rừng, không có gì ngoài nước. Luôn luôn trời mưa, ở đó các hồ đều ngập; khắp nơi có những ao nước đầy hoa sen.*

Tin vào lời Dạ-xoa nói, không xem xét gì nhiều, người chủ đoàn lữ hành trẻ tuổi cho rằng “cái ta thấy là sự thật”. Anh không biết rằng điều “mắt thấy tai nghe” chưa chắc gì đúng, mọi dữ liệu thu thập được đều có thể là dữ liệu giả, dữ liệu sai lạc. Theo ngôn ngữ thông thường ngày nay người chăm chăm cho rằng cái mình thấy là đúng được gọi là “chủ quan”. Từ đây, mặc dù chưa thấy nước ở đâu cả, anh ta vẫn “chắc ăn” đẳng trước mặt có nước. Đó chính là cái “mệnh đề lý thuyết” mà anh phán đoán dựa trên cái mà anh đã “mắt thấy tai nghe”.

“Mệnh đề lý thuyết” ấy sau khi được người chủ đoàn lữ hành trẻ tuổi thiết lập bắt đầu được lấy làm kim chỉ nam dẫn đường cho các hành động của anh ta. Bị hấp dẫn và ám ảnh với cái tương lai gặp các ao hồ tràn ngập nước, anh không cần phải xem xét thêm nữa mà ra lệnh cho đoàn đổ tất cả nước dự trữ. Có lẽ trong đoàn có những người không đồng ý với lệnh của anh và vẫn còn trữ nước. Để tránh các trường hợp phản đối ngấm và để giảm tải trọng, đi cho nhanh, anh ra lệnh đập vỡ các ghè chứa nước dự trữ. Trong trường hợp này nếu thành viên nào của đoàn lữ hành mà giấu diếm, dự trữ nước cho riêng mình, không đem đổ bỏ

chắc chắn sẽ bị trách phạt vì làm cho đoàn đi chậm, không tới được nơi có nước nhanh chóng nhất. Đó gọi là hiện tượng “duy ý chí”. Cuối cùng, cả đoàn đi mãi mà không tìm được nước uống và bị ăn thịt.

Ngược lại với người chủ đoàn lữ hành trẻ tuổi, Bồ-tát xác định rõ nước là thứ quan trọng nhất trong sa-mạc, do đó ngài ra lệnh:

- *Nếu không hỏi ta, thì một bùm nước cũng không được dùng. Có nhiều cây độc trong sa mạc, không một ai trong các chú được ăn lá, hoa, hay quả chưa ăn từ trước, mà không hỏi ta.*

Khi Bồ-tát gặp quỷ Dạ-xoa hóa hiện, ngài nghĩ “Nơi này không

có nước và được gọi là sa mạc không có nước. Người này có con mắt đỏ, bộ dạng không sợ hãi, lại không có bóng chiều”. Bộ dạng của quỷ Dạ-xoa rất khả nghi. Dữ liệu “mắt thấy tai nghe” của quỷ Dạ-xoa cung cấp cần phải được xem xét lại. Bồ-tát không đưa ra một “mệnh đề lý thuyết” như người chủ đoàn lữ hành trẻ tuổi. Ngài quyết định theo tinh thần thực tiễn: “Chưa thấy được nước khác, chúng tôi không đổ nước đã được dự trữ. Chỗ nào thấy nước, chúng tôi mới yên lòng đổ nước đi, làm nhẹ các cỗ xe”. Không lý luận... lằng nhằng gì cả, chưa có nước mới thì chưa đổ nước dự trữ, có nước mới thì mới đổ nước cũ. Đó chính là:

Chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện.

Khi quỷ Dạ-xoa đi rồi, những người tùy tùng mới hỏi Bồ-tát về việc đổ nước để đoàn đi cho nhanh. Những người này cũng bị “bằng chứng” của Dạ-xoa thuyết phục. Điều này cho thấy các ý kiến của số đông chưa chắc đã đúng. Với tình hình như vậy, Bồ-tát cần phải làm “công tác tư tưởng”. Ngài bắt đầu phân tích cái “mắt thấy tai nghe” của mọi người. Đầu tiên ngài dựa trên “lý thuyết truyền thống” để đặt câu hỏi:

- *Trong các chú, có ai trước đây nghe nói rằng bãi sa mạc này có ao hay hồ không?*

- *Thưa ông chủ, không có ai nghe cả. Vì thế nơi này được gọi là sa mạc không có nước.*

Vậy là theo “lý thuyết truyền thống” thì không có nước trong sa mạc này. Tuy nhiên, Bồ-tát không dựa vào đó để khẳng định. Mọi việc đều phải xem xét dưới các tình huống thực tiễn. Ngài tiếp tục hỏi về các dấu hiệu khác của các cơn mưa: gió mưa, đầu mây, chớp sáng, tiếng sấm. Tất cả đều không có. Vì thế Bồ-tát không cho đổ nước. Đoàn lữ hành đã vượt qua sa mạc thành công và thu thập được hàng hóa của đoàn lữ hành kia.

Câu chuyện này do Đức Phật kể cho ông Cấp Cô Độc. Ngài nói:

Này cư sĩ, như vậy trong thời quá khứ, những ai nắm chặt lấy các kiến giải sai lạc (tà luận), nắm chặt các kiến giải ngả nghiêng đảo ngược (điên đảo luận), nghĩ rằng cái gì không phải là chỗ quy y, lại xem là chỗ quy y chân thật, những người ấy sẽ bị quỷ Dạ-xoa ăn thịt trong cảnh sa mạc, chỗ trú của phi nhân, và bị lâm vào đại nạn. Còn những ai dựa trên các sự thật có nền tảng, vượt ra ngoài các kiến giải không có cơ sở thực tiễn, nắm chặt các sự thật không ngả nghiêng đảo ngược, thì trong cảnh sa mạc ấy, họ đạt được yên ổn an toàn...

Bậc Chánh giác đọc bài kệ:

*Có những người nói lên
Sự thật có nền tảng,
Nhưng các hạng người khác,
Tuyên bố về tà luận,
Kẻ trí biết điều này,
Giữ chặt điều tối thượng. ■*



NHÂN NGÀY QUỐC TẾ THIẾU NHI

Câu chuyện

Rahula

và trách nhiệm đối với tuổi trẻ

THÁI KIM LAN

1. Quyền được hưởng thừa kế của người đi trước

“Thưa Thầy, hãy giao cho con phần thừa kế của con!”

Rahula, 7 tuổi, người con trai duy nhất của Phật, đã nói như thế khi gặp lại phụ thân mà không biết người ấy là phụ thân của mình, sau bảy năm xa cách. Thái tử Tất-đạt-đa lúc ấy đã thành Đức Phật Cổ-đàm, đang khổ hạnh khát thực. Rahula chưa hiểu “phần thừa kế” của cậu là gì mà chỉ vâng lời mẹ, đến níu áo ông thầy tu “xa lạ” là Đức Phật đòi hưởng thừa kế của mình. Thoạt đầu, chuyện đòi thừa kế mang một nghĩa thông thường có tính vật chất: thừa kế của cải. Thân mẫu của Rahula, công nương Da-du-đà-la, ngấm mong cho con mình được thừa hưởng ngôi vị của Đức Phật trong vương quốc của vua Tịnh-phạn như người kế thừa ngôi vua.

Nhưng Rahula đã được hưởng một thừa kế khác mà, khi trả lời sự đòi hỏi của con, Đức Phật, người đã bỏ ngôi báu để trở thành Đấng Giác Ngộ, đã để nghị và người con chấp thuận. Rahula đi theo Phật, được sự dẫn dắt của Phật.

Trước và ngay sau thời điểm ấy, Rahula, một cậu bé thời Đức Phật, cũng bình thường giống như một cậu bé hay cô bé đời này, giống nhau ở tuổi non, ở tuổi thơ, tuổi chưa thành niên, tuổi đang được nuôi dưỡng, đang được uốn nắn. Ở cái tuổi ấy, mọi người trẻ đều dựa vào người đỡ đầu, những bậc cha mẹ, người đã trưởng thành, phụ thuộc những điều kiện xã hội mà đứa bé sinh ra.

Dù cho trong một điều kiện nào, giàu hay nghèo, sang cả hay cùng đinh, chúng ta hãy nói một điều cơ bản cho tuổi trẻ: người trẻ có quyền và được có quyền đòi hỏi thừa kế gia sản, tài sản của thế hệ ông, cha, mẹ, những người đi trước. Người trẻ phải được dành cho quyền ấy, được hưởng quyền ấy, như một định chế xã hội. Hay nói khác đi, người đi trước có trách nhiệm trao lại di sản cho người đi sau. Trong trách nhiệm xã hội ấy, chính người đỡ đầu có bốn phận đưa ra một chọn lựa cho người trẻ, chọn lựa ấy đi liền với triển vọng giáo dục để người trẻ trở nên con người hoàn thiện. Đồng thời, người trẻ có thể chọn lựa dưới sự hướng dẫn chân

thật và thành tâm của người đỡ đầu bước đi tương lai của mình, mặc dù sự chọn lựa ấy chưa hẳn hoàn toàn tự do, còn nằm trong điều kiện xã hội khi mới sinh ra. Một trong những trách nhiệm lớn của người đi trước đối với người trẻ chính là đạo đức hay đời sống tinh thần của con người. Cho nên khi nói về tha hóa đạo đức của lớp trẻ trong xã hội ngày nay, phải truy tầm trách nhiệm xã hội của những người đi trước, có nghĩa, phải xét đến trách nhiệm giáo hóa của người đi trước đối với người trẻ đang học làm người. Hiện nay điều đó đang là một thực tế khẩn yếu.

Đức Phật đã nói với cậu bé La-hầu-la:

“Con biết không, Rahula, ta là cha của con. Theo thường lệ, các người cha để lại cho con mình những gì họ sở hữu. Đó là phần thừa kế. Ta có ít sở hữu. Cái bình bát này dùng để xin ăn và cái áo này. Đó là tất cả. Điều sở hữu thật sự duy nhất của ta là minh triết và đức tốt. Ta không có “đồ vật”. Trong cung điện, con có nhiều đồ dùng đẹp đẽ, áo quần sang trọng, thức ăn ngon và nhiều bạn chơi với con. Đó là phần thừa kế mà ông nội con và mẹ con có thể cho con. Còn bên cha thì không có bạn chơi đùa, chỉ có thức ăn như trong bình bát này và áo quần như cái áo này. Nhưng bên cha thì người ta có thể học điều mà trong cung điện không thể học được: sự khôn ngoan minh triết, tính tốt và lòng thương người. Đó là phần thừa kế mà ta có thể cho con. Nếu con muốn có nó, con có thể theo ta, đó là điều đẹp nhất mà ta có thể cho con, nhưng nó không thích thú lắm đâu”.

Cậu bé Rahula nói: “Nếu phần thừa kế của cha là minh triết, điều lành và từ bi, thì con muốn có nó”. “Con biết không, Rahula, con có thể thử một vài ngày, có lẽ con sẽ không thích thế. Ví dụ con có thể không ngủ trong nhà và trong giường, mà ngủ trong rừng, dưới nhiều cây”. “Như những tên cướp?”. “Phải, Rahula, giống như những tên cướp - và những bậc thánh”. “Như thế thì con theo”. Rahula đi theo các nhà sư. Với tuệ giác, Đức Phật đã dạy cho con tất cả những điều cần học và thực hành về đạo đức, quán tưởng và sự khôn ngoan minh triết.



2. Ba ví dụ trong kinh minh họa ba nguyên tắc cơ bản trong tiến trình giáo hóa người trẻ của Đức Phật

Bằng phương pháp thực nghiệm và ẩn dụ trong đối thoại, chứ không nói lý thuyết suông, không đưa ra những phán đoán mệnh lệnh, Đức Phật đã từng bước hướng dẫn cậu bé La-hầu-la đi đến sự thừa hưởng đích thực phần thừa kế mà cậu chọn lựa và thực hành:

- Không nói dối là điều kiện tiên quyết để bảo vệ sự thật

Mục đích cao nhất của giáo hóa con người là giúp con người tìm ra chân lý. Nhận biết chân lý và sống trung thực với mình với người là điều kiện cho hòa bình nội tâm và hoà hợp với người khác. Thay vì định nghĩa "chân lý" là gì, đối với một cậu bé, Đức Phật hướng dẫn La-hầu-la nhận chân rằng nói dối, nói sai

sự thật là điều tai hại cho chính trái tim của mình bằng cuộc nói chuyện sau đây:

"Rahula, con biết không, với số nước trong cái muỗng cũng giống như với chân lý". "Thưa Phật, giống với chân lý là như thế nào?". Đức Phật cho một ít nước vào cái muỗng và hỏi: "Con có thấy chút nước trong muỗng không?". "Dạ thấy". "Nếu có người khi nói không thận trọng, và thực sự không cẩn trọng để luôn luôn đứng trong sự thật, thì sẽ nhận được ít điều lành như chút nước trong cái muỗng này". Rồi Phật hất mạnh tay đổ hết nước khỏi cái muỗng và hỏi cậu bé có nhìn thấy Phật làm gì không. "Dạ có".

"Và khi con người không cố gắng luôn nói sự thật, thì họ cũng hất đổ điều lành trong mình ra ngoài như ta vừa đổ nước vậy". Rồi Phật úp cái muỗng lại: "Và nếu

con người không cố gắng gìn giữ sự thật thì họ cũng đối xử với điều lành tựa như úp cái muỗng vậy”.

Nói xong Phật lại lật ngửa cái muỗng ra: “Con có thấy bây giờ cái muỗng hoàn toàn trống rỗng không?”. “Dạ thấy”. “Cũng như thế, trái tim của những người không cố gắng theo sự thật sẽ trống rỗng như cái muỗng này”.

Với những ẩn dụ sống động, được nghe hỏi, quan sát và chứng nghiệm, khái niệm đạo đức “không nói dối” đã được đưa vào tâm và trí của cậu bé một cách đầy thuyết phục và trở thành hành vi đạo đức. Hành động đạo đức “không nói dối” có nghĩa không gì khác hơn là “nói thật” và qua đó bảo vệ sự thật.

- Vận dụng tất cả những khả năng mà con người có được để tìm chân lý và bảo vệ sự thật

Tinh yếu của đạo Phật nằm trong lời dạy cơ bản rất đơn giản mà Phật hướng dẫn cho cậu bé 11 tuổi, đơn giản mà sâu xa vô lượng. Chúng ta nhớ đến câu nói của triết gia Emmanuel Kant “hãy can đảm sử dụng trí tuệ của mình”, tuyên ngôn của thời khai sáng Âu châu ở thế kỷ 18 để cao giá trị nhân bản tuyệt đối của con người, khả năng giải phóng con người khỏi tình trạng lệ thuộc người khác, lệ thuộc thế lực, lệ thuộc tham vọng. Trước đó 22 thế kỷ, Đức Phật đã khám phá và thực hiện điều này khi tìm ra chân lý giác ngộ và hướng dẫn cậu bé La-hầu-la còn vị thành niên trên đường đến tuổi trưởng thành. Phương pháp giáo hóa của Phật sinh động nhằm khai mở óc quan sát, phân tích, khả năng trí tuệ hay “tính sáng” của cậu bé và từ đó chính cậu bé nhận ra sự thật, nắm được tri thức đúng đắn, chân thật. Phương pháp này đi từ kinh nghiệm và óc quan sát của chính cậu bé La-hầu-la.

“Này Rahula con, trong thành Ca-tỳ-la-vệ các người có nhiều con voi trận to lớn và dũng mãnh phải không?”. “Thưa có, chúng lớn dữ dội và mạnh kinh hoàng!”. “Con hãy tưởng tượng con voi trận của hoàng gia. Hãy tưởng tượng nó được đem vào chiến trận. Nó chiến đấu trong đó bằng cách đưa đầu nó ra và đưa hai ngà voi, đưa thân thể mạnh mẽ và bốn chân của nó. Phải chăng người ta đã quên dạy nó điều gì, còn có cái gì mà con voi phải sử dụng nữa không?”.

“Thưa cha, rõ ràng là con voi chưa dùng vòi của nó! Một con voi thường có cái vòi hoàn toàn mạnh và cuộn bắp thịt, nó chưa dùng vòi cho trận đánh”.

“Giỏi, Rahula, đúng như thế, người ta chỉ sẵn sàng lâm chiến đúng thực khi người ta sử dụng đầy đủ và toàn diện tất cả những sức mạnh và khả năng mà họ có. Cũng y hệt như thế, ta phải đem hết tất cả sức lực của mình, để không bao giờ nói dối, ngay cả khi chỉ nói dối để đùa vui”.

Triết gia thời khai sáng E. Kant đã nhận định không khác Đức Phật khi khẳng định giá trị tuyệt đối của những nguyên lý đạo đức, trong đó châm ngôn “không nói dối” không thừa nhận một trường hợp ngoại lệ nào. Nhưng, trong khi phạm trù mệnh lệnh đạo đức

của Kant trừu tượng hóa con người như một cái khung cần đồ đầy mệnh lệnh, Đức Phật nhấn mạnh con người “đem hết tất cả sức lực của mình” để không bao giờ nói dối.

- *Quán sát hành động của thân – quán sát lời nói – quán sát tâm* để không nói dối và bảo vệ sự thật. Có thể nói toàn thể đạo đức học Phật giáo nằm trong việc thực hành điều này, xuyên suốt lời dạy của Đức Phật, gồm giới định tuệ (Bát chánh đạo). Giáo lý thâm sâu này đã được Đức Phật truyền lại cho cậu bé La-hầu-la vô cùng đơn giản:

“Này con, hãy nói cho ta nghe, ở trong cung của các người có gương soi không?”. “Dạ thưa, dĩ nhiên có nhiều tấm gương!”. “Để làm gì vậy?”. “Thưa để người ta có thể ngắm, xem mình thật sự có mặc đẹp không, tóc có được uốn đẹp không?”. “Vâng, Rahula, xem mình ăn vận và chải tóc có đẹp hay không là không quan trọng, nhưng người ta cũng có thể quan sát mình mà không cần soi gương!”. “Thưa, làm thế nào?”.

“Thật ra, điều quan trọng nhất khi ta nhìn ngắm ta không phải để xem mình có ăn mặc đẹp hay chải tóc có thẳng hay không, đúng hơn, điều quan trọng nhất là ta quan sát những hành động của ta: những cử chỉ với thân thể, những cử chỉ với ngôn ngữ và những hành động trong tâm hồn. Những điều ấy ta phải quan sát, La-hầu-la à”.

Kiểm soát hành vi liên quan đến thân-khẩu-ý, để trung thực, để không dối trá, là điều kiện đạo đức tiên quyết trong việc giáo huấn người trẻ thành người tốt trong xã hội. Trách nhiệm ấy nằm trong tay người đi trước cũng như của cả toàn thể xã hội. Sự suy thoái đạo đức, con giết cha, người lớn hành hạ người trẻ, thấy lương gạt trò, người người tham nhũng, không từ đâu khác hơn là từ sự dối trá, việc che đậy sự thật, tình trạng vô minh trong lệ thuộc vật chất, đến từ những người có trách nhiệm giáo dục, đồ đầu thanh thiếu niên, đến từ cơ cấu xã hội sục lở nền tảng nhân tính.

Ý thức về trách nhiệm thừa kế di sản mà Đức Phật đã trao tặng và giáo hóa cho cậu bé La-hầu-la, có nghĩa lạc quan về một nền đạo đức Phật giáo mang sức sống và phẩm chất cao quý cho con người của thời đại, có nghĩa, mỗi người Phật tử trong chúng ta, nhân ngày Phật đản, một dạ: “nguyện đem công đức này, hướng về khắp tất cả”, vận dụng sức mạnh của trí tuệ và ý chí, “không nói dối” để giải phóng di sản tệ hại, hủy diệt nhân tính, xây dựng một truyền thống đạo đức dành cho tuổi trẻ tương lai như một lần La-hầu-la đã nhận ra ý nghĩa của lời Phật dạy qua chứng nghiệm về phần thừa kế mà Đức Phật đã để nghị cho mình.

La-hầu-la là người trẻ tuổi nhất trong Tăng đoàn đầu tiên của Đức Phật đã biến phần thừa kế của mình thành quả giác ngộ chân lý. Ngài là vị A-la-hán với hạnh đạo đức sáng ngời trong lịch sử Phật giáo và là nguồn hy vọng của tuổi trẻ hôm nay và mai sau. ■

Về chiếc lá điều bông ấy

HÀ THỨC HOAN

Cách đây nhiều năm, tại Sài Gòn, một cô giáo dạy văn hồi hưu đã mở một quán cà phê và lấy cụm từ *Lá điều bông* để đặt tên, rồi làm thơ ngâm vịnh cái quán nghèo của mình và số phận đau thương của Hoàng Cầm: “*Quán nghèo em gọi Diêu bông / Cũng là như có như không vậy mà. (...) Thương người đáy bể mò kim / Đời giông bão, thương cánh chim cuối trời*”. Ngày 6 tháng 5 năm nay, khi đời đã thôi “*giông bão*” và “*cánh chim cuối trời*” đã an giấc ngàn thu, một thầy giáo dạy văn không còn đứng lớp đã gửi đến tòa soạn bài viết dưới đây và mong được xem như là một nén tâm hương đốt trước bàn linh nhà thơ tài hoa xứ Kinh Bắc.



Theo lời tự thuật của Hoàng Cầm thì năm lên 8 tác giả đã “phải lòng” chị Vinh là một cô gái xinh đẹp lớn hơn nhà thơ 8 tuổi. Năm Hoàng Cầm 12 tuổi, chị Vinh đi lấy chồng và đã gieo vào đất tâm của nhà thi sĩ một hạt giống đau thương. Nhà thi sĩ ấp ủ, nuôi dưỡng cái mầm thương đau ấy suốt một phần tư thế kỷ cho đến một đêm mất ngủ - khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã thành công và Hoàng Cầm đang làm văn, viết báo ở Hà Nội - cái hạt giống đau thương ấy phát triển thành cây xanh và đơm bông kết trái: bài thơ *Lá điều bông* ra đời.

Ở đầu bài thơ, ngôn ngữ của chị Vinh thật là cao kỳ:
"Chị bảo: đứa nào tìm được Lá điều bông
từ nay ta gọi là chồng".

Không nói mà "bảo", không xưng em mà xưng "ta", chị dùng đại từ "đứa" để chỉ người đàn ông mà trong tương lai chị sẽ "gọi là chồng". Có thái độ kiêu hãnh như vậy vì chị biết mình đẹp và có nhiều trai làng đang bị sắc đẹp của chị cuốn hút, trong đó có cậu bé Hoàng Cẩm đang lẻo đẻo đi theo sau trong một buổi chiều chị đi tìm lá cây làm thuốc trên cánh đồng làng mới gặt còn trơ gốc rạ.

Nghe lời thách cưới của chị, em hồi hã đi tìm và đã tìm thấy lá:

"Hai ngày em tìm thấy Lá,
Chị chau mày
đầu phải Lá điều bông".

"Chị chau mày" bức tức, vì lòng tự ái của chị đã bị tổn thương. Lẽ nào sắc nước hương trời của chị lại ngang bằng với hai ngày chạy rong của em?

Sau thất bại lần thứ nhất, em dành nhiều thì giờ và công sức để tìm cho được cái Lá điều bông có thể làm chị vừa lòng:

"Mùa đông sau em tìm thấy Lá,
Chị lắc đầu
trông nắng vãn bên sông".

"Mùa đông" chứ không phải là "mùa xuân". Mùa xuân có nắng ấm mà em đi tìm lá cũng là một chuyến đi có nhiều thú vị. Nhưng đi tìm lá trong mùa đông rét mướt thì công sức em bỏ ra nhiều gấp bội và cuộc hành trình gian khổ hơn nhiều. Ở lần thứ hai này, em đã vất vả, nhọc nhằn đi tìm lá trong ba trăm sáu mươi lăm ngày chứ không phải chỉ trong một thời gian ngắn là "hai ngày" như lần đầu tiên. Em đã bắt đầu trả giá cho ước mong chinh phục trái tim của chị. Lòng tự ái đã được thỏa mãn phần nào cho nên chị không "chau mày" phủ nhận mà chỉ từ chối bằng cách "lắc đầu nhìn nắng vãn bên sông".

Dù đã thất bại hai lần nhưng em vẫn quyết tâm đi tìm lá để làm đẹp lòng chị. Không biết em đã đi bao nhiêu ngày, bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm. Chỉ biết rằng ngày em tìm thấy lá và đem lá đến cũng là ngày chị bước lên xe hoa để về nhà chồng:

"Ngày cưới chị, em tìm thấy Lá,
Chị cười
xe chỉ ầm trôn kim".

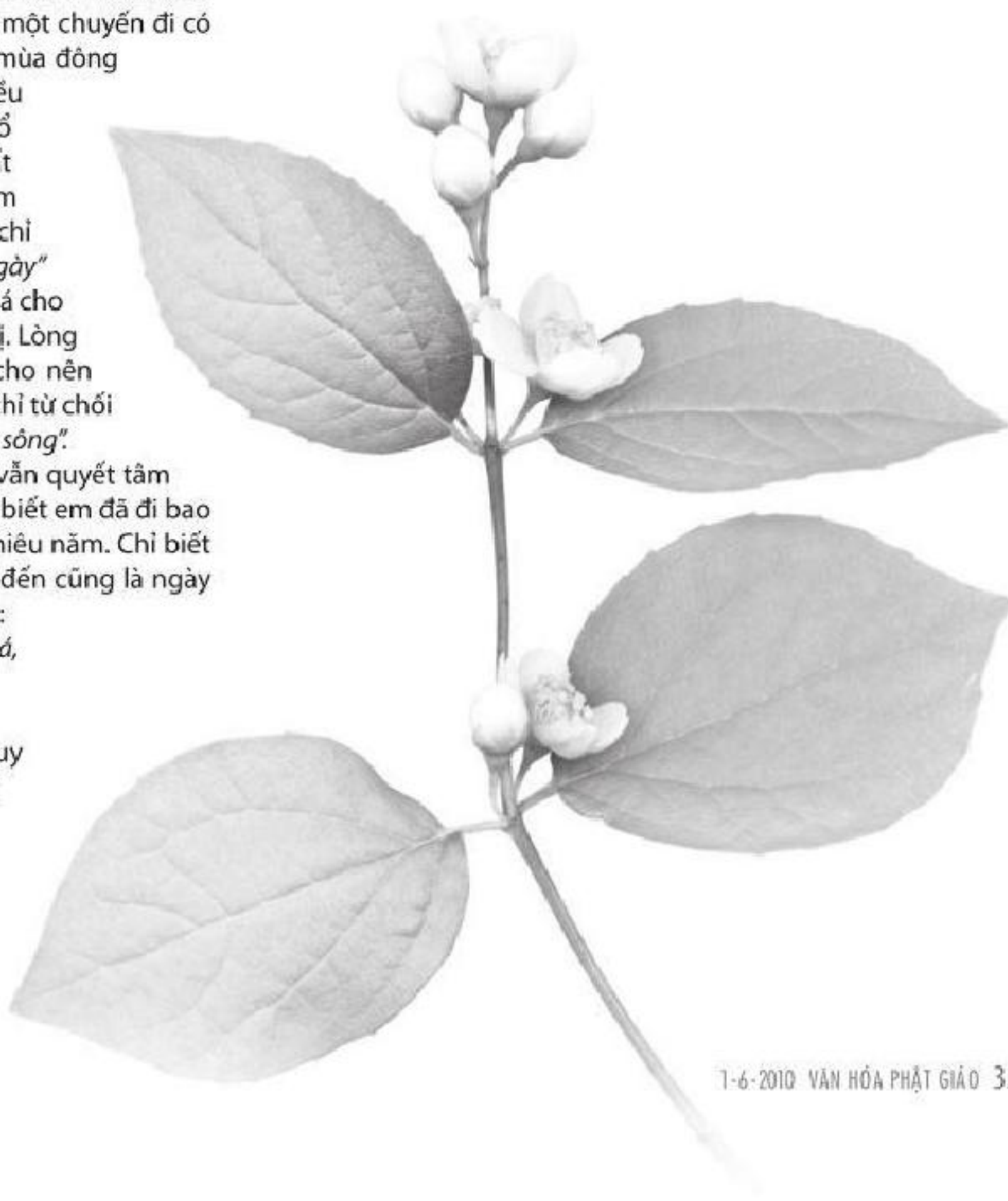
Đem lá đến đúng vào ngày vu quy của chị thì lẽ ra em nên lặng lẽ mang lá ấy về nhà để làm thơ là vừa. Không làm được thơ thì ngâm nga những bài ca dao như:

"Anh tìm đến vườn hoa thì
hoa đã nở.

Anh tìm đến bến đò thì đò đã sang sông.
Anh tìm đến em, em đã có chồng!"

Điều khác thường ở đây là dù biết chị sắp bước lên xe hoa nhưng em vẫn kiên trì đem lá đến với hy vọng mong manh là chị có thể thay lòng, đổi ý vào phút chót. Đến đây thì chị đã biết rõ lòng em, tình em. Tâm trạng tự đắc, tự kiêu của chị đã được thỏa mãn. Cho nên, ở lần thứ ba này, không "chau mày", không "lắc đầu" mà "Chị cười xe chỉ ầm trôn kim".

Tôi mong được gặp tác giả Hoàng Cẩm để hỏi cho rõ "cười xe chỉ ầm trôn kim" là cười như thế nào. Thông thường, khi các cơ miệng bắt đầu chuyển động thì nụ cười chớm nở và đẹp như một bông hoa hàm tiếu, khi tất cả cơ miệng đã phát triển đến giới hạn tối đa của nó thì nụ cười đẹp như một bông hoa mãn khai. Tôi nghĩ rằng đúng vào cái giây phút trên môi sắp sửa nở ra một bông hoa hàm tiếu hay mãn khai thì chị Vinh vội vàng thít chặt hai bờ môi lại để tạo thành hình một sợi chỉ, để mỉm cười, để cho em một nửa nụ cười... Đối với riêng em, thay vì "chau mày" bức tức hay "lắc đầu" từ chối, chị cho em một nửa nụ cười thân thiện cũng đã là hạnh phúc lắm rồi.





Cổ nhân đã nói: “Sự bất quá tam”. Sau ba lần thất bại, lẽ ra em nên kết thúc những lần tìm kiếm Lá điều bông trong vô vọng. Thế nhưng cuộc đuổi bắt tình yêu của em vẫn còn tiếp tục:

*“Chị ba con em tìm thấy Lá
Xòe tay phủ mặt
chị không nhìn”.*

Chị đã có ba con thì nét điểm kiều ngày xưa chắc cũng đã tàn phai, còn em bây giờ đã trở thành một thanh niên trẻ trung và cường tráng. Vậy mà em vẫn kiên trì đem lá đến để đổi lấy tình yêu của chị. Đến nước này thì chẳng những chị không “chau mày”, không “lắc đầu” mà ngay cả việc chuyển động hai bờ môi để cho em một nụ cười chị cũng không thể thực hiện được nữa. Đến nước này, chị chỉ còn biết “Xòe tay phủ mặt chị không nhìn”.

Câu thơ vừa trích dẫn ở trên có một nét nghĩa nhòe. Đó là cái “nếp gấp” (pli) của thơ. Nó đòi hỏi người đọc thơ phải giải thích, nghĩa là phải “mở cái nếp gấp” (explication) ấy. Chính nét nghĩa nhòe này đã làm cho thơ trở nên đa nghĩa. Nhờ vậy mỗi người bình thơ có thể hiểu thơ theo một cách riêng mang dấu ấn tình cảm và trí tuệ của mình.

Đọc giả có thể giải thích động tác “Xòe tay phủ mặt chị không nhìn” theo nhiều cách. Có thể hiểu rằng chị che mặt lại vì chị đã quá hổ thẹn trước tấm lòng thủy chung son sắt của em. Cũng có thể nghĩ rằng sắc đẹp của chị bây giờ đã tàn phai nên chị phải dùng tay che mặt để giữ cho em cái nét tươi tắn, trẻ trung của chị ngày trước, như người phụ nữ trong *Màu thời gian* của Đoàn Phú Tứ đã “Thà nếp mày hoa thiếp phụ chàng”. Tuy nhiên, nếu đặt câu thơ này trong mối liên hệ với những câu thơ đã xuất hiện trước đó để tìm hiểu, chúng ta có thể xác định được tiến trình: Sau “chau mày” là “lắc đầu”, sau “lắc đầu” là “cười xe chỉ ẩm tròn kim”, hết “cười xe chỉ ẩm tròn kim” là đến “xòe tay phủ mặt” để mà... khóc. Đến giai đoạn cuối này, tất cả nỗi tự đắc, tự kiêu của chị đã hoàn toàn tan biến. Xúc động mãnh liệt

trước tình em vô cùng thấm thiết và thủy chung, chị đã không cầm được hai hàng nước mắt.

Chị khóc vì nhiều lý do. Trước hết chị khóc cho em. Đời này chán chỉ đào chi kếp mà tại sao em trước sau chỉ yêu thương một mình chị để mãi hoài kiếm tìm chiếc Lá điều bông một cách vô vọng như một loài chim không biết mỏi cánh trong những chuyến bay tìm tình yêu? Sau nữa chị khóc cho chị. Đã ba con, hẳn chị đã biết thế nào cái hữu hạn, cái tương đối của tình yêu trong cõi thế gian. Vậy mà chị đã nhiều lần đùa cợt, hờ hững, rồi kiêu hãnh bỏ qua tình yêu thiết tha vô hạn và thủy chung vô cùng của em. Bây giờ, dù vẫn còn đó tình yêu thương của em, nhưng với hoàn cảnh hiện tại, chị không còn cơ hội để đón nhận tình yêu cao đẹp tuyệt vời của em nữa.

Với chị, câu chuyện đã kết thúc, chiếc thuyền tình đã vỡ. Nhưng với em, cuộc tìm kiếm Lá điều bông vẫn còn tiếp tục và mang một mục đích, một ý nghĩa mới:

*“Từ thuở ấy em cầm chiếc Lá
Đi đâu non cuối bể
Gió quê vì vút gọi
Điều bông hỡi!... ới Điều bông...”.*

Hình tượng Lá điều bông ở đoạn kết của bài thơ không còn mang ý nghĩa tình cảm riêng tư của Hoàng Cầm và chị Vinh. Có thể xem hình tượng Lá điều bông ở đây có nội dung sâu sắc của bài học về lý tưởng sống cho con người. Lý tưởng cao đẹp mà mỗi người đang tìm kiếm là cái Lá điều bông viết hoa ở nơi góc bể chân trời, còn những gì chúng ta thu nhặt được trên đường tìm đến lý tưởng chỉ là những chiếc lá điều bông viết thường mà nhà thơ của xứ Kinh Bắc đang cầm trên tay. Vì lý tưởng cao đẹp như sao trời và ở ngoài tầm tay với của mỗi người nên kẻ đi tìm lý tưởng thường mang số phận của một khách lữ hành mãi mãi ở trên dặm dài mà các quán trọ chỉ là nơi tạm dừng chân để đổi ngựa và lấy nước.

Những ai đã có một thời trẻ trung với nhiều ước mơ và hoài bão cao đẹp thì đến lúc tuổi già xế bóng thường mang một nỗi ngậm ngùi: Những thành tựu mà ta đã đạt được trong cuộc đời chỉ là những mô phỏng gần đúng với những gì lớn lao và tốt đẹp mà ta đã từng ôm ấp ở trong lòng, như một nhà toán học vẽ nhiều vòng tròn trên cát, trên giấy, trên bảng, nhưng không có vòng tròn nào giống vòng tròn định nghĩa là quỹ tích những điểm cách đều một điểm cố định gọi là tâm... Chính vì nỗi niềm ấy mà ta có thể kết luận rằng “xòe tay phủ mặt”, chị Vinh không những khóc cho em, khóc cho chị mà còn khóc cho tất cả chúng ta, những người sống trong cõi tạm là cuộc đời trăm luân mà lòng không nguôi hoài niệm về một quê nhà xa lắc và cao vợi vợi. Đó chính là cái phận người mà Trần Thái Tôn đã miêu tả qua bài thơ thứ nhất của *Tứ sơn kệ*:

*“Vinh vi lãng đãng phong trần khách,
Nhật viễn gia hương vạn lý trình”.
(Trời dạt còn dài đời gió bụi,
Quê hương muôn dặm bóng xa khơi). ■*

Kinh tế học

và tinh thần đạo học phương Đông

HAO NHIÊN

Chưa giải quyết căn bản

Nhìn chung mọi người đều thấy dường như ngày nay ngành khoa học nào (cả về tự nhiên lẫn xã hội) cũng phát triển rất rực rỡ nhờ đã thừa hưởng được di sản của mấy ngàn năm thành tựu trong quá khứ. Tuy nhiên, cái tổng lượng hạnh phúc của loài người nhờ vào các thứ khoa học đó có nâng lên được bao nhiêu hay không thì không dễ đo đếm, định lượng; chỉ thấy nhân loại vẫn phải đối mặt tiếp tục với những nan đề mà hẳn là biết bao thế hệ trước cũng đã từng mắc phải và đã vì thế phải nỗ lực khám phá để tìm cách khắc phục. Ngày nay, trên phạm vi toàn cầu, song song với tốc độ khủng khiếp của sự gia tăng dân số (cứ 30 năm dân số thế giới tăng gấp đôi) là nạn đói và mối đe dọa hủy diệt môi sinh rất nặng nề; nhất là chiến tranh vẫn diễn ra rải rác ở nhiều nơi. Nhiều vấn đề xã hội phát sinh như hố ngăn cách giàu nghèo giữa các nước và giữa các nhóm người ngay trong cùng một nước, nạn thất nghiệp, sự xuất hiện một số bệnh lạ, tình trạng suy thoái đạo đức, thái độ chán nản, thối loạn về tinh thần sau khi đã có cuộc sống vật chất quá đầy đủ ở một bộ phận nhân loại... Tóm lại, có vẻ như con người vẫn phải lo tháo gỡ những khó khăn do chính mình tạo ra, một cách khá lẫn lộn, mà khoa kinh tế học phối hợp với nhiều ngành khoa học khác mặc dù đã có nhiều bổ sung và cập nhật để ngày càng tinh tế hơn song vẫn chưa giải quyết một cách căn bản trên quy mô toàn thế giới.

Những điều vừa nêu trên cũng cho thấy tính cách giới hạn chung của mọi ngành khoa học, trong đó có kinh tế học là bộ môn đặc biệt được chú ý có lẽ nhiều hơn hết vì ai cũng sợ nghèo khó và tưởng như kinh tế học là một thứ công cụ có thể giải quyết hiệu quả những nhu cầu tối thiểu của con người về cái ăn cái mặc và các sự hưởng thụ vật chất khác.

Theo một định nghĩa hiện đại nhất thì "kinh tế học (economics) là sự nghiên cứu xem xã hội quyết định ra sao việc sản xuất cái gì, như thế nào và cho ai" (David Begg, *Economics*, Chương 1). Đối với xã hội, khó khăn kinh tế trọng tâm là làm sao để dung hòa mâu thuẫn

giữa những ước muốn gần như vô hạn của con người về hàng hóa và dịch vụ với sự khan hiếm các tài nguyên (lao động, máy móc thiết bị và nguyên vật liệu), những thứ mà người ta dùng để làm ra các hàng hóa và dịch vụ ấy. Nói cách khác, giả định của cái vật chất vốn phong nhiêu thừa thãi chẳng khác trăng thanh gió mát trên dòng Xích Bích để Tô Đông Pha có thể khoe rằng "*thủ chi vô cấm, dụng chi bất kiệt*" (lấy ai thêm cấm, xài để gì cạn) thì có lẽ cũng không cần có kinh tế học. Nhưng nếu mặc dù các nhà kinh tế đã làm đủ mọi cách mà kinh tế học vẫn tiếp tục chịu cảnh bất lực trong khả năng giải quyết những vấn đề nóng bỏng về vật chất cho con người, như có thể thấy, thì trong bản thân kinh tế học (cũng như trong hoạt động kinh tế) hẳn phải chứa đựng điều gì cũng khó hiểu hết như cái cõi nhân sinh phức tạp này mà nó muốn tham gia giải quyết. Nói đúng hơn, nếu kinh tế học không hoàn toàn vô ích cho sự làm giàu lên từ một nhóm quốc gia hay một quốc gia nào đó xuống tới một số cá nhân, thì đúng trên phạm vi bao quát toàn cầu, nó có vẻ bất lực trong chuyện làm giàu lên hoặc cứu đói cho tất cả mọi người.

Sở dĩ như thế trước hết vì kinh tế học tuy đã nắm vững được các quy luật về cung-cầu và phân phối trên cơ sở vận động của thị trường nhưng nó không giải quyết nổi vấn đề phân phối công bằng trên phạm vi toàn thế giới, cái nan đề mà hơn 2.000 năm trước Khổng Tử đã từng phát biểu, "*bất hoạn quả nhi hoạn bất quân*" (không sợ ít chỉ sợ phân phối không đều), và ngày nay nhân loại vẫn hầu như chưa tiến được gì xa hơn cho dù kiến thức về kinh tế học đã được hiện đại hóa và tăng tiến rất nhiều.

Tuy được coi là một khoa học, nhưng chân lý mà các nhà kinh tế học cố gắng phân tích và tiên đoán vẫn có những giới hạn so với sự phân tích đối với hệ thống kín và có thứ tự hơn như trong ngành vật lý học. Nhà vật lý học có thể đứng ngoài các biến cố xã hội, chẳng hạn như cuộc bầu cử toàn quốc, hay chiến tranh, còn các nhà kinh tế học thật sự không thể loại bỏ bất kỳ điều gì có ảnh hưởng đến hệ thống kinh tế, như các

cơ bản tổ chức trị, xã hội, kỹ thuật, tâm lý và thậm chí kể cả những thay đổi về thời tiết nữa. Leonard Silk đã viết trong một sách phổ thông về kinh tế học rằng “*Vấn đề đạt được tính khách quan khoa học, đối với các nhà kinh tế học còn tệ hại hơn nữa, bởi việc ý thức hay không ý thức về những giá trị hay xã hội của ông ta. Ông ta là người của Đảng Cộng hòa hay Dân chủ, là môn đệ của Smith hay Marx, của Jesus hay Ayn Rand? Ông ta đồng nhất với kẻ giàu, người nghèo, hay giai cấp trung lưu? Ông ta là kẻ thượng lưu hay người bình dân?*”.

Kinh tế học đã có được một số thiên tài như Smith, Malthus, Marx, nhưng những vấn đề to lớn mà họ đã nêu ra (sự phát triển thịnh vượng của các quốc gia và tự do của con người; sự gia tăng dân số, các giới hạn của tài nguyên, và tính dai dẳng của nghèo đói...) vẫn còn đó trước mắt chúng ta chưa giải quyết được.

Những mầm mống bất ổn định

Nói chung, theo một cách nhìn bình thường nhất, trong một thế giới không có sự phát triển kinh tế, sự

tiến bộ của một quốc gia hay của một người nhất thiết sẽ có nghĩa là sự suy vong của quốc gia khác hay người khác, các xung đột sẽ nảy nở và tăng nhanh. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, dù có sự phát triển đi chăng nữa thì sự phát triển ở một nơi nào cũng có mức tới hạn của nó, đòi hỏi phải có sự bành trướng thêm ra bên ngoài nhằm thủ đắc các yếu tố về tài nguyên để phục vụ cho yêu cầu sản xuất và hưởng thụ trong nước, bằng con đường khi xưa là chủ nghĩa thực dân cũ và mới, còn ngày nay thì phổ biến thông qua hoạt động mậu dịch cạnh tranh ngày càng có tính cách toàn cầu hóa. Nhưng, nếu về lý thuyết, toàn cầu hóa sẽ tạo ra một thế giới tương đối hòa đồng, tạo điều kiện dễ dàng cho các nguồn tài nguyên chảy đi khắp nơi, như thể nước trên cao tự do chảy xuống các chỗ trũng thấp khắp các vùng khô hạn, thì trên thực tế lại không hẳn vậy. Trái lại, nó đang gây nhiều căng thẳng, thiệt thòi cho những nước nghèo không đủ điều kiện để tiếp nhận tài nguyên, ở những cộng đồng quốc gia mà đại đa số dân chúng phải sống trong tình trạng bất bình đẳng



dưới sự lấn át của các thế lực chính trị cầm quyền tại chỗ và tệ nạn tham nhũng.

Trên thực tế, toàn cầu hóa đang làm giàu cho các người giàu và những người có trình độ cao, nhưng lại làm suy giảm một cách rất đáng lo ngại về mức sống của những người bị lép vế trong bữa tiệc lớn của cuộc đời. Trong viễn tượng đó, sự phân hóa giàu nghèo tiếp tục diễn ra phổ biến hiện nay trên toàn thế giới hẳn là một mối lo âu chung; vì bao lâu còn quá nhiều người phải sống dưới mức sinh tồn thì chừng ấy những mầm mống bất ổn định trên toàn cầu vẫn tiếp tục tồn tại.

Nhiều nước châu Âu sau một thời kỳ hoàng kim khá dài nay đang phải đối đầu với những vấn đề rất căng thẳng cả về kinh tế lẫn xã hội. Hầu hết các nước châu Á, đại biểu là Trung Quốc, đến thời vận châu Á của mình (theo như cách nói của một số nhà tương lai học nổi tiếng), đang vươn lên một cách mạnh mẽ nhưng không khỏi phải đối đầu với những khó khăn của phát triển kinh tế như khả năng kiểm soát dân số, tình trạng phân hóa ngày càng sâu sắc trong thu nhập, tệ nạn tham nhũng..., nghĩa là cũng vươn lên một cách trầy trật không dễ dàng gì. Nước Mỹ, để duy trì mức thu nhập của người dân, mà đó là điều kiện để một chính đảng được cầm quyền, từ nhiều chục năm nay, đã phải can thiệp và đi chinh chiến khắp nơi dưới những chiêu bài này khác, kỳ thực cũng chỉ để tom góp của cải nhằm phục vụ cho cái bao tử và dục vọng của các công dân một cường quốc. Các công dân Mỹ nhờ vậy có thêm lòng nhân đạo (phú quý sinh lễ nghĩa), thương yêu đến cả con chó con mèo với một tình yêu thương súc vật hoàn toàn chân thật. Lòng nhân có thể nói đã đạt tới loài cầm thú (*nhân cấp cầm thú*), nhưng phần nhiều họ chỉ biết sung sướng tận hưởng hạnh phúc trong sự chia sẻ với cả loài người lẫn loài vật bằng hành vi bố thí rộng rãi mà ít khi chú ý để nhận ra rằng cái lòng nhân đạo ấy trên thực tế đã mua được bằng biết bao tội ác của những cuộc chiến tranh xâm lược do nhà cầm quyền để quốc phát động để thỏa mãn ý chí và dục vọng của công dân mình, trong một mối tương quan hữu hảo hai bên cùng có lợi nhưng lại có thể có hại cho những dân tộc khác. Thế giới vì vậy, có lẽ sẽ mãi mãi không thể đạt được một nền hòa bình toàn diện.

Đạo học phương Đông

Trước sự khốn cùng này của nhân loại, một số người có khuynh hướng tìm kiếm một đường lối giải thích sâu rộng hơn để có thể tạm an tâm trên cơ sở nhận thức được tính tất yếu, nghiệt ngã của các hành vi nhân loại. Lão Tử nói *"Trời đất là bất nhân, coi vạn vật như chó rơm"*, có lẽ ông không có ý vô tư trước những nỗi thống khổ của đồng loại, mà chỉ muốn đề nghị một cách nhìn trung thực đối với sự vật khách quan: nó vận động theo quy luật của nó mà bất chấp mọi ý chí hay thiện ý chủ quan của một số người.

Đạo học phương Đông, hay nói khác đi, con đường sống của người phương Đông, quan tâm suy nghiệm về những nguyên lý phổ quát chi phối dòng vận động của cuộc sống, do vậy nó có thể nhìn xuyên thấu được các hoạt động của loài người, giải thích thống suốt (chứ không giải quyết) được những sự ách tắc, kể cả trong phạm vi hoạt động kinh tế, và thấy hết được các vòng lẩn quẩn trong hành vi của con người. Đạo là nguồn gốc chung của thế giới muôn vật, và cũng có ý nghĩa là "quy luật hay trật tự tự nhiên" hoặc "quy luật khách quan của thế giới vật chất". Phần nổi bật nhất trong tư tưởng triết học của Lão Tử là những nguyên tắc quan trọng của phép biện chứng mà ông đã cảm nhận được một cách khá rõ ràng. Theo ông, mọi sự vật đều bao hàm hai mặt đối lập nhau, nương tựa vào nhau mà tồn tại. Sự vật phát triển đến đỉnh điểm thì chuyển hóa sang mặt tương phản. Đó chính là điều mà ông gọi là *"phản giả đạo chi động"* (quay trở lại là cái động của đạo), *"vật cực tắc phản"* (sự vật đạt tới trạng thái toàn thịnh thì phải quay trở lại). Cái động lui trở lại đó chính là bản chất cốt yếu mà người ta có thể tìm thấy trong mọi hiện tượng của cuộc sống thực tế và cũng được phản ánh hầu hết trong các quy luật hoặc khái niệm của khoa kinh tế học, được giải thích bằng những đường cong lên xuống, như các quy luật về lợi suất giảm dần, hay quy luật khủng hoảng sản xuất thừa trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa chẳng hạn... Theo cách nhìn này, sự trỗi dậy của các nước châu Á trong thế kỷ 21 cũng là điều có thể suy đoán được để mà lạc quan cho các dân tộc bấy lâu nay phải sống kiếp nghèo khổ, hoàn toàn trùng khớp với dự đoán của các nhà tương lai học, đã được nói rất đầy đủ và có thể là chính xác trong quyển *Tám xu hướng lớn của châu Á làm thay đổi thế giới* của John Naisbitt. Điều này cũng có nghĩa là một số cường quốc châu Âu và châu Mỹ đã và đang bắt đầu suy thoái đủ kiểu, phải tìm cách chấn chỉnh lại mình trong một ý thức nhân loại và chiến thuật hành động hoàn toàn mới mẻ.

Lão Tử nói: *"Đạo trời bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu"* (Thiên chi đạo tổn hữu dư, bổ bất túc, *Đạo đức kinh*, chương 77), nhưng *"Đạo người không phải vậy, lại bớt chỗ thiếu mà cấp cho chỗ dư. Ai có dư mà lại cung cấp cho người thiếu thốn trong thiên hạ bao giờ đâu? Chỉ có người đắc đạo mới làm được như vậy"* (Thực năng hữu dư dĩ phụng thiên hạ? Duy hữu đạo giả). Thật là một lời nhân từ, đầy tình thương, một chủ trương công bằng xã hội hiếm thấy trong triết học của loài người. Do vậy các nhà kinh tế học, nếu thấm nhuần tư tưởng và kết hợp thêm được với cách nhìn của Đạo học phương Đông trong quá trình nghiên cứu để đề ra các lý thuyết, có lẽ họ sẽ đạt được nhiều kết quả tốt đẹp hơn trong thiện ý muốn giúp cải thiện tình trạng hạnh phúc của loài người, và khoa kinh tế học khi đó sẽ không còn mang tiếng giả hiệu, như nó vẫn thường bị quy chụp, mà trở thành một khoa học có ý nghĩa nhân bản thật sự. ■

Thầy Chơn Không

TRÀ KIM LONG

Vào năm học 1957-1958 tôi theo lớp Đề ngữ tại trường Trung học tư thực Bồ Đề, Nha Trang. Trường là một dãy nhà xây hai tầng nằm đầu lung với đối Trại Thủy, phía Tây là chùa Long Sơn, còn phía Đông là trường tiểu học Bồ Đề và khu dân cư.

Xa xa phía trước mặt là quốc lộ dẫn vào cửa ngõ thành phố. Học sinh đến trường theo hai lối: hoặc vào cổng chùa Long Sơn, hoặc theo con đường đất nhỏ dẫn về từ khu Mã Vòng.

Học sinh của trường gồm cả Tăng lẫn tục cùng học chung với nhau. Lớp Đề ngữ của tôi có số lượng học sinh Tăng, Ni chiếm gần khoảng một phần ba. Tất cả đều còn là "điều", trừ một vị sư bác đã lớn tuổi.

Sư bác là một vị Tỳ-kheo điềm đạm, có phong thái của một vị chân tu nghiêm túc mà từ giáo sư đến học sinh trong trường ai cũng đều tỏ ra cung kính, nể vì. Nói sư bác là nói theo cách gọi của các vị giáo sư. Còn tôi, cũng như các bạn bè trong lớp, đều gọi sư bằng thầy. Thầy Chơn Không.

Thầy có vóc người tương đối lớn, gương mặt hơi bầu, phúc hậu, mái tóc đã lốm đốm nhiều sợi bạc. Thầy ít nói, nhưng mỗi khi nào cũng có nụ cười hiền hậu mỗi khi bắt gặp cái nhìn của chúng tôi. Thầy cũng như các chú tiểu học ở trường này đều là người của học viện Hải Đức. Ngoài việc tu học ở chùa, các vị còn theo học văn hóa ở trường. Thầy Chơn Không tuy đã là một vị Tỳ-kheo có tuổi, nhưng không vì thế mà không muốn trau dồi thêm kiến thức văn hóa.

Theo chương trình, mỗi tuần lớp chúng tôi có hai giờ giáo lý. Vào những giờ học văn hóa, thầy Chơn Không ngồi dưới lớp cùng chúng tôi chăm chỉ học tập. Cẩn cù và bình đẳng như mọi học sinh khác. Nhưng đến giờ giáo lý, thầy lại là một giảng sư đứng trên bục giảng. Không chỉ dạy giáo lý cho riêng lớp chúng tôi, thầy còn phụ trách cho cả nhiều lớp khác

Ảnh: **Chỉ Giác Thông**

nửa trong trường. Dĩ nhiên, nhà trường đã sắp xếp cho thầy không phải dẫm chân lên các giờ học văn hóa. Lúc đứng trên bục giảng thầy vẫn bình dị, độ lượng như khi ngồi dưới hàng ghế học sinh. Thấy không phân biệt đối xử với ai. Không lấy làm vinh hạnh khi là một giảng sư, cũng không tự ti khi là một học trò.

Trong lớp, tôi được ngồi ngay phía sau thầy. Tôi có điều kiện gần gũi thầy hơn nhiều bạn khác. Tuy nhiên, không bao giờ tôi có ý nghĩ tìm hiểu về xuất thân của thầy. Cái đức tính, phong thái của thầy đang có trước mắt tôi lại không phải là điều đáng trân quý hơn việc tìm hiểu xuất thân của thầy hay sao? Hình ảnh của thầy là dấu ấn trong tâm thức tôi mãi mãi sau này qua suốt hành trình lặn lội trước cuộc sống. Hành trang mang theo trong cuộc đời tôi toàn là những bất hạnh nhiều lúc tưởng chừng không thể chịu đựng được. Những lúc vô vọng cực cùng, tôi phó mặc cuộc đời, tự lao mình vào vực thẳm. Nhưng tôi đã kịp dừng lại được đều nhờ vào hình ảnh của thầy Chơn Không bất chợt sống dậy trong tôi. Thầy đã đánh thức tôi bằng hình ảnh thuần ái, vị tha.

Con đường độc đạo dẫn từ chùa Long Sơn đến học viện Hải Đức nằm dọc dài trên đỉnh đồi Trại Thủy như một dòng sữa ngọt giữa rừng cây chi chít, xanh um. Hằng ngày, bóng dáng các nhà sư thư thả bước trên dòng sữa ngọt ấy, áo nâu sồng ẩn hiện giữa thiên nhiên sao mà đến thoát tục! Tôi cũng đã nhiều lần đi lẫn vào giữa các nhà sư ấy. Tôi đi bên cạnh thầy Chơn Không và các chú tiểu. Tôi cùng ngồi với thầy và các chú trên chiếc ghế gỗ kê trước hiên học viện. Phía dưới chân đồi, khu xóm lao động nghèo nàn với những căn nhà lợp tôn, lợp lá đơn sơ chen chúc nhau đến tội nghiệp. Đây là khu xóm Xường. Đây là khu Lò Vôi. Người ta đang trần lưng ra vật lộn với cuộc sống, mà sao như cuộc sống cứ muốn dừng đọng ngoảnh mặt? Phía xa hơn là thành phố với những sôi động giành giật, tranh đua không ngừng nghỉ. Một tầm mắt nhìn mà hai hình ảnh trái ngược. Ngồi ở đây có thể bao quát được khoảng rộng trời đất bao la. Thiên nhiên thì vô tư. Con người thì đổ ụp. Thấy Chơn Không nhìn vào khoảng trời đất bao la ấy, giọng chẳng buồn chẳng vui. Bình thản cơ hồ như không có một chút ý niệm nào trong lời nói của mình:

- Em thấy không? Đất nước của mình đẹp quá! Lớn lên, em nên làm một cái gì có ích để không phụ mảnh đất đã cho mình sự sống. Cuộc sống sẽ có rất nhiều khó khăn với em sau này, nhưng em đừng bao giờ nên bi quan. Tất cả đều là nghiệp. Mình tạo nên nghiệp thì cũng có thể chuyển được nghiệp mà! Cơ bản là làm việc thiện. Giúp con kiến một hạt cơm, dắt người mù qua đường, góp một ý kiến hay... tất cả đều là việc thiện. Làm việc thiện đâu phải là làm những việc cao xa trên trời dưới đất!

Thầy Chơn Không đã vực tôi dậy nhiều lần trước sự vấp ngã bằng những hình ảnh thuần hậu và lời nói chân tình ấy.

Khi già từ mái trường để dấn mình vào xô bồ cuộc sống, tôi lê thân khắp khểnh hầu như khắp miền Nam đất nước. Bạn học cũ nhiều người đã có danh vọng, địa vị trong xã hội, nhiều người cũng lâm vào cảnh cùng đing khốn khổ. Các chú tiểu ngày xưa đã nhiều vị trở nên Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức có tiếng tăm trong giáo hội, cả ngoài đời. Nhưng thầy Chơn Không thì trong suốt hàng chục năm trời tôi không hề hay biết ở đâu? Cuộc sống như thế nào? Khoảng năm hay sáu năm gì đó sau khi từ già nhà trường, tôi có lần lên Hải Đức tìm thầy và các chú ngày xưa, nhưng tất cả đều không còn ai là người xưa cũ. Tôi mang sự nuối tiếc tiếp tục ra đi. Dần dần rồi cuộc sống bù đắp đã làm cho tôi cơ hồ như quên lửng tất cả. Không ngờ một hôm tôi nhận được thư thầy. Thật là một sự bất ngờ đến với tôi. Trên mười năm rồi còn gì! Tôi vừa hồi hộp, vừa sung sướng xé vội thư ra xem mà không hề thắc mắc là sao thầy lại biết được địa chỉ của tôi. Thầy cho biết hiện đang trụ trì tại chùa Đông Hà ở Quảng Trị. Thấy hỏi thăm sức khỏe, hỏi thăm cuộc sống, hỏi tôi có còn nhớ gì về những kỷ niệm ngày xưa? Bấy giờ thì hình ảnh của thầy không chỉ sống dậy trong tâm thức tôi, mà là thầy đang đứng trước mặt tôi với phong thái thuần hậu đáng kính, đang ngồi cặm cụi chăm chỉ học tập trong lớp, đang đứng trên bục giảng với những bài giáo lý hàng tuần, đang thư thả bước đi trên con đường độc đạo giữa đồi Trại Thủy, đang ngồi nơi chiếc ghế gỗ trước hiên học viện...

Từ đó, tôi và thầy Chơn Không thường xuyên thư từ liên lạc với nhau. Từ Nha Trang đến Quảng Trị tôi không có dịp đến thăm thầy. Nhưng những bức thư của thầy đã động viên, hướng dẫn tôi rất thiết thực trong cuộc sống. Trong thư, thầy không dùng một văn tự giáo lý nào để viết cho tôi, nhưng tất cả những lời thầy viết đều lấy từ giáo lý mà ra. Thầy đem giáo lý vào thực tế để viết cho tôi những dòng thật thấm thiết, chân tình.

Cứ tưởng trước sau gì thì tôi cũng có dịp gặp được thầy. Không ngờ Quảng Trị là nơi chiến trường khốc liệt. Tôi đứt liên lạc với thầy. Tôi bồn chồn lo lắng, hỏi thăm tin tức khắp nơi nhưng không một ai biết gì hơn tôi. Mấy lần gửi thư đều không thấy hồi âm. Không hiểu chiến tranh có tác hại gì đến thầy? Như thế nào thì ít nhất thầy cũng viết cho tôi ít chữ. Đàng này không gì hết. Không gì hết có nghĩa là thầy... Tôi không dám nghĩ tiếp nữa. Tôi chỉ còn biết ngồi đây trầm cầu nguyện bình an cho thầy. Cầu nguyện bình an cho thầy mà sao lòng tôi chẳng thấy yên tâm được chút nào.

Đã mấy chục năm qua, cuộc sống có quá nhiều thay đổi. Tôi chẳng làm được gì "có ích để không phụ mảnh đất đã cho mình sự sống" như thầy đã kỳ vọng năm nào. Bây giờ tôi đã bước vào tuổi xế chiều. Nếu còn có mặt, thầy chắc cũng đã già lắm. Thời gian có qua đi nhưng hình ảnh của thầy không bao giờ mất trong tôi. ■



Trái tim trong sáng, ngòi bút tinh đời

DUONG HIEN NGAI

Vâng! Đó là những lời đẹp để tôi muốn nói về các anh, các chị, dành tặng các anh chị - những người làm báo nhân ngày Báo chí Việt Nam. Người làm báo là người làm văn hóa nghiêm túc, rộng lượng và nhạy cảm.

Lao động cần cù có lương tâm là tố chất văn hóa của các anh chị, tố chất đặc biệt này bộc lộ trong đời sống hàng ngày nên khi hòa mình vào thế giới VIP không lấy làm sang, khi hòa mình vào thế giới cùng khổ không lấy làm hèn.

Người đọc báo quả là không dễ gì hiểu được: để có một tờ báo tốt phục vụ độc giả, tờ báo phải trải qua bao nhiêu khâu "bếp núc", bao nhiêu công sức trí tuệ của nhiều người mới có được một sản phẩm tinh thần như vậy. Cái nhọc nhằn của người làm báo là cái nhọc nhằn khó đo đếm, vì sự nhọc nhằn đó không chỉ là những giọt mồ hôi mà lại đến từ một loại hình lao động đặc biệt đòi hỏi sự thông tuệ để xác định những chân giá trị của cuộc sống rộng lớn. Điều đó khiến tôi nghĩ nhiều đến đội ngũ biên tập viên, các anh chị đều

có trái tim trong sáng, ngòi bút tinh đời. Đây là điều tôi vừa trân trọng, vừa khâm phục.

Là một người viết báo không chuyên nhưng vốn là một giáo viên dạy văn, tôi càng thấm thía hơn công việc lặng thầm đầy trách nhiệm của đội ngũ biên tập viên. Hàng ngày, bài vở đủ các thể loại, đủ các mảng để tài tới tấp gửi về, các anh chị đọc, phân loại, cân nhắc, trân trọng từng ý hay, lựa chọn để sử dụng. Bao nhiêu ý tưởng, bao nhiêu kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực cuộc sống đa dạng phong phú, các anh chị đều phải thẩm định, điều đó thật chẳng dễ dàng gì, vậy mà chất lượng tờ báo vẫn ngày một tốt hơn. Tôi đã chứng kiến việc sửa bài, gọt dũa, điều chỉnh làm cho bài thơ, bài văn trở nên hoàn mỹ hơn. Rõ ràng các anh chị đã phải trăn trở nhiều. Khi đọc lại những bài được đăng, không ít lần tôi giật mình trước sự sắc sảo tinh tế, trước sự lịch lãm của người biên tập. Trong một bài về tiềm năng du lịch, tôi đã viết "Trong tour du lịch về nguồn", "tour" được sửa thành "chương trình", xem lại tôi mới thấy mình viết thừa mà vẫn thiếu (tour có

nghĩa là du lịch), từ “chương trình” đã bao quát chính xác điều tôi muốn nói. Hay trong một bài tản văn về hoa ban Tây Bắc, tôi viết “ơ loài hoa bình dị” đã được sửa “ơ ban, loài hoa bình dị”, đọc lại câu văn tôi thấy thêm một từ “ban” làm tiếng gọi tha thiết, trù mẩn hơn hẳn. Có lần tôi viết “Dù ta mới hoa niên hay trung niên” được sửa là “Dù ta tóc còn xanh hay mái đầu đã bạc” khiến tôi hiểu thêm báo chí có tính đại chúng, nên những từ có tính hàn lâm hoặc từ Hán Việt có thể khó hiểu, nên dùng từ thuần Việt thay thế, việc thay thế trên còn làm câu văn giàu hình ảnh góp phần gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt. Tôi rất phục.

Có một người bạn viết thường làm thơ đăng báo, nhiều lần anh khoe biên tập viên đã gọt dưa tạo ra những hiệu quả nghệ thuật bất ngờ, có khi chỉ sửa một từ như câu:

“Con mưa rào đêm qua

Núi biếc xanh mái tóc...” được sửa là *“Con mưa nào đêm qua”*.

“Mưa rào” cụ thể và thiếu sức gợi cảm. “Con mưa nào” có tính phiếm chỉ nhưng chở đầy tâm trạng có gì da diết lắm, anh rất tâm đắc và rất biết ơn. Đến câu lục bát:

“Hồng Hà ơi có biết không

Mỗi hạt vàng có dòng sông trong mình”.

Câu bát được sửa là: “Mỗi hạt vàng có hồn sông trong mình” thay từ “dòng” thành “hồn” thế là ý thơ được nâng lên một bậc. “Dòng sông” mới là thể xác, “hồn sông” mới là sức sống, tinh thần của sự vật. Mỗi hạt lúa đều có vị phù sa nhưng còn cao hơn thế, gợi

một cái gì thiêng liêng của một đất nước có nền văn minh lúa nước lâu đời. Tôi phải công nhận với anh bạn là người sửa rất tinh đời đã khiến cho câu thơ có một không gian thơ đa chiều.

Không thể kể hết những việc làm tương tự của các anh chị biên tập viên. Một năm là hơn 300 ngày, các anh chị như con ong cần mẫn gom góp bao mật ngọt. Một năm là bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, các anh chị như người làm vườn tỉ mỉ loại bỏ từng cây cỏ dại, cho hoa thơm trái ngọt khoe sắc hương. Một năm là 12 tháng, các anh chị gạn đục, khơi trong loại bỏ từng hạt sạn dù nhỏ... Cứ thế, như một vòng quay bất tận của sự tâm huyết và trách nhiệm với con người, với cuộc đời mà làm cho các trang báo ngày càng chất lượng hơn, hấp dẫn hơn. Đôi khi các anh chị còn điện thoại tới cộng tác viên trao đổi, đề xuất, tư vấn hoặc động viên góp ý với thái độ trân trọng và khiêm nhường cũng khiến người cầm bút phấn khởi và ý thức trách nhiệm hơn trước mỗi câu chữ mình viết.

Thế nhưng bạn đọc đâu có biết hết công lao của các anh chị. Mỗi khi người thưởng thức một bài văn đẹp, một áng thơ hay, một từ dùng đặc địa ai cũng nghĩ công lao lớn của tác giả. Vì vậy, khi nghĩ về các biên tập viên của báo, tôi thường nghĩ về những con người có trái tim nhạy cảm trong sáng, có ngòi bút tinh đời sắc sảo đầy trách nhiệm nhưng sự lịch lãm ấy dường như ẩn sau những trang báo. Một vẻ đẹp không dễ gì ai cũng nhận ra để mà trân trọng, ca ngợi và chiêm ngưỡng. ■



Giác hồn

CUNG TÍCH BIÊN

M ăng con người là “đồ súc vật” là ta xúc phạm con vật.

Con chó Bi nhà tôi nó già, hình như nó ung thư gan lâu ngày. Bi nằm liệt, bụng phình dần ra. Rồi qua đời hôm 27 tết, năm 2005. Hôm ấy đài khí tượng loan tin khí hậu miền Bắc rất lạnh. Có nơi không độ. Sapa tuyết rơi dày.

Đêm cuối cùng Bi gượng dậy, nó bước ra vườn. Đi quanh quanh. Như nhìn lần cuối những vì sao, cái bầu trời mà nó không được may mắn làm người.

Tôi ở vườn Cây Cau. Bật ngọn đèn cho khu vườn thêm ánh sáng. Bi đến ngồi cạnh tấm đan đúc bằng xi măng, hình tròn, trên đó một chậu hoa sứ trắng. Đó là ngôi mộ hai vợ chồng tôi lập của con chó Bô chết trước đó. Bô là em của Bi.

Hai năm trước, Bô bị bệnh. Vợ chồng tôi ẵm nó đến bệnh xá Gò Vấp. Bô được đặt lên bàn, cân đo trọng lượng, đo nhiệt độ, chích thuốc. Bệnh trạng được ghi cẩn thận vào sổ y bạ của Bô. Sổ y bạ này do tôi tự làm, có chụp tấm hình của Bô dán vào. Như sổ bệnh bệnh viện lập cho mỗi bệnh nhân.

Bô không vượt khỏi sổ mạng. Buổi chiều tôi ngồi uống trà, trò chuyện với bè bạn tại nhà họa sĩ Tr.Th.T. thì nhận được cuộc điện thoại. Vợ tôi bảo: “Bô nó đi rồi anh ơi”. Tôi lau nước mắt. Họa sĩ H.H.Th. hỏi người thân nào qua đời mà buồn lắm vậy. Tôi nói con chó Bô nhà tôi nó chuyển sang tử trần.

Bô, con chó lai Nhật. Nền quan quách không lớn lắm. Vợ tôi trải tấm vải đỏ, vốn lót cho Bô nằm khi bệnh, vào cái quách nhỏ. Bô vào cạnh Bô những món đồ chơi vẫn thường dành cho nó. Một cái bát nhựa nó vẫn thường ăn cơm. Một sợi dây xích vẫn thường xích cổ đi dạo chơi. Tôi nói: “Để cho Bô thoát kiếp, bỏ xích xiềng theo xác mần chi”.

Khuya. Vợ chồng tôi đào một cái huyệt chôn Bô trong vườn Cây Cau. Đây là khu Làng Hoa Gò Vấp. Quanh đây là bạt ngàn hoa đang nở. Trong ánh sáng mờ mờ có pha sương, Bi ngồi nhìn hai vợ chồng tôi chôn Bô, em nó. Mắt Bi buồn rười.

Có chắc là Bi không có mơ ước gì, không buồn, không tiếc nuối tình chia cắt với Bô?

Người xưa dạy rằng chỉ có con người mới có linh hồn, loài vật chỉ tới chỗ giác hồn.

Sao không nhắc nhở, rằng nhờ có linh hồn mà con người tiện bề lai rai cầm cố được linh hồn.

Sao chẳng thấy ra những giác hồn thanh thoát, trong veo. Như tiếng hót họa mi. Như cánh én. Như tiếng con chim khách chổ khóm tre bờ trúc bảo tin ta sắp có người tri kỷ tới thăm. Giác hồn kia biết trước ta một bước chân sẽ tới.

Hôm nay Bi của tôi mang giác hồn đi.

Hay Bi sẽ có một linh hồn quay về cõi thế mai kia, trong cách một con người.

Lúc trời rung rung sáng Bi vào nhà, nằm quay đầu về chỗ tôi ngồi đọc sách. Bi mệt và thờ dốc, muốn trút hơi.

Vợ tôi thấy cuộc tạ tử của con chó già thân thương – mà hằng ngày bà chăm sóc cho nó từng viên thuốc, chén cháo, từng bóng ẵm tắm rửa cho nó – sao mà nó thờ hắt ra lâu lâu quá, buồn quá. Vợ tôi bảo tôi:

“Anh dỗ dành Bi một cái đi anh. Nó tội quá”.

Tôi ngồi xuống, bế Bi lên, ôm Bi vào lòng. Người nó lạnh toát, có thoảng một mùi hơi của bệnh. Tôi vuốt ngực, nó thở liên hồi. Mặt trời đang lên đầu kia. Ánh sáng vàng lay chỗ hàng cau vườn nhà. Cẩn cổ Bi ứ giọt. Chứng như hơi hắt ra thì nhiều mà lực hít vào không còn nữa.

Tôi an ủi:

“Thôi Bi đi đi Bi ơi, thôi con thông dong Bi ơi”.

Rất lạ lùng, sau câu an ủi của tôi, Bi mềm người và tắt thở, nhẹ nhàng tử biệt. Nhưng rất lâu đôi mắt nó vẫn mở, vẫn nhìn mơ hoặc, như “chính cái kiếp trước nó là một con người, đến ngay giờ đây nó mới ngắc ngoải trong kiếp Bi”.

Thấy hai con mắt Bi mở hoài, như mong đợi một sự gì nữa ở tôi. Tôi rùng mình. Lại tự nghĩ: “Hay là mình cũng hòa mình trong cái chết của Bi đây”. Tôi bảo vợ tôi:

“Em vuốt mắt cho Bi một cái đi”.

Vợ tôi ôm Bi và vuốt mặt. Chao ôi, như một con người chờ đợi một kẻ thân yêu đang phiêu bạt đầu đó, phải quay về vuốt mặt mới chịu vĩnh viễn Ra Đi.

Bi từ từ nhắm mắt. Nắng cuối đông vàng tênh. ■



Đêm trăng phố núi hát với nhau

BÀNG DUONG

Đà Lạt không chỉ là mảnh “địa đàng” với núi non sông suối thông ngàn mà con người ở đây cũng khiến bạn phải ngạc nhiên cảm phục vì phong cách sống độc đáo và chiều sâu văn hóa mà không phải nơi nào cũng có được.

Nếu rừng thông, thác nước, núi đồi quyến rũ bao nhiêu dưới ánh sáng mặt trời ban ngày thì ban đêm, tất cả chìm trong bóng tối, cảnh vật lại buồn bấy nhiêu. Mọi người chỉ còn cách ra khu Hòa Bình dạo chợ đêm xem quần áo bán xôn trên vỉa hè, xem hàng trong các shop lưu niệm, uống ly sữa đậu nành... là mới chân về đi ngủ. Nhưng đến xứ mộng mơ lần này, buổi tối chưa biết đi đâu thì tôi may mắn được nhóm người quen rủ đi cà phê nhạc - không phải nhạc phát ra từ băng đĩa, bị giới sành điệu chê là thứ “đồ hộp” - mà là nghe nhạc sống do ca sĩ chuyên nghiệp và khách hàng cùng hát cho nhau nghe.

Người đưa chúng tôi đến quán cà phê hát với nhau là T., chừng ngoài bốn mươi, nữ chủ một nhà hàng hạng trung trên một con phố xép gần trung tâm, rất mê hát, đặc biệt là nhạc xưa, nhạc tiền chiến. Là thành viên ca đoàn nhà thờ Con Gà - T cho biết - cứ ai gợi ý đến ca hát là cô lại say sưa bàn về lãnh vực này như người nhập đồng. Trong bữa cơm trưa tại nhà hàng của bà chủ T., tình cờ khi nói chuyện, biết tôi không đam mê nhưng cũng rất thích nhạc, nhất là nhạc Trịnh Công Sơn từ những năm “đại bác ru đêm”, thế là T. nhiệt tình rủ cả nhóm buổi tối đi cà phê hát với nhau.

Hôm ấy lại đúng rằm tháng Hai âm lịch, trăng mười lăm chưa tròn lần mãn khai mà đã vắng vặc tỏa sáng trên bầu trời đêm không một gợn mây, tải ánh vàng khắp con đường ven hồ Xuân Hương mé đối Cù đang dập dìu người xe qua lại. Chỉ tiếc, hồ đã cạn trơ đáy đang phơi màu hoàng thổ dưới ánh vàng; tuy thế,

vẻ đẹp huyền diệu của vắng trăng đang ngự một khoảng trời mênh mông bên trên vẫn không bị giảm.

Xe đưa chúng tôi đến một con đèo vắng cách khá xa trung tâm, nơi có quán cà phê nhạc. Bên trong, quán mang cái vẻ của một rạp hát nhỏ có sàn diễn; một nhạc công đang dạo keyboard đợi khách và một nữ ca sĩ chính cũng “sem sem” ngũ thập tự giới thiệu nghệ danh của nàng là Khánh T., nhan sắc cũng tầm tầm nhưng duyên dáng và sắc sảo. Mà không sắc sảo làm sao có thể hát được nhạc xưa?... Tôi liên tưởng, có lẽ nàng đã đặt chữ đầu của nghệ danh là “Khánh” để giống như Khánh Ly bởi ca sĩ chuyên hát nhạc Trịnh Công Sơn số một này là dân Đà Lạt chính hiệu. Vai trò của ca sĩ thật quan trọng vì nếu không có tài diễn xướng của họ thì một bài hát cũng chỉ là một tờ giấy ghi những dòng ký âm cảm lạnh kèm những ca từ không ra văn cũng chẳng ra thơ, khó làm người ta cảm động.

Quán giờ này vẫn chưa đông khách mà chỉ mới có nhóm chúng tôi năm sáu người hiện diện nhưng Khánh T. đã nhiệt tình hát mấy bài liên tục và đã chinh phục người nghe hoàn toàn bởi giọng của cô quả thật là đẹp, có âm vang, và nhất là đã nhập được vào bài hát. Từng bông hồng được người nghe rút ra ở một bình hoa để sẵn trên bàn trà đem lên sàn diễn tặng ca sĩ. Khánh T. cảm động thật sự vì những tràng vỗ tay không ngớt. Khi cô hát sang bài thứ ba thì khách bắt đầu kéo vào rất đông đủ mọi lứa tuổi từ ông lão sáu mươi đến các bạn tuổi “teen”, khiến không khí trở nên sôi động hơn.

Bây giờ đến lượt khách hát với nhau. Thật ra, ở Sài Gòn hình thức này đã phổ biến từ lâu nhưng chỉ phát triển ở những quán nhậu với các “bộm” sau khi đã “sương sương”, tưởng mình hát hay như ca sĩ, khoe giọng ba bốn bài liền không nhường micro cho người khác... Trong nhóm mới vô, một lão ông tiên phong

bước lên sân diễn trong tiếng vỗ tay rào rào cổ động của con cháu bên dưới. Ông này chưa hát ngay mà cầm micro đi lại phía chàn nhạc công keyboard để chọn gam cho vừa với cao độ giọng của mình, trông thật sành điệu. Rồi ông say sưa cất tiếng: *"vai em gầy guộc nhỏ, như cánh vạc về chốn xa xôi"*... nghe như những câu thơ trong hầu hết các bài hát về tình yêu đôi lứa của Trịnh Công Sơn, vốn là nét khác biệt giữa tình khúc của ông với các nhạc sĩ khác bởi sự mê đắm nhưng thoát tục. Điều này mới nghe thì tưởng mâu thuẫn nhưng đối với Trịnh Công Sơn, ái tình đã được nâng lên vị trí thiêng liêng như một tôn giáo, là cách ông thể hiện lòng yêu thương và quý trọng con người, nhất là người mình yêu... Lão ca sĩ vừa dứt lời thì những tràng vỗ tay lại nổi lên như bong bóng nổ giờ khai tiệc cưới. Rồi khi tiếng hát của lão ca sĩ lại vang lên: *"Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng. Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào nguyên..."* thì tất cả lặng im tưởng tượng mình cũng đang lạc vào cõi thiên thai như các nhân vật huyền thoại trong bài hát...

Sau đó thì T. lên sân diễn. Có lẽ người nhạc công đã quá quen với giọng của cô nên chỉ sau khúc dạo đầu, câu hát *"Trời buông gió và mây về ngang trên lưng đèo..."* đã ngân vút lên giữa sự im lặng của cả thính phòng. Trước khi đi, người bạn của T. trong nhóm đã khoe với tôi về giọng của cô nhưng vốn "khó tính", tôi chưa thể tin ngay mà chỉ gật đầu xã giao. Nhưng giờ này, chỉ mới nghe câu đầu tiên T. cất lên tôi phải thừa nhận: quả là "danh bất hư truyền". Giọng của T. nhẹ nhàng như cánh hạc vỗ trên tán thông suối Vàng hoang vắng, trên Lang Biang với vơi mây ngàn... Rồi T. lại quay về với thân phận con người trong đời thường: *"Ôi phù du, từng tuổi xuân đã già... đời người như gió qua..."*, hình ảnh cuộc chiến tàn khốc nhất lịch sử dân tộc dài đằng đẵng tiếng *"đại bác qua đây đánh thức mẹ dậy..."*, tình mẫu tử thời đạn bom *"Đứa con của mẹ ra đời. Trên môi vang vọng một lời đau thương. Hai mươi năm... đàn con khôn lớn ra ngoài chiến trường..."* cứ nối tiếp nhau làm ngất ngây cả thính phòng. Hẳn nào, người Nhật đã tặng danh hiệu "đĩa vàng" cho bài hát này. Những ca khúc vừa dứt thì tiếng vỗ tay lại vang lên cùng với những tiếng "bis!", "bis!"... nhưng T. chỉ cúi đầu cảm ơn rồi đi xuống hàng ghế khán giả. Từ trước đến giờ, tôi cứ "đóng đinh" một ý nghĩ: chẳng ai có thể hát được nhạc của Trịnh Công Sơn ngoài Khánh Ly. Nhưng giờ phút này sau khi nghe Khánh T., rồi T., tôi đã không còn định kiến. Có lẽ, ngoài những chuẩn mực hàn lâm, mỗi người lại có một "giọng văn" rất riêng kết hợp sự xúc cảm sâu sắc, tinh tế đã thăng hoa thành những âm điệu có sức chinh phục người nghe.

Sau màn trình diễn, T. vừa về chỗ ngồi thì nhiều bạn trẻ đã đến xin ngồi cạnh cô để hỏi chuyện. Tôi theo dõi những trao đổi giữa họ và phát hiện những điều bất

ngờ khác. Một cô giới thiệu là sinh viên nói: "Em không những thích nhạc Trịnh Công Sơn mà còn thích cả nhạc tiền chiến của Đoàn Chuẩn, Hoàng Dương, Nguyễn Văn Tý, Hoàng Trọng v.v. nữa chị à...". H. trả lời: "Chị cũng thích nhạc tiền chiến, nhưng... các nhạc sĩ em vừa nêu là "đương chiến" chứ không phải tiền chiến! (cười). Nhạc tiền chiến là chỉ những bài hát, bản nhạc được sáng tác trước chiến tranh Việt Pháp 1946. Các nhạc sĩ em vừa nêu viết nhạc trong thời kỳ chiến tranh, tức sau năm 1946. "Thế các nhạc sĩ tiền chiến là những ai hả chị?" - Cô sinh viên hỏi tiếp. T. suy nghĩ một lát rồi nói: "Ồi, để chị nhớ đã. Các nhạc sĩ tiền chiến phải kể đến là các vị: Nguyễn Văn Tuyên với *Bông cúc vàng*; Lê Yên với *Bê bàng...*; Nguyễn Xuân Khoát với *Bình minh...*; Đặng Thế Phong với *Đêm thu, Con thuyền không bến, Giọt mưa thu...*; Thẩm Oánh với *Xuân về, Trưng Nữ vương, Thích Ca Mâu Ni Phật*; Văn Cao với *Suối mơ, Thiên thai, Buồn tàn thu, Bến xuân...*; Lê Thương với *Hòn Vọng phu*; Nguyễn Văn Thương với *Đêm đông...*; và Phạm Duy với *Cô hái mơ, Cây đàn bỏ quên, Gươm tráng sỹ...*, nhưng ông này chỉ thật sự thành công từ giai đoạn "đương chiến" trở đi; và còn nhiều vị nữa mà tôi không nhớ nổi. Vậy, các bài hát của các nhạc sĩ "đương chiến" thì gọi là gì hả chị? Sao em cảm thấy nghe có khác gì nhạc tiền chiến đâu? Và làm sao phân biệt được nhạc tiền chiến với nhạc về sau chứ? - Cô sinh viên hỏi tiếp. T. "Thôi thì mình cứ nhớ cái mốc từ 1946 đến 1954 ở miền Bắc và đến 1975 ở miền Nam. Theo chị nghĩ thì các ông Phạm Duy, Hoàng Quý, Nguyễn Văn Tý, Đoàn Chuẩn - Từ Linh, Hoàng Trọng, Hoàng Giác, Trần Hoàn, Lê Mộng Nguyên sau này v.v., là sáng tác theo phong cách tiền chiến. Một bạn nam trong nhóm sinh viên chen vào: "Làm sao phân biệt được nhạc tiền chiến với nhạc theo phong cách tiền chiến sau này hả chị? T. trả lời ngay: "Có chứ! Về âm nhạc, bài hát tiền chiến các cụ thường sử dụng ngũ âm, tức thang âm năm nốt truyền thống. Về ca từ, lời hát rất giàu hình ảnh nhưng còn vằng vặc cổ thi hoặc đã bắt đầu ảnh hưởng của "thơ mới" nhưng cũng chỉ dám mượn hình ảnh thiên nhiên để ví von ẩn dụ cho tình yêu nam nữ chứ không dám "anh", "em" thẳng tuột như dòng nhạc sau này hoặc có khi thô thiển, trắng trợn, thậm chí tục tằn như lời của một số bài hát trên thị trường ca nhạc ngày nay...". Khác với giai đoạn tiền chiến, dòng nhạc từ "đương chiến" trở về sau đã sử dụng thang âm bảy nốt đa dạng hơn. Lời bài hát bạo dạn, nói thẳng vào cái tôi tình ái, "anh" và "em" chứ không còn "vòng vo tam quốc" như xưa...

Nghe T. nói chuyện với sinh viên, tôi trở mắt ngạc nhiên như đang nghe một nhà nghiên cứu thực thụ nói chuyện về những điều mà chính tôi còn "tơ lơ mơ" và thường nói hoặc viết trật lất. Mà nàng chẳng phải giáo sư hoặc nhà nghiên cứu mà chỉ là một chủ nhà hàng mê ca hát ở một tỉnh lẻ như Đà Lạt. Trường hợp này khiến tôi bỗng nhớ lại hồi 2005, có lần cùng đoàn



Ảnh: Bá Hạnh

điện ảnh xuất phát từ cố đô Huế vào thăm Thánh địa Mỹ Sơn. Sau khi tham quan xong các tháp Chăm, mọi người ghé vào ngồi nghỉ uống nước trong một quán nhỏ tạm bợ ven đường thì không biết một nhà điện ảnh kỳ cựu nào trong đoàn đã nói về một vấn đề liên quan đến sinh thực khí linga hay yony gì đó trong các tháp Chăm, tôi không nghe được rõ vì không để ý. Ngay lập tức, người đàn ông bán quán trạc ngũ thập ăn vận tuấn toàng, lam lũ nghe thấy liền lên tiếng phản bác ngay lập tức bằng những lập luận sắc bén, khoa học. Sau khi “bắt lỗi” nhà điện ảnh của chúng tôi về chi tiết sai ấy, người đàn ông thao thao bất tuyệt như một “thuyết thoại nhân” thời xưa giảng giải một lèo gằn cả tiếng đồng hồ về nguồn gốc tháp Chăm và những ngẫu tượng liên quan trước sự ngạc nhiên của cả đoàn, trong đó, không ít những “cổ thụ văn hóa”. Tất nhiên, vị sếp đáng kính của tôi lúc này đành chết đứng như Từ Hải, chỉ còn biết dựa cột mà nghe... Trên đường về, tôi thấy phát ngượng cho sếp và cho chính mình. Nhưng tôi lại tự an ủi rằng việc gì phải ngượng? Rõ ràng mình đã được gặp thấy, được một bài học, mà cái sự học thì chỉ đến khi nhắm mắt xuôi tay mới chấm dứt. Trong thiên hạ có thiếu gì người giỏi, chỉ tiếc họ không được ngồi hoặc có người vì thời thế mà không muốn ngồi ở những vị trí đó thôi.

Trở về thực tại, tôi thấm biết ơn T., người chủ nhà hàng bình thường nhưng đã cho tôi hiểu rất nhiều về những điều đáng ra mình phải biết từ lâu, nhất là niềm say mê nghệ thuật. Hơn nữa, Đà Lạt vốn là đất sĩ phu, người như T. không ít.

Ngồi trên xe, tôi mới có dịp hỏi thêm T. làm sao cô lại biết nhiều kiến thức về âm nhạc như vậy? T. nói: “Có gì đâu! Tại nhiều người, kể các các vị làm chương trình, album, tuyển tập nhạc v.v. cứ thấy bài hát nào

cũ cũ là đặt cho danh xưng “tiền chiến”, khiến em sinh nghi mà tìm hiểu cho ra lẽ bằng cách đi hỏi, đọc sách, tìm tài liệu, tra cứu trên internet, tự so sánh và rút ra những đặc điểm rồi định nghĩa”.

Xe vừa đậu trước cửa, T. mời chúng tôi lên phòng ngồi uống nước và mời chúng tôi ở lại hát karaoke đến sáng mới cho về. Chúng tôi từ chối vì đã khuya, về nghỉ để ngày mai phải đi công việc thì T. nói đã lên chương trình trước rồi, ai về T. giận. Bất khả từ vì sự nhiệt tình của gia chủ, chúng tôi theo T. lên phòng karaoke. Trong phòng, khắp tường đều treo tranh sơn dầu vẽ phỏng theo các bức ảnh của Trịnh Công Sơn, Văn Cao, Phạm Duy... Khách trầm trồ khen tranh đẹp thì T. tự hào khoe con trai cô đang theo học thiết kế nội thất về...

Nhạc trời lên, khi một anh trong nhóm cầm micro cất lên câu “*Ai lướt đi ngoài sương gió...*”, tôi liền hỏi T. trước đây có học nghề gì không thì cô trả lời thản nhiên: “Em tốt nghiệp học bách khoa điện tử”. “Thế mà T. không làm ở đâu à? - Tôi hỏi. “Em có làm được vài năm nhưng không thích nghi nổi với cơ quan nên xin thôi việc...”. “Hửn nào!” - tôi nghĩ - “dàn âm thanh quá xịn... Thật là người đa năng...”.

Rồi T. bỗng dưng chiêu nói xen lẫn với lời bài hát đang phát trên dàn loa âm thanh vòm 4.1 hiện đại của cô: “Chiều nay vào mạng thấy video clip quay cảnh nhiều người vào viếng mộ ông Trịnh Công Sơn ở nghĩa trang Gò Dưa dưới thành phố. Họ còn ngồi cạnh mộ ông đàn hát và nhậu nữa chứ! Thật, em thấy chưa có nhạc sĩ nào được như ông ấy...”.

Nghe T., tôi không thể nói gì hơn mà chỉ gật đầu. Một nhạc sĩ có đến hàng trăm bài báo, hàng chục cuốn sách và nhiều luận văn tiến sĩ, thạc sĩ của cả người Việt lẫn người ngoại quốc nghiên cứu về cuộc đời và âm nhạc ông thì quả là hiện tượng xưa nay hiếm! ■

Phượng Hiền Hiền Hóa

TRẦN QUÊ HƯƠNG

Tưởng niệm nhà báo Kỳ Phương

KỶ vĩ một đời với núi sông
KỶ đôi mươi lập chí tang bồng
KỶ quê hương gặp thời chinh chiến
KỶ chí anh hùng quyết lập công

PHƯỢNG Bắc thanh niên dâng trọn vẹn
PHƯỢNG trời đất mẹ nối cha ông
PHƯỢNG truyền thông khơi nguồn tin tức
PHƯỢNG bút ngòi lên ý tổ tông

Mười năm, hai mươi năm chung sức
Làng báo Việt Nam cách mạng lên
Tâm huyết nhân dân hòa máu lệ
Dệt thành trang sử thắm thiêng liêng

Ngày độc lập - hòa bình tổ quốc
Trở về Nam thành phố thân yêu
Tin Sáng, Sài Gòn rồi Giác Ngộ
Hừng hực con tim... lửa sớm chiều

Bút pháp từ hòa quyện núi sông
Tình yêu dân tộc, giống Tiên Rồng
Sáu mươi năm đêm dài thức trắng
Chí nguyện lời văn kết nỗi lòng.

Phượng hòa bình tiếp tục dựng xây
Phượng tim can còn nấu nung này
Ước mong quê mẹ thêm tươi đẹp
Ôm ấp niềm mơ với tháng ngày

Bảy mươi, tám mươi, rồi chín mươi
Tư tưởng hiện sinh thấp sáng ngời
Ngòi bút ngày xưa thêm nét mới
Từ bi nhân nghĩa đẹp tâm người

Ôi! Tâm huyết một đời âm vọng mãi
Phượng hiền hiền hóa đóa sen tươi.

Miền quê

NGUYỄN CÁT CHUYỂN

Con sông tắm mát tuổi thơ
Làng phù sa giờ hóa phố
Quan họ đâu bóng con đò
Cánh diều bay no bến gió.

Cười vang bao lớp bụi mù
Xóm làng vòng quanh chợ búa
Gió vô tình vẫn thổi hoài
Mà nề nếp xưa chưa cũ.

Làng quê tạc vào nỗi nhớ
Cây đa, giếng nước, sân đình
Thung thăng đàn trâu gặm cỏ
Nắng cười những giọt lung linh.

Về nghe mùa xanh đậm thắm
Ngạt ngào cỏ nội, hương đồng
Em đi trong màu hoa cải
Niềm vui như ánh trăng rằm.

Trôi

Dòng sông nào cũng đêm ngày mãi miết
Chảy về đâu?
Rồi có lúc sẽ đến nơi
Dù lặng lẽ êm đềm hay ồn ào thao thiết
Đâu phải cầu mong, xui khiến... vẫn trôi.

Mọi vật sinh ra đều có thể
Cháy hết mình rực sáng một lần thôi
Tôi thầm nghĩ với đời mình như thế
Ai tắm hai lần trên dòng sông trôi.

Mùa cũng vậy, qua xuân rồi đến hạ
Em muện màng trôi về phía không tôi.

Trần trở tuổi đôi mươi

NGÔ SĨ TÚC

Nỗi nhớ nào sẽ dang xé hôm nay
Nơi con người chịu kiếp lưu đầy...
Sẽ là bóng tối
Những linh hồn hướng nội
Có tìm được giải thoát hay chăng?

Những bãi bờ thừa thãi cuốn phăng
Theo cơn sóng bạc ra tận cùng sâu thẳm
Đại dương mênh mông lắm
Có chứa được vô vàn nỗi đắng cay
Khởi lên từ đất tù đầy
Con người lặn giữa chua cay bụi trần.

Hãy cho tôi tìm lại chút mưa xuân
Gột rửa những bụi nhơ từ mùa đông năm
ngoái
Xóa tan đi những phiền ưu vạn đại
Cho thanh tân những giấc mơ ái ngại
Chỉ vì ai trẻ dạ non người.

Nghịem

HOÀNG VŨ THUẬT

mấy vạn cánh chim đến được phương ấy
khoảng cách ngày và đêm
đủ nhận biết vũ trụ

mấy vạn bước chân đến được miền ấy
khoảng cách tối và sáng
đủ nhận biết thế giới.

mấy vạn lời nguyện đến được chốn ấy
khoảng cách bão tố và bình yên
đủ nhận biết nhân gian.

mấy vạn hơi thở đến được cõi ấy
khoảng cách yêu và giận
đủ nhận biết mình.



Chuyện kể về một chiếc thuyền bỏ không

LÊ THỊ CHÂN TỬ

Liêm đưa tôi men theo một con đường vạch ngang bãi cỏ xanh um, lần theo những bậc cấp bằng đá thoai thoải dẫn xuống bờ sông. Một con thuyền vẫn được buộc vào gốc sung, thân oằn, tán lòa xòa trên mặt nước. Anh nâng tấm liếp tre lên rồi nhảy vào lòng thuyền

với điệu bộ quen thuộc, sau đó ra hiệu bảo tôi xuống thuyền. Lòng thuyền trống không. Một tấm ván neo chặt vào vách, trên có đặt hai bát nhang một lớn một nhỏ. "Thuyền này thực ra không phải của tôi nhưng gắn chặt với câu chuyện mà tôi sẽ kể cho ông nghe, chuyện có liên quan đến tôi". Liêm nói rồi chui vào

khoang thuyền lấy ra hai chiếc ghế đầu bằng nhựa cứng đặt lên mũi ở phía lái thuyền, nơi được tán lá của cây sung che rợp. Tiếng sóng vỗ ò oạp đánh vào mạn thuyền và tiếng xào xạc của cành lá nghe như tiếng nhạc đệm cho câu chuyện mà Liêm kể.

“... Con sông này chia làng mình ra làm hai. Bãi cát bồi bên kia chỉ có dưa dại và xương rồng là thế giới của người chết. Bờ này là của người sống. Còn một thế giới chẳng phải bên này cũng chẳng phải bên kia là của gần năm chục hộ cư dân vạn đồ ở ngã ba sông từ các nơi khác lưu tán về đây. Lão Mến – chủ con thuyền này – là một trong số đó. Vợ lão mất đã lâu. Lão có hai con. Thằng con trai lão cùng với đám thanh niên trong làng rủ nhau vào Nam kiếm sống. Đi đã mấy năm, không về thăm lần nào, tin tức thỉnh thoảng mới có. Lão sống với đứa con gái tên Thương chắc cũng đã hai mươi”.

“Hình như chẳng có mối quan hệ nào giữa ông già gầy yếu hóm hèm với cô con gái đẹp lạ đẹp lung của lão. Con bé có nước da rám hồng, tóc hoe vàng của cư dân vùng sông nước. Lúc trước thì đó là khuyết điểm nhưng bây giờ hóa ra lại hợp thời. Đôi lông mày đen, hơi xếch. Mắt nâu màu hạt dẻ dưới làn mi dày và cong. Mũi hếch và khóe môi cong cong trông như mỉm cười. Vẻ mặt trẻ con, hồn nhiên trái ngược với thân hình nẩy nở toàn là những đường cong, nét lượn. Sức sống tràn trề căng bật ra dưới bộ quần áo cũ kĩ, bạc màu, đôi lúc gần cũn cốn. Chỉ có nắng, gió, sông nước ở cái ngã ba sông này hun đúc chứ nó thì được ăn uống tắm bố cái gì. Nó đẹp nhưng không biết mình đẹp. Cũng chẳng biết chăm chút như phần lớn các cô gái bây giờ. Nhưng lão Mến thì biết, có lẽ vì thế lão giữ riết con bé dưới thuyền, chẳng cho giao thiệp với ai. Ít thấy con bé lên bờ ngoài những lúc thay lão đi bán cá. Thỉnh thoảng mình gặp nó trên đường. Ở con bé toát ra một lực hút kì lạ. Thấy nó, con gái đồng lứa thì ghen tức, thanh niên không ngăn được tiếng huýt sáo trầm trồ, phụ nữ thì ưu tư, còn đàn ông lớn tuổi nhớ lại một thời trai trẻ. Nó chẳng hề biết điều ấy, rồi cá cặp ở tay, cứ thế lướt qua với những bước chân tràn đầy niềm vui, mắt nhìn thứ này, thứ kia thú vị, bỡ ngỡ như lần đầu mới gặp. Nó đẹp đến nỗi hoa lá cũng phải nao lòng...”.

Chẳng hiểu cô gái có vị trí như thế nào trong câu chuyện và trong tình cảm của Liêm mà anh ta lại kể với một ấn tượng sâu sắc đến như vậy. Tôi mỉm cười thú vị, quan sát bạn và nghĩ là sẽ được nghe một câu chuyện tình lâm ly. Liêm góa vợ đã 6 năm. Cũng đến lúc phải tái hôn. Ngoài 40 và 20. Ứ thì khoảng cách ấy cũng có xa thực đấy. Nhưng trong tình yêu thì tuổi tác có nghĩa gì? Một giáo sư tiến sĩ người Trung Quốc 86 tuổi có một cô vợ trẻ 26, đáng tuổi cháu, có sao đâu. Tuy nhiên, tôi không hề thấy sự phấn khích và niềm vui trên mặt Liêm. Giọng nói trầm buồn và ánh mắt xa vắng của anh khiến tôi dù tò mò vẫn không dám hỏi, chỉ im lặng kiên nhẫn lắng nghe.

“... Tôi phải nói thêm để ông biết qua về lão Mến. Lão là một trong những người nghèo nhất giữa đám dân vạn đồ ở ngã ba sông. Cả bán không được là bao, đầu đủ nuôi hai miệng ăn. Lão phải đi làm thuê, làm mướn trong làng. Có điều lúc nào cũng có việc vì người ta thích cái tính siêng năng, thật thà của lão. Lão không như người khác chực chờ chủ nhà không để ý mà lãn công. Lão làm đâu ra đó, moi móc công việc ra làm mà tiền công vẫn thế. Đến giờ ăn trưa giục vài lần mới nghỉ. Trời tối mịt mới ra về. Tôi cũng hay thuê lão làm việc này, việc nọ. Lão nghèo nhưng không ham tiền, mà cũng biết sĩ diện. Giỗ, Tết cũng biết đem cá biếu người quen. Nhờ có bị ốm mà nhận tiền trước thì cũng làm cho hết mới nhận tiền công lần khác. Lão sống theo chuẩn mực đạo đức trong cuốn *Quốc văn giáo khoa thư* đầu thế kỉ trước...”.

Liêm lại trầm ngâm. Đôi mắt buồn ngó mông ra dòng sông thoáng rộng... Rồi anh tiếp:

“... Chuyện đời nghĩ cũng lạ. Có những chuyện xa lắc, xa lơ dường như chẳng hề liên quan, lại chi phối nhau theo một quy luật bí mật nào đó đưa đến những kết quả thực bất ngờ... Bà cô không chống đang ở với mình, không bệnh hoạn gì hết, tự nhiên lên cơn đau tim bất tử rồi qua đời. Mình phải cặm cụi tự lo việc bếp núc. Trông thế chứ tỉ mỉ, phức tạp và mất thì giờ lắm ông ạ. Ăn uống thất thường mình gầy nhẳng. Thấy vậy lão Mến đề nghị cho con gái lão lên giúp việc nhà cho mình một thời gian. Ngày làm việc, chiều về. Tôi ngần ngừ, chưa nhận lời vì cũng thấy ngại. Cho dù nó đáng tuổi con, tuổi cháu, nhưng dù sao cũng là đàn ông góa vợ với gái lớn chưa chồng. Vả lại nó quá đẹp... Một bà già lớn tuổi có vẻ thích hợp hơn. Nhưng tìm đâu ra được. “Tôi biết ông là người nhân nghĩa thương người. Tôi tin ông. Miễn là lòng mình trong sáng. Sống ở trên đời làm sao tránh được điều nợ tiếng kia”. Một mối quá vì công việc, nghe giọng nói chắc nịch của lão, tôi không do dự nữa. Con bé thừa hưởng tính chăm chỉ, thật thà của bố nó. Có nó mình đỡ chân đỡ tay rất nhiều và vui lây với cái tính trẻ con, hồn nhiên của nó. Tưởng như êm xuôi... nhưng không phải thế... Sự việc bây giờ mới thật sự bắt đầu...”.

Liêm ngừng nói một chốc như để nhớ lại...

“... Những lời đồn đại râm ran... Những tiếng xì xầm to nhỏ... Nụ cười chế giễu và ánh mắt nhìn soi mói sau lưng... Tôi lơ mơ thấy điều gì đó nhưng chỉ khi ông chú bà thím kêu đến thì mọi việc mới vỡ lẽ. “Anh có lấy vợ lại thì cũng phải chọn người đồng trang, đồng lứa để nó đỡ đỡ cho mình, coi sóc nhà cửa, lo việc kỵ giỗ. Đàng này con bé ấy trẻ quá, chỉ đáng tuổi con tuổi cháu. Làm như thế làng nước người ta cười, không phải chỉ riêng mình anh mà cả dòng họ nữa...”. Đến đây bà thím mới điểm đậm chen vào: “Mình là người có học, con nhà gia thế...”

nó là dân vạn đồ... chú thím e rằng nó không thực lòng với anh... Sợ rằng cha con nhà ấy chỉ mưu mẹo bòn rút của anh mà thôi...". Tôi nghĩ đến lão Mến và con Thương mà tức thay cho họ. Cứ là dân vạn đồ thì chẳng có nhân nghĩa đạo đức hay sao? Nhưng tôi kìm lại được. Cái cớ liệu có ích chi. Họ cũng có cái lý của họ, không trách được. Tôi vâng dạ và hứa sẽ giải quyết việc này sớm sớm mà thôi".

Bỗng nhiên, thay vì kể tiếp câu chuyện, Liêm hỏi, "Ông có nhớ cái điểm canh đầu làng, gần chân cầu không nhỉ", rồi không chờ tôi trả lời, Liêm nói tiếp.

"... Nó cũng khá rộng, nhà thầu thi công cây cầu đã xây một cái lán cạnh đấy để tập kết vật liệu. Có một thủ kho và một người bảo vệ. Anh chàng bảo vệ tên Thái khoảng chừng 28, 30 gì đó. Người lực lưỡng, giọng Nam nhể nhại, lạ tai. Cách nói chuyện hóm hỉnh, có duyên, hơi có chút thô lỗ của dân cầu đường lẫn lóc từng trải. Anh ta có cả một kho truyện tiếu lâm để tạo tiếng cười và gây không khí thân thiện. Lại còn biết cách lấy lòng phụ nữ và cả người lớn. Thỉnh thoảng Thái qua nhà tôi xem thời sự và bóng đá. Chính tôi cũng thấy thích thích cái vẻ hoạt bát của anh chàng. Từ ngày có con Thương, mình thấy Thái năng qua nhà hơn, lần la trò chuyện, làm thân với con bé. Ban đầu, con Thương cũng có vẻ rụt rè, e ngại, về sau cũng quen dần. Có Thái sang chơi, con bé nấn ná ở lại chưa chịu về. Mỗi khi con Thương ra về, anh chàng ở nán lại dăm ba phút cho tự nhiên rồi ba chân bốn cẳng đuổi theo. Có một lần đi đâu đó về, tôi bắt gặp hai đứa trong bếp. Anh chàng đang kể chuyện, còn con bé cười, mắt tít lên, nét mặt rạng rỡ. Trông chúng có vẻ thân mật lắm. Những điều ấy chẳng qua được mắt mình nhưng tôi thấy vô hại, cái lẽ tự nhiên của thằng đàn ông khi thấy đứa con gái đẹp".

"Cây cầu sắp xong, chỉ còn hoàn tất những hạng mục phụ. Ngày đón nhận bằng "Chứng nhận di tích" cũng đã gần kề. Tôi được bổ sung vào ban truyền thống soạn thảo lịch sử cho làng. Bị cuốn vào công việc, chẳng mấy khi tôi ở nhà. Đùng một cái ông chú bà thím sai người kêu lại. Không biết có việc gì nữa đây, mình bần khoản tự hỏi. Lần này họ không thận trọng rào trước đón sau mà đi thẳng vào vấn đề. "Anh có biết không. Làng nước đồn um lên chuyện con Thương đi lại với thằng cha cầu đường tên Thái... Người ta bắt gặp tụi nó đêm hôm ở chân cầu, ở dưới bến... Rồi đến lúc bụng nó to lên, nó đổ vạ cho anh thì mất mặt... Khéo rồi lại nuôi ong tay áo...". Lần này trông ông bà giận dữ thực sự. Mình cũng ngạc nhiên và giận vì cảm thấy như bị cả hai đứa lừa dối. Sự thế đến mức như thế này thì phải giải quyết gấp thôi".

"... Lần ấy về, dẫn đo mãi, tôi kêu nó lên. Thấy nét mặt nghiêm trang khác thường của mình, con bé có vẻ sợ. Tôi thấy sao khó mở lời quá! Lấy tư cách gì đây, lại là đàn ông nữa, mở miệng làm sao với những

điều khó nói và tế nhị như thế. Dù sao cũng phải có trách nhiệm với ông già nó. "Cháu có... tình cảm với thằng Thái, phải không?". Nó không nói. Nhưng câu trả lời nằm ở khuôn ngực trẻ phập phồng lên xuống, ở gò má từ từ ửng đỏ, ở ánh mắt ngời ngời, ở nụ cười bên lên cố giấu niềm hạnh phúc tràn trề. Tên "Thái" như một nốt nhạc ngân nga làm khuôn mặt nó bừng sáng như một đóa hoa. Nó đã yêu. Không giấu được điều đó. Yêu bằng tình yêu bản năng thuần khiết của người đàn bà đầu tiên đối với người đàn ông đầu tiên trên trái đất. Không phân tích, lý luận. Vì thế, những từ "gốc gác không rõ ràng, lừa dối, để phòng, phận gái giữ mình" mà tôi cố gắng dùng lời lẽ diễn tả cho dễ hiểu, hoàn toàn chẳng có tác dụng gì cả. Tôi cảm thấy mình bất lực như một thầy giáo tồi trước một cô học trò nhỏ. Sự thế như thế này thôi cũng đành vậy. Tôi tự nhủ, lễ hội cũng gần kề, cây cầu cũng sắp khánh thành, đến lúc đó giải quyết cũng chưa muộn".

"Cây cầu được khánh thành cùng ngày với lúc làng được công nhận di tích "Làng cổ". Lễ hội tiến hành trong ba hôm. Cuộc sống bình lặng thường nhật được khuấy động. Ai nấy đều hồ hởi, mãn nguyện, nhất là ban tổ chức trong đó có tôi. Nhà thầu rút hết. Thái thuộc nhóm ra đi cuối cùng. Ngày anh chàng qua chào, mình thấy nhẹ nhõm. Chỉ cần tích cực kiếm người thay con Thương. Thế là xong. Đương nhiên con bé buồn ra mặt. Nó có giấu được điều gì. Mình nghĩ chỉ cần thời gian, mọi việc rồi sẽ qua hết. Ba ngày sau Thái ra đi, mới tờ mờ sáng, lão Mến hốt hải chạy lên nhà mình cho biết con Thương đã bỏ nhà trốn đi. Chao ôi! Cái điều mình không lường trước nay đã xảy ra. Mình đã chậm chân một bước. Còn nước còn tát, mình lấy xe đèo lão Mến đến mấy chỗ trong làng, lên phố, lòng sục ở bến tàu, bến xe suốt một ngày. Chẳng có dấu vết gì cả. Ông lão suy sụp hoàn toàn. "Tôi sẽ nhờ người bạn rao trên TV, báo cho công an biết. Chắc thế nào cũng tìm ra nó. Ông đừng lo". An ủi lão thế nhưng chính bản thân tôi cũng chẳng tin nổi lời mình nói ra. Tôi bảo lão đừng lo nhưng tôi lại lo điên người với hình ảnh con bé ngờ nghệch thế kia vào tuốt trong Nam hay ra tận cùng biên giới phía Bắc...".

"Ba ngày sau, vào lúc xâm xẩm tối, con Thương trở về. Trông nó phờ phạc, áo quần nhàu nhò bẩn thỉu. Mình mừng quá! Mình không dám hỏi điều gì. Có lẽ bây giờ chưa phải lúc. "Cháu ăn tối chưa?". Con bé lắc đầu. Nó ăn ngẫu nhiên một lúc hai bát mì không kịp thở. Dẫn đo mãi mình lựa lời: "Mấy ngày qua cháu đi đâu? Bố cháu lo lắm. Sao đi mà không nói".

- Cháu đi tìm anh Thái.

- Nó đi rồi biết đâu mà tìm. Nó có hẹn cháu không? Con bé lắc đầu. "Thế tiền đâu mà cháu đi được?".

- "Trước khi đi anh Thái có đưa cho cháu".

"Mình rửa thắm thằng đàn ông bất nhân nhưng ngoài mặt vẫn cố gắng bình tĩnh. "Cháu về được đây là

tốt rồi. Nghỉ ngơi một lát rồi về kéo bố cháu trông. Ông có la thì cũng ráng mà chịu nghe chưa?

- Dạ...

"Tôi đi lên nhà một lát rồi trở xuống, thấy con bé nằm ngủ trong bếp, đầu gối lên bọc áo quần, vẻ mệt mỏi vẫn còn đọng trên khuôn mặt. Không nỡ kêu nó, nhưng như thế này lỡ ai đến gặp cũng thật là bất tiện. Thêm cơ hội cho những kẻ ăn không ngồi rồi đơm đặt. Minh lay nó dậy và giục nó ra về. Con bé tấn gần một lát rồi ôm bọc áo quần lững thững đi ra ngõ. Ra khỏi quang sáng của ngọn đèn, cái dáng thất thểu của nó biến mất trong cái ngõ sâu hun hút đầy bóng tối. Minh thương nó quá nhưng chẳng biết làm sao".

"Bản thân về chuyện con bé, tôi thao thức mãi quá nửa đêm mới chợp được mắt. Đang mơ màng đã nghe tiếng đập cửa rầm rầm, tôi choàng tỉnh. Trời đã sáng. Cửa vừa mở đã thấy khuôn mặt hốt hoảng của bà thím ló vào. 'Con Thương chết rồi. Biết chưa?'

- Sao? Ở đâu? Làm sao mà chết?

- Chết đuối. Dưới bến Cửa.

"Khi tôi đến đó, con nít, người lớn bu đến, bu ò, lớp trong lớp ngoài. Lách vào được đến nơi, tôi không tin vào mắt mình nữa... Con bé vừa được vớt lên, người sưng nước. Trên nền cổ ướt đầm sương, mái tóc dài óng bung ra lòa xòa, khuôn mặt như sáp nặn, đôi mắt hé hé bình thản nhìn lên khoảng trời cao rộng tít tắp ở trên kia. Chưa bao giờ mình nhìn một cái chết trẻ thật gần đến như vậy. Đau thắt lòng nhưng mà đẹp. Cái đẹp của một 'cảnh thiên hương thoát gây'. Cái đẹp mong manh và vì mong manh cho nên đẹp, như giọt sương buổi sớm, như hoa quỳnh giữa đêm... Con bé đẹp lạ lùng ngay cả khi nó chết.

"Lão Mến được hai người đàn ông dìu hai bên. Thân hình run rẩy, đôi vai oằn xuống. Đôi mắt sâu hoắm, đục lờ của lão rảo hoành, phảng phất một nỗi buồn khổ tả. Sức chịu đựng của lão thật ghê người. Nghiến răng mà chịu. Bấm bụng mà chịu. Nước mắt của lão chảy ngược vào trong. Minh sợ rằng lão vỡ tim ra mất..."

"Con Thương là dân sông nước, làm sao chết đuối được. Nó lại vừa bỏ đi mấy ngày ai cũng biết. Án mạng chẳng? Thế là công an và pháp y vào cuộc. Tôi cũng bị gọi lên mấy lần để lấy lời khai. Cuối cùng cũng có kết luận. Nó chết vì ngạt thở với cái bào thai chưa đầy 3 tháng. Người làng phụ nhau lo đám tang giúp lão. Nghĩa tử, nghĩa tận mà, người mình vốn thế. Tuy vậy, vẫn không tránh được tiếng xì xầm. Cái bào thai ấy là của người đàn ông góa vợ hay của thằng thanh niên đầu giả? Ai mà biết được? Nhưng lần này lạ lắm cậu ạ, mình không hề bận tâm gì về điều ấy. Đám tang con bé xong, mình xoay xở cho ông lão tội nghiệp một suất trợ cấp 'người già neo đơn', không gì nhiều, chỉ đủ gạo ăn hằng tháng, còn mọi thứ khác tính sau.

Sau ngày con Thương chết, lão Mến không hề bước chân lên bờ. Lão thu mình lại với nỗi buồn. Thay cơm

bằng rượu. Lão gầy rạc chẳng còn ra hồn người. Đầu óc mụ mị, lẫn lộn giữa ngày và đêm, chuyện cũ và chuyện mới, nói năng lộn xộn không đầu không đuôi. Minh thấy bất lực chẳng biết làm gì để giúp đỡ ông già khốn khổ đó. Lão đau. Minh cũng đau. Có bao giờ ông đau vì thấy nỗi đau của người khác mà mình bất lực không thể nào san sẻ được không?

"Chưa đầy 3 tháng sau ngày con Thương mất, ông lão cũng đi theo luôn. Người ta tìm thấy lão chết lạnh trên thuyền... Lần này người ta nhận tin được cho thằng con trai lão. Hắn về đến khi người ta chôn cất ông già được 3 hôm. Gương mặt đen sạm, lăm lăm khó đoán. Nhưng cũng biết sắm sửa một mâm cau trầu rượu để tạ làng và cảm ơn mọi người. Nấn ná thêm 10 ngày để rao bán chiếc thuyền. Thuyền đã rách nát với 2 mạng người chưa đầy 3 tháng. Ai người ta mua. Cuối cùng mình ứng cho nó một món tiền lộ phí vào lại trong ấy và giữ lại chiếc thuyền. Ít ra hai cha con lão Mến phải có chỗ để đặt bát nhang chứ. Minh nghĩ đó là điều cuối cùng mình có thể làm cho họ".

Câu chuyện của Liêm chấm dứt trong cái lặng lẽ mênh mông của bờ bãi, trong tiếng gió thì thào... Tôi nhìn anh bạn của tôi. Đôi mắt Liêm thăm thẳm... "Giá như đêm ấy mình không sợ tiếng đời dị nghị, cho nó ngủ lại để nó bình tâm... hoặc ít ra mình bỏ chút thì giờ đưa nó về thuyền thì sự việc chắc không đến nỗi... Và nếu nó không lên giúp việc cho mình, có lẽ bây giờ nó vẫn còn sống...". Liêm nhìn tôi rồi nhìn ra mặt sông thoáng rộng, giọng chùng xuống như tự nói với mình". Những lời khen, chê, dị nghị tưởng không đầu nhưng sao lại có sức mạnh và sự tàn phá khủng khiếp đến như vậy. Nó ràng buộc và làm cho con người nhẵn tâm quay lưng trước nỗi đau của đồng loại".

Tôi nhìn qua nghĩa địa bên kia sông. Lão Mến và cô Thương ở đâu đó trong số những ngôi mộ nằm lặng lẽ trong bóng chiều... Chiều trên sông man mác... Lờ mờ khói sông... Mơ hồ đâu đó có tiếng gõ vào mạn thuyền đuổi cá. Tôi nghĩ đến cha con lão già khốn khổ. Tôi nghĩ đến những cư dân vạn đò trên những con thuyền neo đậu xúm xít ở ngã ba sông đằng kia. Chùng ấy con người chen chúc nhau trong những khoang thuyền cũ rách nát, chật hẹp chỉ vài mét vuông. Họ sinh ra ở đó. Lớn lên ở đó. Sinh con đẻ cái ở đó. Rồi cũng chết ở đó. Từ đời này sang đời khác. Chịu sự oi bức của ngày hè và cái lạnh lẽo, tối tăm của ngày đông. Họ chung đụng, vật lộn với đủ các thứ mùi: mùi cá tanh nồng, mùi ẩm mốc của quần áo cũ lâu ngày không giặt, mùi thức ăn thừa, mùi heo chó gà vịt. Tất cả quyện lại thành một thứ mùi: mùi của cay cực, tăm tối. Họ chẳng hề biết đến hạnh phúc và niềm vui. Họ chỉ có một khao khát: được lên bờ. Lão Mến và cô Thương cuối cùng cũng được toại nguyện. Họ cũng đã lên bờ. Nhưng không phải để sống. Mà để vùi nắm xương tàn trong lòng đất... ■



Đuông tình trong tiếng ban mai

TRẦN VĂN HẠC

Mỗi ban mai Hà Nội, khi bình minh ngưng lại giấy lát trên cầu Thê Húc rồi dịu dàng tỏa sáng trên mỗi con đường, mỗi góc phố, tôi như tan hòa trong những tiếng chim lành lốt chào ngày mới. Lòng tôi chợt dâng lên một cảm giác trong trẻo, lạc quan, yêu đời và khát vọng sống lạ kỳ. Vậy mà sao tôi vẫn bồn chồn, khắc khoải, day dứt như vẫn thiếu một cái gì rất đổi thân thương, gần bó; chẳng khác nào một mình xa quê giữa chốn phồn hoa, chợt da diết nhớ về quê hương yêu dấu, nơi có người mẹ hiền nắng mưa tần tảo, người cha nghiêm nghị nhưng độ lượng bao dung, người vợ dịu hiền thủy chung chờ đợi... và tiếng chim xanh ngắt giữa đại ngàn hòa cùng mây trời gió núi...

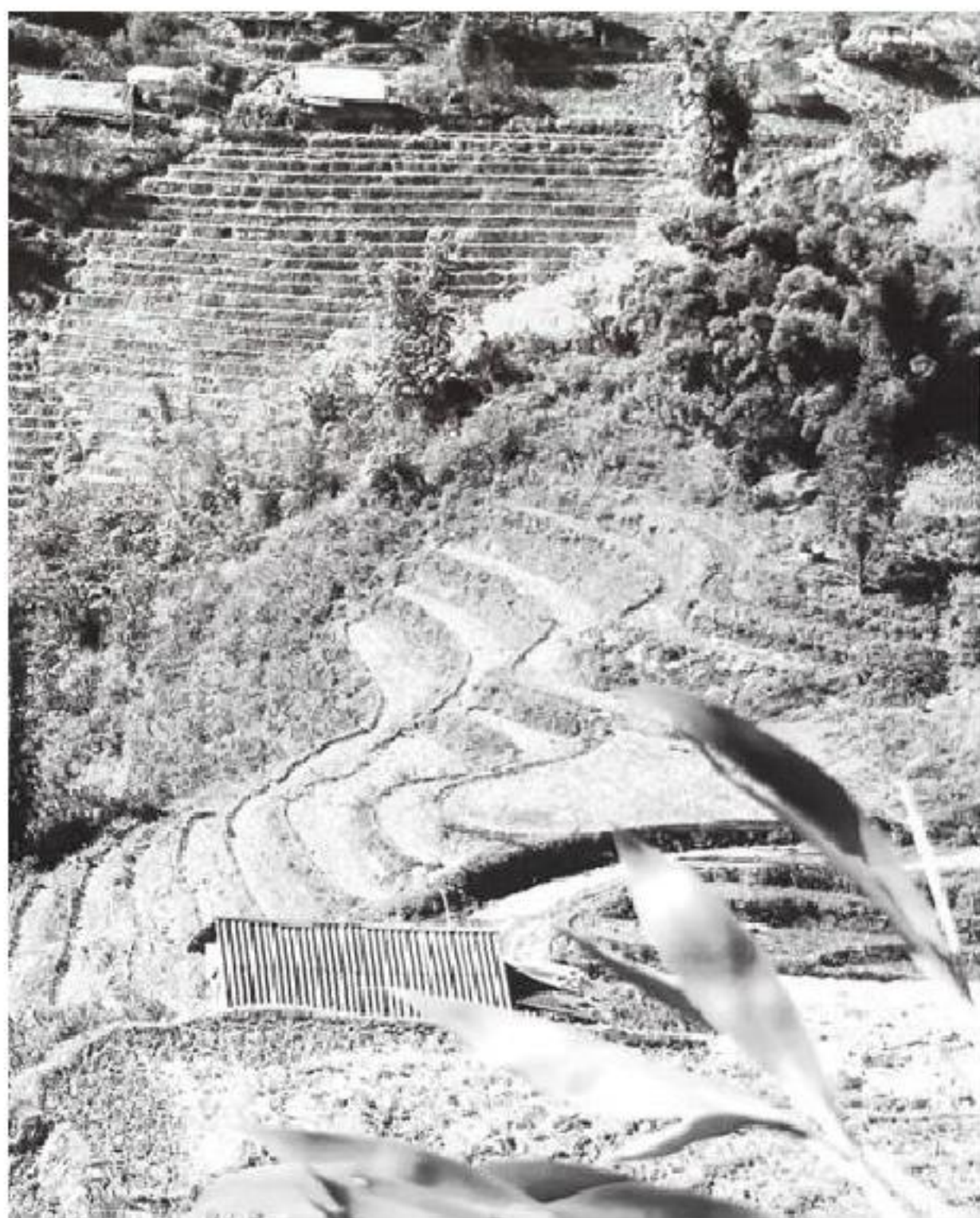
Tây Bắc gần bó với tôi mấy chục năm trời: Yên Bái, Sơn La, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên... Những con sông Hồng, sông Lô, sông Đà, sông Chảy... những con suối Thia, suối Tiên, suối Mơ, Nậm Na, Nậm Rốm... chở đầy lịch sử và huyền thoại, lúc dịu dàng như áng mây đầu

núi, lúc như chú ngựa bất kham tung vó chốn thảo nguyên. Những cánh rừng huyền bí miền man bất tận, hồi hồi một sức sống diệu kỳ. Những con đèo quanh co uốn lượn ù ù gió hú đẩy những bất ngờ thích thú.

Đây đó những ngôi nhà sàn ấm áp khói lam, thấp thoáng bóng ai dịu dàng sắc chàm, tay búp măng rừng gọi lúa lên xanh, gọi ngô mẩy hạt, giục bông hóa thân thành muôn sắc màu thổ cẩm lung linh như bảy sắc cầu vồng, rồi nồng say trong vòng xòe rực lửa... Và mỗi bình minh, cao vút những bản hòa tấu của các nhạc sĩ thiên nhiên thiên tài: những tiếng chim ngân rung tinh tế thánh thiện, đem lại sự giao hòa của đất trời và tình người, huyền diệu, say đắm, và mê hoặc đến nao lòng.

Cái kỳ thú đến ảo diệu của những tiếng chim rừng Tây Bắc chính là cái quyền lực và ma lực vô hình tưởng như bất tận, đem lại một nguồn năng lượng mới, giục giã thôi thúc vạn vật khát sống, khát tìm tòi khám phá vươn lên không bao giờ cạn.

Khi vạn vật còn đắm mình trong giấc ngủ sương giá,



chợt giật mình e không bắt kịp vòng xoay của tạo hóa, lũ chim rừng đâu còn như ngái ngủ đã vội vàng vươn vai cất lên bản hòa tấu của đại ngàn hòa cùng vòng quay minh triết của vũ trụ.

Những tiếng chim rừng như mũi tên rời dây nã của một xạ thủ kỳ tài xuyên qua tĩnh lặng, đánh thức muôn loài. Muôn hạt mầm và những lá xanh non thoáng chút ngớ ngàng xòe đôi mắt biếc, rì rào gọi nhau vươn cành xanh tán. Những hạt sương trong vắt, tinh khôi, bỗng hồng tươi, ngời lên roi rói như chuỗi vòng của tiên nữ mãi vui trong khúc nghệ thường, rơi xuống trần gian. Các bản Mường còn chìm trong sương bỗng rộn vang tiếng nói, tiếng cười, tiếng các thiếu nữ gọi nhau ra suối lấy nước, chuẩn bị ra ruộng, lên nương. Tiếng chày cối nước thậm thình như nhịp trái tim của suối. Tiếng mõ trâu đàn lốc cốc ấm cúng. Tiếng chú gà trống gáy vang gọi mặt trời đẩy quyền uy. Tiếng gà mái cục tác nháy ỏ. Tiếng mèo kêu nũng nịu. Tiếng chó sủa thân thuộc...

Trên cái nền trắng lè của ngàn xanh cùng mây trời gió núi và nhịp sống sớm mai ấy, vút lên những tiếng chim đầy sinh lực, với những giai điệu hào hoa, tuyệt vời đầy chất ngẫu hứng được bàn tay tài tình của vị thần âm nhạc vô hình điều khiển.

Mỗi giọng ca đều là tuyệt tác của tạo hóa, hài hòa cộng hưởng, thăng hoa đến tuyệt đỉnh trong dàn đại hợp xướng. Tiếng trầm như tiếng sấm mùa xuân. Tiếng thanh như gió reo, lá hát, như tiếng khèn xuân cất cao những cung bậc bất tận của tình yêu. Có âm thanh du dương, khi khoan thai nhẹ nhàng như cánh bướm đập dờn trong vũ điệu giao duyên, lúc réo rắt sang trọng kiêu kỳ. Có tiếng thì trầm như dòng nước mang trong mình bao tâm sự, như lời của đôi bạn tri âm tri kỷ. Lúc

ríu rần như bầy trẻ nhỏ vô tư, hồn nhiên trong khúc đồng dao trong sáng. Khi rộn ràng hùng tráng như tiếng kèn xung trận, mạnh mẽ như nhịp cổng chiêng ngày hội, như những bước xòe nổng say gọi lúa lên xanh, ủ hồng bếp lửa mùa hạnh phúc. Lúc thốn thức, day dứt như nỗi nhớ người thương khi gió lạnh về. Khi như lời duyên e ấp của đôi người yêu nhau hẹn ngày xây tổ; lúc như khăn cầu chân thành, đắm đuối trước hân hoan niềm hạnh phúc ngập tràn. Có lúc ấm áp như nắng xuân hồng gọi cây đời xanh mãi. Có khi chợt lặng đi như lắng chút suy tư trải nghiệm, bi tráng, rồi chợt vút cao lãnh lút tiếng vĩ cầm réo rắt ngân một khát vọng xanh. Lúc mong manh tơ mảnh, như một lời nhắc nhở phải biết trân trọng nâng niu những gì đã có... Có lúc cả dàn nhạc say mê trong khúc ca trào, lúc lại lặng đi nhường cho giọng ca tuyệt vời của giọng opera linh xướng. Bầy chim thi nhau trở tuyệt kỹ trước bình minh, kể cho nhau bao câu chuyện buồn vui của những tháng ngày trong hành trình nhân thế, trao nhau muôn lời yêu.

Trong tiếng chim rừng Tây Bắc như có ánh ban mai tràn ngập núi rừng, sáng trên ngọn cỏ biếc, ngời trên sóng bạc, nâng áng mây hồng e ấp đầu non. Có ngọn gió thơm trên áng tóc mây như làn rêu suối. Có những tà áo chàm thấp thoáng, nếp váy thổ cẩm đong đưa, mặm mòi thương nhớ. Có bóng ô hồng tình nghịch nghiêng chao. Có tiếng đàn môi, kèn lá thắm thì tình tứ. Có nụ cười hàm tiếu hoa ban. Có dáng mẹ áo bạc màu yêu thương trần trụi. Ấm áp ánh vàng ruộng bậc thang dập rờn sóng nhạc mùa no ấm. Có tiếng gió reo vi vút đầu non. Có tiếng róc rách của những dòng suối hát. Có tiếng thác đổ ấm vang... Tất cả hòa quyện vào nhau, hài hòa cộng sinh trong sự sinh tồn và phát triển của tạo hóa.

Đã bao lần được thả hồn trong tiếng chim rừng tuyệt diệu của ngàn xanh Tây Bắc, vậy mà lần nào trong tôi cũng tràn ngập một cảm giác lạ lẫm, nguyên sơ; chẳng khác nào tuổi hoa niên, một sáng mùa xuân, chợt nhận ra giữa ánh mắt trong veo của cô bạn gái tóc đuôi gà những tia sáng bồi hồi, run rẩy, như một dòng điện nhẹ lan tới từng tế bào cơ thể, thấp lên ngọn lửa tình yêu trình trắng đầu đời. Tiếng chim như nối đất với trời, như sợi tơ hồng se bao duyên thắm, đánh thức vạn vật, đơm hoa kết trái dưới ánh mặt trời.

Ồi! Có bản nhạc nào tài hoa, diệu kỳ, bắt tử đến say lòng như thế! Tiếng chim như những giai điệu thần tiên, đánh thức những hạt mầm tốt đẹp trong ta, để rồi ta chợt nhận ra: Cuộc sống vốn tươi đẹp biết nhường nào, chỉ có điều ta có biết trân trọng nâng niu và phần thưởng vì một ngày mai tươi sáng hơn hay không? Tiếng chim như hòa vào máu thịt, làm ta thêm quý trọng sự hiện hữu của chính ta trên đời, để rồi trong buổi sáng tinh sương này, ta nhủ thầm một câu hỏi lớn: *Ta đang sống hay ta chỉ tồn tại như chiếc bóng lơ mơ?* ■

Hồn đảo

THANH HÀ

Cúng tôi đến Côn Đảo đầu giờ chiều một ngày Chủ nhật giữa tháng Tư. Sau nỗi náo náo lúc khi nhìn từ máy bay xuống mặt biển xanh trong với hai bờ cát trắng tuyệt đẹp dọc hai bên bãi đáp, chúng tôi ra xe đi về phía trung tâm huyện đảo, dừng lại tại nơi nghỉ lưng mỗi ngày ở căn nhà khách mọc lên đầu tiên tại đây.

Ô trời, những cánh bướm màu cam đẹp quá! Chúng đậu chi chít trên những nhánh cây bàng đứng gần nhau dọc hai bên đường. Những cánh bướm giống những điểm nhấn long lanh màu sắc trên nền của núi rừng nâu chàm và biển xanh Côn Đảo. Tôi ngẩn ngơ! Sao những chiếc lá bàng này lại *cam* cái *màu cam* đẹp như cánh bướm thế kia? Hay chúng đang mở hội mừng nhóm tôi ra đảo, một nhóm sáu con người ngô nghê háo hức, muốn tạm biệt đất Sài Gòn một chút để ra đây hít một ít khí biển và để cùng ngân ca bài hát về chị Sáu bên mộ chị ở Nghĩa trang Hàng Dương... Tôi ngắm hết đám bướm này đến đám bướm kia đầy ngưỡng mộ, lòng thắc mắc sao những cây bàng trong Sài Gòn chẳng thể tạo ra được những đàn bướm giống như thế này. Có cái gì đặc biệt, độc đáo và kỳ lạ ở những cây bàng ở đảo này đây mà!

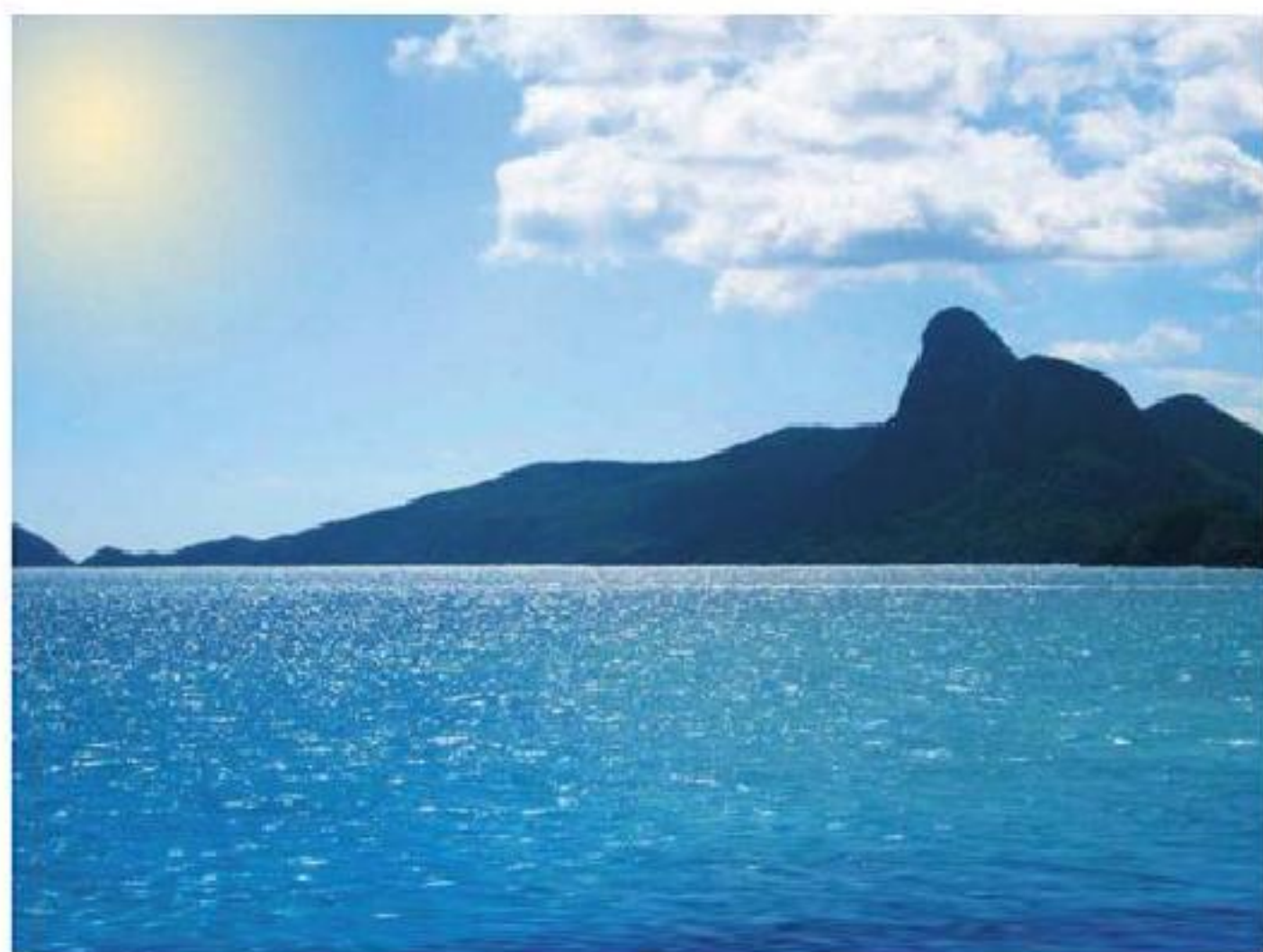
Những sắc cam lung linh giờ lại làm nền cho sắc xanh dương, xanh lục và nâu xám của biển, của tán cây, của núi rừng hùng vĩ đang trải ra bao la hơn theo con đường xuống núi. Gió mát thổi tung nụ cười rạng rỡ, thổi tung ánh mắt nhìn mãi mê sung sướng, thổi tung hồn thơ. Chẳng ấy tâm hồn đang phơi phới theo cái đẹp nín thở của đảo. Dường như chẳng còn gì là quá khứ hay tương lai, bởi cái hiện hữu của hiện tại đang tràn ngập xung quanh mà chẳng thứ gì chen vào nổi. Tất cả đang sống trọn trong từng giây phút của hiện tại. Hơi thở chẳng cần phải theo dõi mà tự nó nhịp nhàng đều đặn và lâng lâng. Con đường uốn lượn như một làn sương khói, lãng đãng thổi vào lòng người một niềm hạnh phúc chảy trôi.

Hạnh phúc và bình an cứ "sờ sờ" trong mắt, trong tim của mỗi người chúng tôi trong suốt bốn ngày ở đảo. Khi thì tan đi trong làn nước trong vắt mát rượi của biển, khi thì lỏng lẻo trong hơi thở của núi rừng, khi thì nhẹ nhẹ thơm thoảng với lá và hoa. Ngay cả giữa cái bí hiểm, rờn rợn trong không khí tâm linh của những dãy nhà tù hay những dải đất nghĩa trang cũng chẳng khiến chúng tôi lo sợ, mà chính nó còn làm cho tình yêu thương chớm nở đối với miền đất này thêm nặng nặng. Những giọt

nước mắt len lén lăn chảy theo câu chuyện của người hướng dẫn du lịch về tình trạng tù ngục, về sự bất khuất, về quá trình thành thánh của những con người mà tôi nghĩ trái tim của họ chắc phải bằng ngọc rất sáng, về cái nghĩa của người vợ với chồng, về những "tâm hồn cao thượng". Nỗi e ngại bằng bạc về ma cô mà lắm người ở đất liền thều dẹt đã bốc hơi đầu mất. Chỉ còn lắng đọng cái thốn thức của tình thương và sự cao quý trong những câu chuyện lịch sử nơi đây.

Có lẽ, từ hơi ấm của tình thương và sự hy sinh vì người khác đó mà người dân huyện đảo (khoảng hơn sáu ngàn người) lớn lên với sự hiền thiện, trong sáng, tự nhiên như cây cỏ. Chúng tôi hay tròn mắt nhìn nhau khi được người dân khuyên là nên để xe máy bên vệ đường rồi lặn sâu vào rừng mà chơi. Hay khi tối đến trả xe cho bà chủ nhà khách thì được dặn là cứ để nguyên chìa khóa trên xe và dựng ở ngoài sân trong khi cổng thì được mở 24/24. Và hiếm thấy hơn nữa là lúc dừng lại uống nước gần đầu chợ Côn Đảo, ngồi nửa tiếng đồng hồ trước cửa một tiệm vàng khá lớn mà vắng ngắt bóng dáng người trông coi. Chúng tôi đem thắc mắc hỏi chú xe ôm ngồi ngay đó thì nhận được nụ cười tươi và lời giải thích rằng trên đảo chẳng ai thèm trộm cướp đâu mà lo. Tôi bỗng chợt dạ. Kiểu này mà ở Sài Gòn thì... Người dân ở đây quả chẳng biết gì đến lừa lọc, trộm cắp, tranh quyền, bởi vì lừa lọc ai, trộm của ai và tranh với ai bây giờ? Ở đây chỉ có biển cả, núi rừng, cây cỏ và... muông thú (chim cò, sóc khỉ, rùa vích... đủ cả). Vậy là, chỉ có thiên nhiên! Mà, thiên nhiên thì không biết kinh doanh, cho nên là một điểm đến du lịch nhưng du khách cứ thế thoải mái... tự phục vụ mình là chính, chớ nên quá trông cậy vào câu "khách hàng là thượng đế" mặc dù ở đây ai cũng hiểu khách thừa.

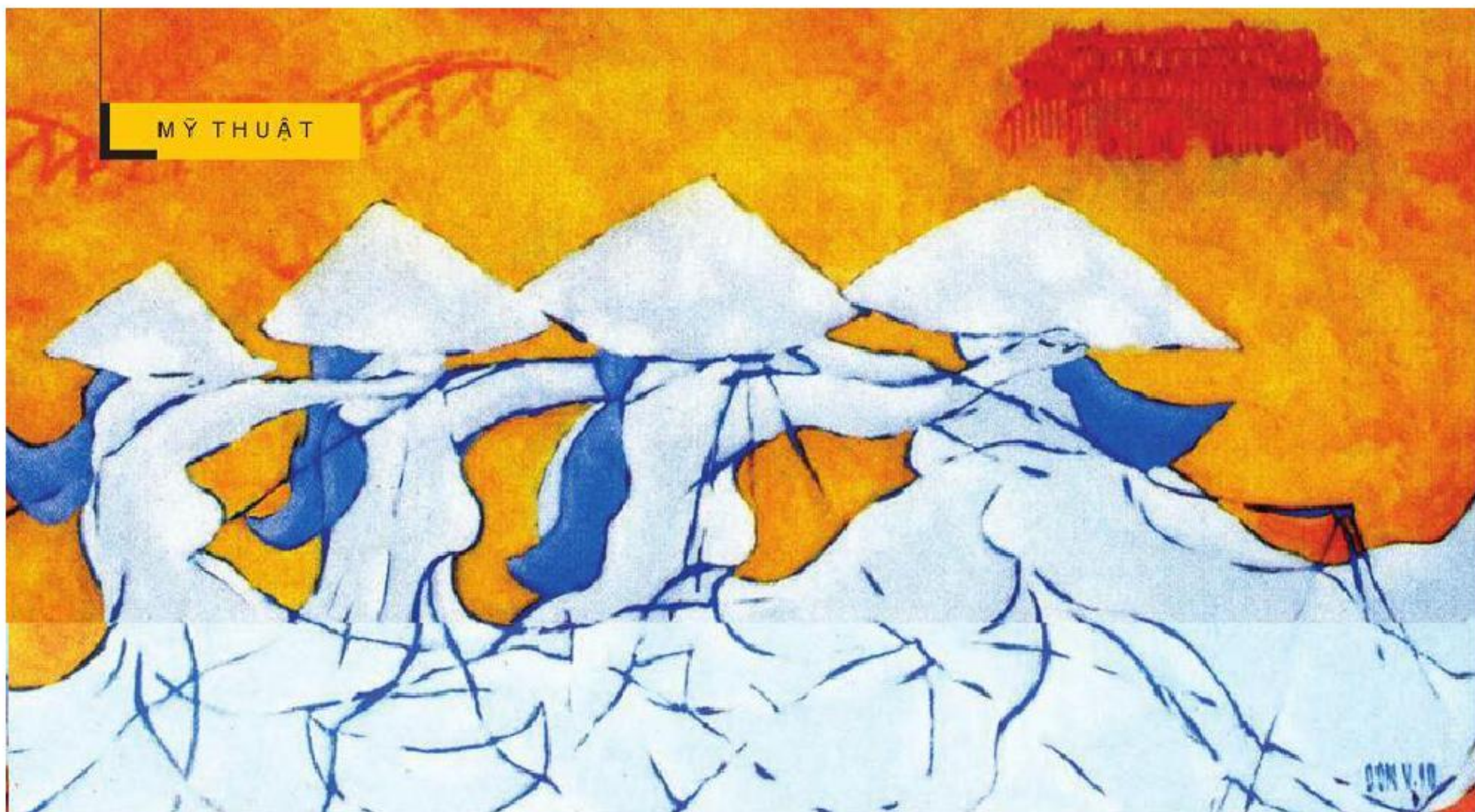
Côn Đảo về đêm mới bình yên làm sao. Những con đường dài rộng mà chẳng mấy bóng xe. Tha hồ thông dong tản bộ. Ngắm nghía hết sao trời lại đến hàng cây thẳng tắp làm con lươn cho lòng đường, tôi giật mình trước những thân bàng to khỏe đồ sộ bằng hơn hai người ôm, mọc vững chãi nối nhau bằng những cành nhánh xum xuê. Đáng vẻ hùng vĩ, oai linh và tráng kiện lạ thường của những cây bàng ở đây lôi kéo cảm giác nửa thần phục nửa nao nao, hết như đang tận mắt nhìn thấy những nhân chứng sống của lịch sử. Tôi đoán mỗi vị này cũng phải hơn trăm tuổi, bởi thân cây gỗ ghề nhiều đường nét, nhiều góc cạnh, có những gốc cây rõ ràng đã bị xén bớt vào một chút để dừng tràn lấn ra lòng đường. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy những cây bàng cổ thụ như thế. Hơn nữa, cây bàng ở đây không chỉ cho bóng mát, mà còn cho người dân xứ này món đặc sản "hạt bàng" ăn bùi, ngon hơn cả đậu phộng. Đa số trong chúng tôi đều mua vài hũ hạt bàng về làm quà, vì nó lạ. Người bán nói cây bàng thì có đầy khắp nước, nhưng món hạt bàng thì chỉ có thể mua được ở Côn Đảo. Giá của món đặc sản này tương



đối cao, bởi công sức bỏ ra lượm lặt, tách từng hạt bàng nhỏ bằng một phần ba đốt ngón tay.

Những ngày với nắng gió, biển cả, núi rừng trôi nhanh nhẹ như những thoảng mây, khiến cả đám chúng tôi cứ ngẩn ngơ thêm tiếc. Biết làm sao để níu giữ, đành chụm đầu bàn tính kế hoạch cho... một lần sau nào đó, sẽ sắp xếp đi như vậy, như vậy.

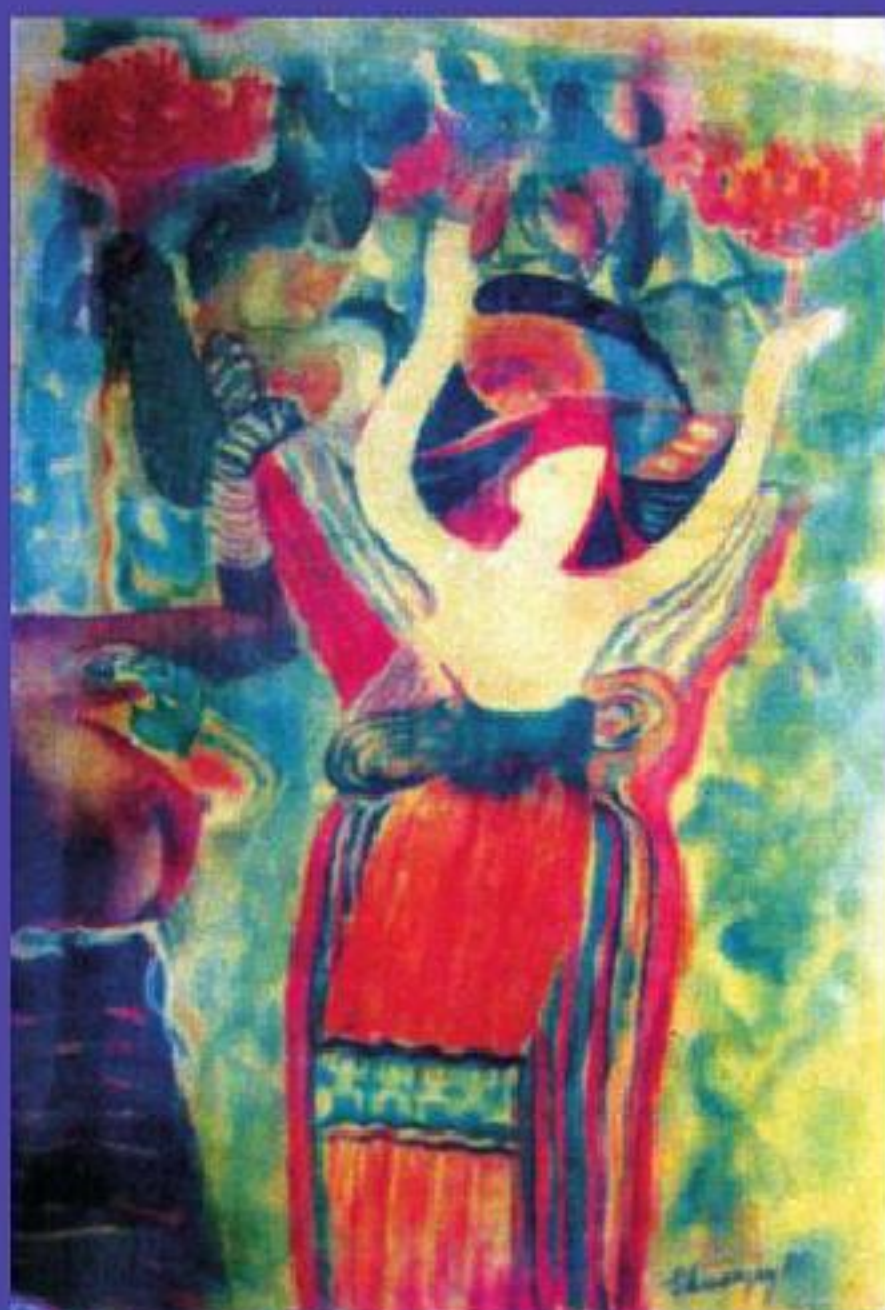
Với riêng tôi thì Côn Đảo như một bậc thiên sư, mà đến với ngài tôi tự nhiên thấy mình được giải thoát, được ngộ. Nhất định tôi sẽ quay lại thăm ngài, nhớ lắm cái bao la trong lành và yêu thương. Đã lâu lắm tôi mới tìm lại được cảm giác lãng mạn say đắm với thiên nhiên như thế. Đã hơn một chục năm, kể từ ngày Sa Pa... ■



Quê nhà, tranh của Trương Hoa Đôn.

Lại về

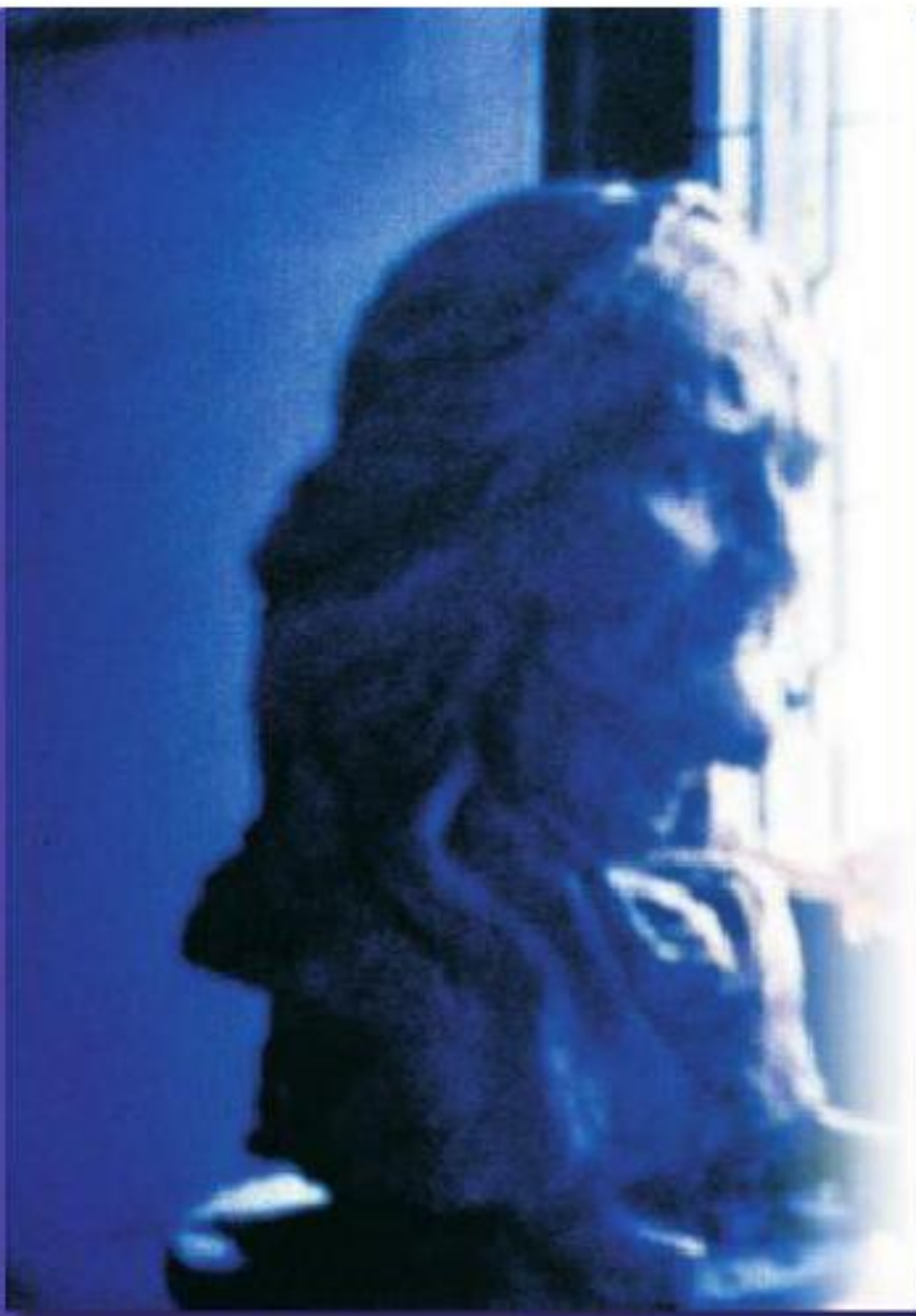
Phòng tranh tượng hưởng ứng Festival Huế 2010



Đất sinh sôi, tranh của Nguyễn Thượng Hỷ.

Từ đầu thế kỷ thứ 21, cứ hai năm một lần, thành phố Huế lại tổ chức một cuộc lễ hội quy mô nhằm giới thiệu những tinh túy của đời sống đất Thần kinh bên cạnh việc trình bày những thành tựu về mặt văn hóa nghệ thuật của con người xứ Huế. Năm nay, Festival Huế được tổ chức lần thứ VI theo chủ đề “Di sản văn hóa với hội nhập và phát triển” sẽ khai mạc vào ngày 5-6-2010 và kéo dài đến hết ngày 13-6-2010. Hiện nay cả nước hướng đến việc kỷ niệm một ngàn năm Thăng Long-Hà Nội, do vậy Festival Huế 2010 hứa hẹn là một lễ hội lớn với nội dung gồm hàng trăm chương trình hoạt động phong phú và đa dạng.

Hưởng ứng tinh thần Festival Huế 2010, một nhóm họa sĩ và điêu khắc gia xứ Huế hiện sinh sống và sáng tác ở nhiều nơi trên khắp cả nước cũng góp mặt trong chương trình với cuộc triển lãm tranh tượng có chủ đề “Lại về” diễn ra tại tòa soạn Tạp chí Sông Hương, số 9 đường Phạm Hồng Thái, TP. Huế. Triển lãm sẽ khai mạc từ ngày 3-6 và bế mạc khi kết thúc Festival Huế 2010. Cuộc triển lãm này được Tạp chí Sông Hương và Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thừa Thiên-Huế phối hợp với Ban Tổ chức Festival Huế 2010 thực hiện. Văn Hóa Phật Giáo xin giới thiệu với quý độc giả các tác phẩm tiêu biểu của triển lãm. ■



Chân dung Bùi Giáng, tượng của Trương Đình Quế.



Tĩnh lặng, tranh của Lê Văn Ba.



Miên nhớ, tranh của Ái Lan.



Thiếu nữ Huế, tranh của Nguyễn Thượng Hải.

Nàng sen, tranh của Kim Long.



Lời cảm ơn cuộc sống

Buổi trưa tháng Năm, trời nóng hầm hập. Từ cơ quan, tôi chạy xe đến trường Đại học Bách khoa để photo tài liệu. Trước cổng trường sinh viên rất đông, họ ngồi thành từng nhóm chuyện trò huyên náo. Quang cảnh đó khiến tôi nhớ lại thuở còn đi học; những buổi tan trường, bạn bè cùng hay tụ tập lại tán gẫu vài câu trước khi về. Tiệm photo đông khách, tôi phải chờ. Vì có cuộc hẹn, sợ bạn sốt ruột nên tôi tính gọi điện báo. Cầm máy lên, mới hay máy hết pin. Nhìn quanh nhưng tôi không sao tìm được chỗ gọi điện thoại công cộng. Tôi tiến đến một nam sinh viên đứng gần đó để hỏi. Cậu ta bảo gần đây thì không, phải đi hơi xa mới có. Nhìn trời nắng gắt, tôi ngao ngán. Như đoán được ý tôi, cậu sinh viên hỏi: Chị cần gọi điện? Tôi gật đầu. Vừa dúi vào tay tôi chiếc điện thoại, cậu vừa nói: Chị gọi đi. Tôi ngần ngại, rồi đành cảm vì sự nhiệt tình của cậu. Trao đổi vài câu với bạn, tôi gửi trả lại chiếc điện thoại với lời cảm ơn chân thành. Cậu vui vẻ đưa: Sao nhanh vậy chị, sợ em hết tiền à? Rồi cười, nụ cười tươi tắn. Thú thật, lúc đó tôi rất cảm động và vui. Tân ngữ, tôi muốn bày tỏ thêm cảm xúc trong lòng ngoài hai chữ cảm ơn. Hình như đã lâu rồi, tôi không gặp “người tốt, việc tốt”. Cử chỉ đẹp của người sinh viên tuy nhỏ nhưng đã khơi lại niềm tin về cách đối nhân xử thế trong tôi.

Chào tạm biệt người sinh viên trẻ hào hiệp, tôi chạy xe đi mà vẫn quay lại nhìn vì mình đã quên không hỏi tên, chợt bất gặp lại nụ cười tươi nơi cậu, dường như mây trời xanh hơn và nắng thì dịu đi rất nhiều.

Thanh Vân, Tp. HCM.

Có việc gấp liên quan đến gia đình nên tôi vội đón xe từ Hà Tĩnh ra Vinh. Ngồi trên xe đa phần là các chị em buôn bán. Không khí huyên náo với những câu chuyện của các bà các chị. Nào vật giá leo thang, nào học phí các con tăng cao, rồi đến chuyện xã hội, chuyện làng, chuyện xóm... đủ các thứ chuyện. Câu chuyện rôm rả hết chuyện này đến chuyện nọ bỗng chuyển đến chuyện nhân quả làm phước. Tôi ngồi im lặng, lắng nghe. Một chị khoảng ngoài ba mươi lên tiếng kể: Một hôm hai vợ chồng chị đi xe gắn máy trên đường ra Vinh thăm bố mẹ chị. Đang chạy xe ngon lành bỗng anh ấy quay xe trở lại một quãng. Chưa kịp thắc mắc thì anh ấy dừng xe ven đường cúi xuống lượm một cái đinh mà ai đó đã cố tình bẻ cong cả hai đầu rồi đặt cách vệ đường hơn nửa thước. Anh bỏ cái đinh vào trong một chiếc túi đựng đựng một ít dụng cụ sửa xe mà anh luôn mang theo xe. Thì ra anh đã tình mắt tránh được bẫy, dĩ một quãng mới nghĩ có thể có người không tránh được nên anh quay lại phá bẫy. Chị vợ chung hứng và nhận biết thái độ có ý thức của chồng mình. Cảm động về hành vi của anh, khi về tới gia đình bên mình, chị đã kể lại câu chuyện cho chị ruột nghe. Bà chị gạt đi, bảo chị chỉ vẽ chuyện để ca ngợi chồng mình. Chị có vẻ áy náy khi nhắc lại lời của người chị ruột. Đáng tiếc cho chị là những người bạn đường của chị cũng không tin chị. Một bà đã sồn sồn bảo, “Thôi đi o ơi, chị của o nói thế là đúng rồi. O chỉ muốn chồng của o là hào hiệp”. Câu nói của bà sồn sồn làm mất chị ấy đỏ hoe. Tôi không quen góp chuyện với người lạ nên cứ ngồi lặng im. Tôi tin rằng chị nói thật. Tôi định bụng, nếu chị cùng xuống bến xe Vinh, tôi sẽ đi theo nói với chị về cảm nghĩ của mình để an ủi chị ấy. Rất tiếc, chị ấy xuống nửa đường. Ngồi trên xe, tôi cứ nghĩ mãi câu chuyện của chị về người chồng tốt bụng. Tôi càng lấy làm tiếc cho những người không tin vào sự thật trong câu chuyện chị kể. Quả vậy, sau khi chị xuống xe, mấy bà kia tiếp tục bình phẩm về câu chuyện của chị, phần lớn là những lời có ác ý.

Tôi kể lại câu chuyện này và xin tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đăng tải. Biết đâu người bạn đường của tôi hôm ấy có thể tình cờ đọc được chuyện tôi viết, chị ấy sẽ yên tâm vì biết rằng không phải ai cũng đứng đưng với chuyện xấu, có điều, mỗi người đều chọn cho mình một cách ứng xử thích hợp với tạng của họ. Mặt khác, câu chuyện về hành vi đúng của chồng người bạn đường tình cờ hôm ấy cũng làm cho tôi tin rằng trong đời vẫn luôn có những người biết nghĩ đến người khác. Điều đó làm cho tôi tin yêu vào cuộc sống.

Lê Như Hiền, Vinh.



Bánh mì xíu

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Bánh mì là món ăn của phương Tây nhưng được du nhập vào nước ta từ lâu, nên đã trở thành món ăn rất quen thuộc. Món bánh mì xíu nhân chay rất phù hợp cho các buổi điểm tâm hay buổi lễ.

Nguyên liệu:

Bánh mì: 3 ổ
Đậu hủ: 2 bìa
Chả chay (loại chế biến từ tàu hủ ky): 200gr
Cà chua: 3 quả
Thân boa-rô: 1 khúc
Ớt tươi: 1 trái
Ngò: vài nhánh
Gia vị: muối, tiêu, đường, nước tương, dầu ăn

Cách làm:

Đậu hủ: cắt lát to bản, chiên vàng
Chả chay: cắt lát như đậu hủ
Cà chua: trụng nhanh qua nước sôi, vớt ra thả vào nước lạnh. Lột vớt lớp vỏ mỏng bên ngoài và xé bỏ hạt. Xay mịn.
Bắc chảo nóng, cho vào 1 muỗng cà phê dầu ăn phi thơm với boa-rô xắt nhỏ. Đổ cà chua đã xay vào xào, nêm gia vị vừa ăn. Tiếp bỏ đậu hủ đã chiên vào xào thơm.

Bánh mì nướng giòn: xẻ dọc, xếp chả lụa và gấp đậu hủ vào. Rưới thêm nước sauce cà chua; rắc tiêu; bỏ thêm ớt, ngò và boa-rô xắt sợi. Dùng ấm nóng.



Ảnh: Vó Lọc

**NHÀ HÀNG CHAY
ÂU LẠC HEALTHY WORLD**

**Healthy
World**



• 237 XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH, P.17, Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM - TEL: 3899 2923
• 237/6 ĐỖ NGỌC THANH, P.6, Q.11, TP.HCM - TEL: 3955 9137

SẮP KHAI TRƯƠNG: • 11-13A NƠ TRANG LONG, P.7, Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM
• 239 LÊ VĂN SỸ, P.13, Q.3, TP.HCM





SIÊU THỊ
PHÁP HOA
www.sieuthiphatgiaovn.vn



Call: 3845 1828

Thực phẩm chay, hoa tươi trái cây, đồ thờ cúng, tranh tượng, pháp khí, pháp phục, tặng phẩm, nhu yếu phẩm, ấn phẩm Phật giáo, kinh sách, băng đĩa, chuỗi hạt...

Nhận ký gửi các mặt hàng
từ các tự viện trong nước

CHÙA PHỔ QUANG 64/3 Phố Quang, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM



MANI MEDIA®
 Thế giới Phật giáo

Call: 39 97 97 88

www.manimedia.vn

Chuyên thực hiện :

- DVD, VCD các buổi thuyết giảng của chư tôn đức Giảng Sư tại các tự viện.
- DVD, VCD các sự kiện Phật giáo.
- DVD, VCD, CD ca nhạc Phật giáo.
- Karaoke Phật giáo.
- Phim truyện, phim hoạt hình Phật giáo.
- Chụp ảnh theo yêu cầu.
- Tổ chức sự kiện, chương trình văn nghệ Phật giáo.
- Thiết kế dàn dựng sân khấu và lễ đài.

Tuyển

nhân viên thiết kế đồ họa 3D
làm phim hoạt hình Phật giáo.

VP: CHÙA PHỔ QUANG - 64/3 Phố Quang, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM
 Email: manimedia38@gmail.com - manimedia38@yahoo.com
 Mobile: 0949 800 179 - 0933 38 62 38



SIÊU THỊ
PHÁP HOA
www.sieuthiphatgiaovn.vn

Shop
HÒA ƯU DẪM

CHÙA PHỔ QUANG

Call: 399 77 200

Email: sieuthiphatgiaovn@yahoo.com

Cung cấp sỉ - lẻ hoa, trái cây, các phụ liệu cắm hoa.
 Dịch vụ cắm hoa và trang trí trái cây nghệ thuật.



Dịch vụ điện hoa
toàn quốc

Xuân đi hoa vẫn nở
 Xuân ở hoa vẫn rơi
 Bận lòng chi rơi nở
 Tự tại lòng thanh thoi



LOTUS DESIGN



VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn



QUÁN CHAY ĐÀO VIÊN

Địa chỉ: 63B Trần Đình Xu, P Cầu Kho, Q1, TPHCM
Điện thoại: 39204252 / 0908373933 / 0902689800 / 0918270456

KHAI TRƯỞNG 04/05/2010



Chuyên phục vụ các món ăn thuần chay thơm ngon, bổ dưỡng, tinh khiết (không trứng, không sữa, không bột ngọt). Thực đơn phong phú trên 160 món chay, nước ép trái cây tươi, nước uống dinh dưỡng, sinh tố.

Nhận đặt tiệc chay, cơm văn phòng, giá cả phải chăng. Khung cảnh lịch sự, thoáng mát, thanh tịnh.
"Ăn chay vì sức khỏe, ăn chay vì hòa bình, ăn chay vì tình thương, ăn chay vì kinh tế, ăn chay để bảo vệ hành tinh"



Hân Hạnh phục vụ quý khách!

Ấm Tử Sa *Phù Quý Thố*



Mua bán đẹp rủng rỉnh như cần thơng ngoạn!

Phòng trưng bày: 491D3 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: 84.08.3553 4605 - 84.08.6658 7775 - DĐ: 0903.848.147

QUÁN CHAY

pháp uyển

ẨM THỰC - HỘI HỌA - CAFEBOOK - TRÀ CỤ
mở cửa từ 7 giờ đến 21 giờ mỗi ngày

17/4 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Email: lienhe@phapuyen.com - Phone: 08 35035 579



NHÀ HÀNG CHAY

VEGETARIAN RESTAURANT

Hoan Hỷ

Kính chúc Chư tôn đức Tăng Ni;
Đạo hữu Phật tử cùng quý khách:

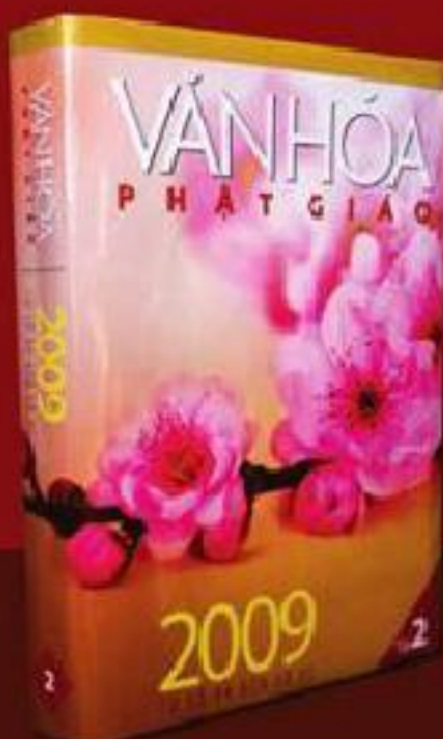
*Tri túc thường an lạc
Vô cần phẩm tự cao*



*Phật tử Hoan Hỷ
Vô cần phẩm tự cao*



142/4 Lê Duẩn - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0935497999 - 0511.2217959



Văn Hóa Phật Giáo đóng bộ **Tập 2** năm 2009

(từ số 84 đến 95)

Đang phát hành

Bạn đọc có nhu cầu xin liên hệ tại

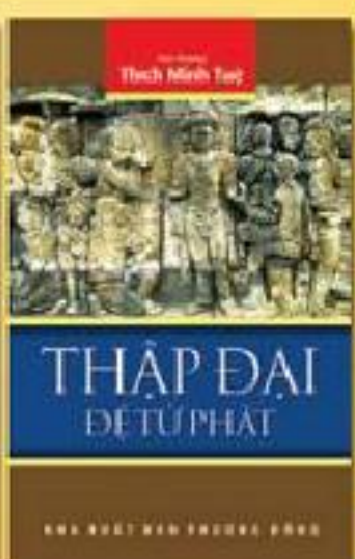
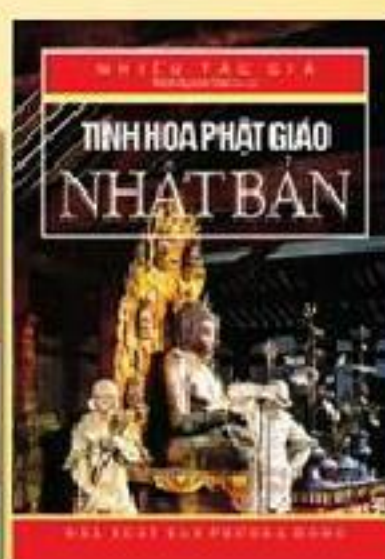
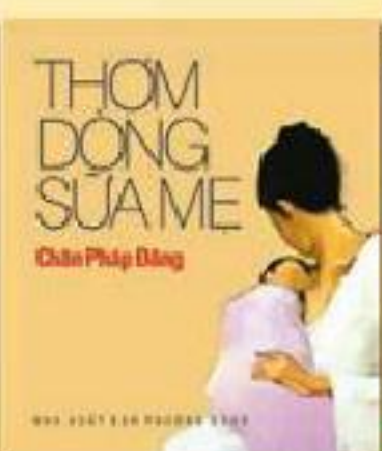
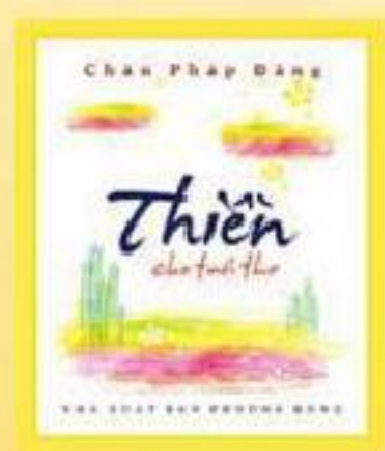
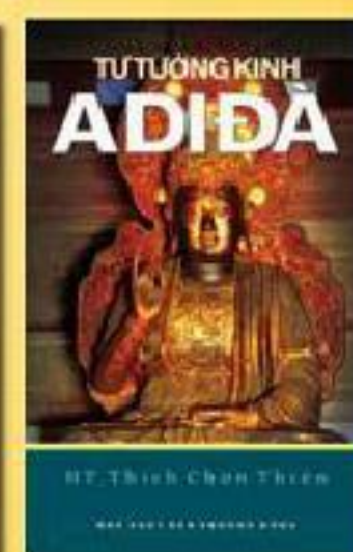
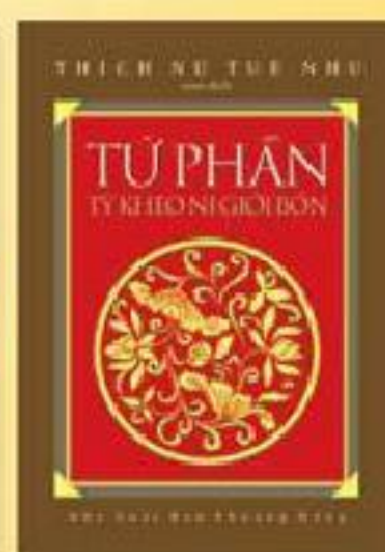
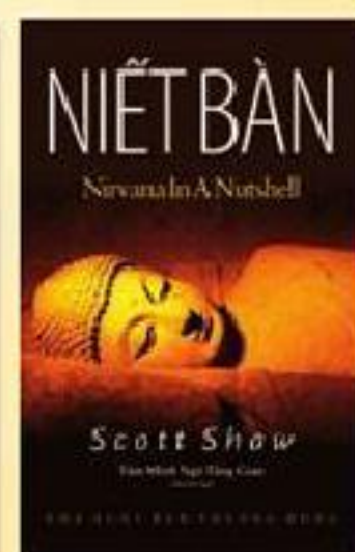
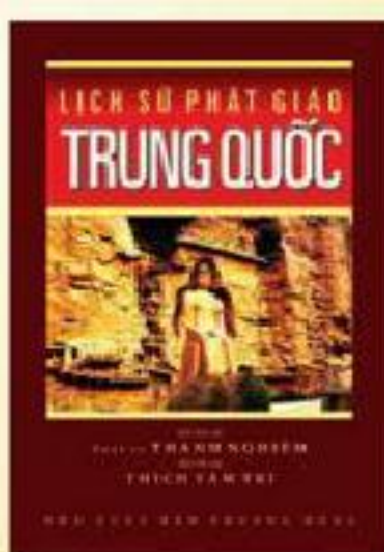
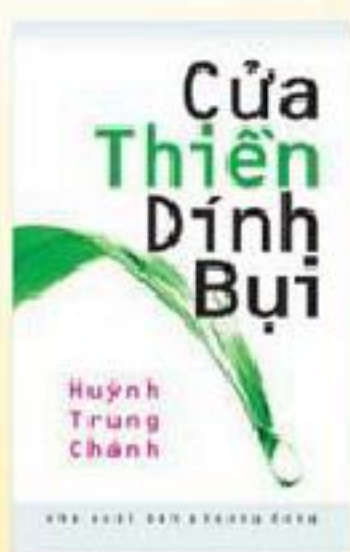
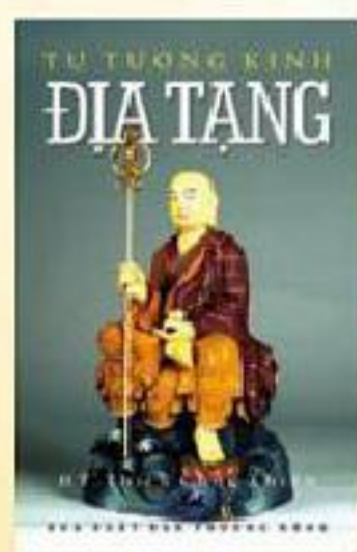
Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM

ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

60/116 Lý Chính Thắng – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM
(Mặt tiền bờ kênh Nhiêu Lộc). Tel: 08.38482028



Thông báo

Cửa hàng chúng tôi xin thông báo đến quý khách hàng:
Kể từ ngày 01/4/2010 cửa hàng chúng tôi đã chuyển đến địa chỉ số 60/116 Lý Chính Thắng – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM (Mặt tiền bờ kênh Nhiêu Lộc).
Tel: 08.38482028



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Số 107

Phát hành ngày 15 - 6 - 2010

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tịnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy
Nhơn - Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, Chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, Chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành - Bà
Rịa Vũng tàu
LH: Sư cô Liên Đức
ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngõ Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, Chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG